

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

PHẠM NGỌC HIẾU

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

Hà Nội - Năm 2014

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

PHẠM NGỌC HIẾU

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

**Chuyên ngành: Quản lý kinh tế
Mã số: 60 34 04 10**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TẠ ĐỨC KHÁNH

**XÁC NHẬN CỦA
CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH
HỘI CHẤM LUẬN VĂN**

Hà Nội - Năm 2014

MỤC LỤC

| | |
|--|-----|
| Danh mục các ký hiệu viết tắt | i |
| Danh mục các bảng | ii |
| Danh mục các biểu đồ | iii |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Tính cấp thiết của đề tài | 1 |
| 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu | 2 |
| 2.1. Mục đích nghiên cứu | 2 |
| 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu | 3 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 3.1. Đối tượng nghiên cứu | 3 |
| 3.2. Phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 4. Kết cấu của luận văn | 3 |
| Chương 1 | 5 |
| TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ | 5 |
| CƠ SỞ LÝ LUẬN QLNN VỀ DU LỊCH | 5 |
| 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu | 5 |
| 1.1.1. Các công trình nghiên cứu về du lịch | 5 |
| 1.1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu đã công bố và vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu QLNN về du lịch | 10 |
| 1.2. Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về du lịch | 12 |
| 1.2.1. Khái niệm du lịch và các đặc điểm của du lịch | 12 |
| 1.2.2. Các yếu tố tác động tới du lịch | 17 |
| 1.2.3. Đặc điểm của quản lý nhà nước về du lịch | 20 |
| 1.2.4. Vai trò quản lý nhà nước đối với du lịch | 22 |
| 1.2.5. Yêu cầu đối với quản lý nhà nước về du lịch | 25 |
| 1.2.6. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh | 28 |

| | |
|--|----|
| Chương 2..... | 36 |
| PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU..... | 36 |
| 2.1. Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu thứ cấp | 36 |
| 2.2. Phương pháp xử lý thông tin, tài liệu thứ cấp..... | 37 |
| 2.3. Phương pháp phân tích thông tin | 37 |
| 2.3.1. Phương pháp thống kê mô tả | 37 |
| 2.3.2. Phương pháp so sánh | 38 |
| 2.3.3. Phương pháp tổng hợp | 38 |
| Chương 3..... | 39 |
| THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH TRÊN..... | 39 |
| ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2009-2013..... | 39 |
| 3.1. Điều kiện, tiềm năng và thế mạnh của Hà Giang tác động đến du lịch | 39 |
| 3.1.1. Điều kiện tự nhiên..... | 39 |
| 3.1.2. Những yếu tố về văn hoá | 43 |
| 3.1.3. Những yếu tố về kinh tế - xã hội..... | 47 |
| 3.1.4. Đánh giá chung về điều kiện, tiềm năng thế mạnh | 51 |
| 3.2. Thực trạng hoạt động du lịch ở Hà Giang giai đoạn 2009-2013 | 54 |
| 3.2.1. Tình hình hoạt động du lịch | 54 |
| 3.2.2. Đánh giá chung về hoạt động du lịch ở Hà Giang giai đoạn 2009-2013 | 61 |
| 3.3. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2009-2013 | 63 |
| 3.3.1. Việc tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật chung của Nhà nước liên quan đến hoạt động du lịch và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển du lịch mang tính đặc thù, thuộc thẩm quyền của địa phương..... | 64 |
| 3.3.2. Công tác xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh..... | 69 |

| | |
|---|----|
| 3.3.3. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực giải quyết các thủ tục hành chính như đăng ký, cấp phép, ưu đãi đầu tư..... | 72 |
| 3.3.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch..... | 75 |
| 3.3.5. Tạo lập sự gắn kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia, trong hoạt động du lịch; giữa địa phương và Trung ương trong quản lý nhà nước về du lịch..... | 77 |
| 3.3.6. Thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch..... | 80 |
| 3.3.7. Đánh giá chung công tác quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Hà Giang | 81 |
| Chương 4..... | 88 |
| PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG | 88 |
| CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH..... | 88 |
| TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG | 88 |
| 4.1. Dự báo, quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020..... | 88 |
| 4.1.1. Những yếu tố thuận lợi tác động đến phát triển du lịch..... | 88 |
| 4.1.2. Những khó khăn thách thức cơ bản | 90 |
| 4.1.3. Quan điểm phát triển du lịch..... | 91 |
| 4.1.4. Mục tiêu, phương hướng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang | 92 |
| 4.1.5. Phương hướng tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang | 95 |
| 4.2. Các giải pháp cơ bản tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang..... | 96 |
| 4.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật | |

| | |
|--|------------|
| về du lịch | 96 |
| 4.2.2. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư phát triển du lịch | 98 |
| 4.2.3. Tăng cường hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan | 100 |
| 4.2.4. Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch ở tỉnh Hà Giang | 102 |
| 4.2.5. Củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch chuyên nghiệp; tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành; cải cách thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch | 103 |
| 4.2.6. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch | 107 |
| 4.2.7. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch..... | 108 |
| 4.2.8. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quản lý nhà nước về du lịch | 109 |
| KẾT LUẬN | 111 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | |

Lời cảm ơn

Trong quá trình làm Luận văn Thạc sĩ Quản lý kinh tế K21 tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, tôi đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ tận tình của Khoa Kinh tế Chính trị, Khoa sau đại học, Trường Đại học Kinh tế, Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hà Giang, Cục thống kê Hà Giang, Ban quản lý công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, quý Thầy giáo, Cô giáo, đồng nghiệp, bạn bè và gia đình đã tạo điều kiện về thời gian, hướng dẫn nội dung và cung cấp những thông tin, tài liệu cần thiết. Với lòng kính trọng và biết ơn, tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn Tiên sĩ Tạ Đức Khánh đã quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ tận tình để cho tôi hoàn thành được Luận văn Thạc sĩ Quản lý kinh tế này.

Cho phép tôi được gửi đến quý Trường, Khoa, quý Thầy giáo, Cô giáo, quý Cơ quan, các đồng nghiệp, bạn bè cùng gia đình lời cảm ơn sâu sắc và chân thành nhất.

Tác giả

Phạm Ngọc Hiếu

Cam kết

Tôi xin cam đoan Luận văn này hoàn toàn do tôi thực hiện. Các trích dẫn và số liệu sử dụng trong luận văn đều được dẫn nguồn và có độ chính xác cao nhất trong phạm vi hiểu biết của tôi.

Tác giả

Phạm Ngọc Hiếu

Danh mục các ký hiệu viết tắt

| Stt | Ký hiệu | Nguyên nghĩa |
|-----|----------|---|
| 1 | BQL | Ban quản lý |
| 2 | CNH, HĐH | Công nghiệp hóa, hiện đại hóa |
| 3 | CNĐĐV | Cao nguyên đá Đòng Vần |
| 4 | CSLT | Cơ sở lưu trú |
| 5 | CSHT | Cơ sở hạ tầng |
| 6 | CSVCL-KT | Cơ sở vật chất kỹ thuật |
| 7 | CVĐC | Công viên địa chất |
| 8 | DLST | Du lịch sinh thái |
| 9 | DTTS | Đồng bào dân tộc thiểu số |
| 10 | GDP | Tổng sản phẩm quốc nội (Gross Domestic Product) |
| 11 | HĐDL | Hoạt động du lịch |
| 12 | KCHT | Kết cấu hạ tầng |
| 13 | KH&ĐT | Kế hoạch và Đầu tư |
| 14 | KT-XH | Kinh tế - xã hội |
| 15 | NN&PTNT | Nông nghiệp và phát triển nông thôn |
| 16 | NSNN | Ngân sách Nhà nước |
| 17 | Nxb | Nhà xuất bản |
| 18 | QHĐT | Quy hoạch tổng thể |
| 19 | QLNN | Quản lý nhà nước |
| 20 | TCDL | Tổng cục Du lịch |
| 21 | TNDN | Thuế thu nhập doanh nghiệp |
| 22 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 23 | VHDT | Văn hóa dân tộc |
| 24 | VHTT&DL | Văn hóa thể thao và du lịch |
| 25 | XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

Danh mục các bảng

| Stt | Bảng | Nội dung | Trang |
|------------|-------------|---|--------------|
| 1 | Bảng 3.1 | Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế giai đoạn 2009-2013 | 47 |
| 2 | Bảng 3.2 | Cơ cấu khách du lịch giai đoạn 2009-2013 | 53 |
| 3 | Bảng 3.3 | So sánh lượng khách đến Hà Giang với các tỉnh lân cận Trung du và Miền núi Phía Bắc giai đoạn 2009-2013 | 55 |
| 4 | Bảng 3.4 | Doanh thu từ hoạt động du lịch Hà Giang so với các tỉnh lân cận trong vùng Trung du miền núi phía bắc giai đoạn 2009-2013 | 56 |
| 5 | Bảng 3.5 | Hiện trạng số ngày lưu trú, thời gian lưu trú bình quân giai đoạn 2009-2013 | 57 |
| 6 | Bảng 3.6 | Hiện trạng cơ sở lưu trú và lao động ngành du lịch giai đoạn 2009-2013 | 58 |

Danh mục các biểu đồ

| Stt | Biểu đồ | Nội dung | Trang |
|------------|----------------|---|--------------|
| 1 | Biểu đồ 3.1 | Cơ cấu các ngành kinh tế | 47 |
| 2 | Biểu đồ 3.2 | Thực tế lượng khách du lịch giai đoạn 2009-2013 | 54 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, ngành du lịch Việt Nam đã có nhiều khởi sắc, thay đổi diện mạo và từng bước khẳng định tầm vóc của ngành trong nền kinh tế quốc dân, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, xóa đói giảm nghèo và cải thiện đời sống cho người dân. Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, thời đại toàn cầu hóa; ngành du lịch đứng trước những khó khăn, thách thức, đòi hỏi phải có sự đổi mới, tăng cường công tác QLNN, để ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế “mũi nhọn”.

Hà Giang là một tỉnh miền núi thuộc vùng kinh tế Tây Bắc có những lợi thế về tài nguyên, khí hậu và tiềm năng để phát triển du lịch, nhất là các loại hình du lịch sinh thái, tham quan thắng cảnh, tâm linh, nghiên cứu. Trong những năm qua tỉnh Hà Giang luôn xác định ngành du lịch là ngành kinh tế động lực của tỉnh và ngành du lịch đã góp phần làm cho tỉ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh ngày càng tăng. Cũng như các ngành kinh tế khác, ngành du lịch Hà Giang vẫn là một ngành chưa phát triển mạnh, chưa huy động được các thành phần kinh tế tham gia phát triển du lịch; chưa thực sự khai thác triệt để tiềm năng, lợi thế của tỉnh; một mặt do chưa đủ điều kiện khai thác, quan trọng hơn là QLNN còn có những bất cập, chưa thực sự tạo được môi trường kinh tế, xã hội, pháp luật thuận lợi để phát triển du lịch. Sự hạn chế, thiếu năng động của hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh là hệ quả hay là sản phẩm tất yếu của quá trình QLNN về xây dựng quy hoạch, thực hiện quy hoạch ngành; về quan điểm, phương hướng và cơ chế, chính sách thu hút, đầu tư phát triển ngành. Với điều kiện đặc thù về tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và những ưu đãi khác do thiên nhiên ban tặng. Đặc biệt ngày 03/10/2010, hồ sơ “**Công viên Địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn**” đã được Hội đồng tư vấn Mạng lưới Công viên Địa chất Toàn cầu

(GGN) của UNESCO chính thức công nhận là Công viên địa chất Toàn cầu. Đây hiện là danh hiệu duy nhất ở Việt Nam và thứ hai ở Đông Nam Á (ngày 22/9/2014 tại Canada mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu đã chính thức công nhận lại Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đòng Văn tiếp tục là thành viên Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu); ngoài ra Bộ Văn Hóa Thể thao và Du lịch đã công nhận Ruộng Bạc Thang Hoàng Su Phì là Di tích Quốc gia và nhiều phong tục tập quán của người Dân tộc thiểu số được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia... Hiện nay ngành du lịch vẫn chưa thực sự phát huy được lợi thế này, thể hiện trên một số mặt chủ yếu như: lượng du khách đến với Hà Giang chưa nhiều, số ngày lưu trú bình quân và số lượng buồng phòng còn thấp, doanh thu dịch vụ du lịch chưa nhiều, chưa giải quyết được nhiều việc làm, cơ cấu của ngành du lịch nói riêng, ngành dịch vụ nói chung trong cơ cấu kinh tế của tỉnh còn thấp. Ngành du lịch khó có thể trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh nếu tình trạng trên tiếp tục tiếp diễn. Do vậy, việc nghiên cứu một cách khoa học và có hệ thống để tìm ra những giải pháp QLNN nhằm thúc đẩy sự phát triển ngành du lịch tỉnh Hà Giang thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong tương lai và góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển KTXH của tỉnh là yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, tác giả luận văn chọn đề tài: "**Quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang**" để nghiên cứu là cần thiết, có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Làm thế nào để tăng cường công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang ?

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang, đưa ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển KTXH của tỉnh.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất: Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về du lịch, QLNN về du lịch.

Thứ hai: Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động du lịch, công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Thứ ba: Đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là hoạt động QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

+ *Về không gian nghiên cứu:* Nghiên cứu công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

+ *Về thời gian nghiên cứu:* Từ năm 2009 đến năm 2013;

+ *Về nội dung nghiên cứu:* Luận văn chủ yếu nghiên cứu các hoạt động QLNN được thực hiện bởi chính quyền cấp tỉnh, như nghiên cứu các chính sách, công cụ, hoạt động QLNN về du lịch; công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong thời gian qua.

4. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo và phần kết luận, luận văn được trình bày trong 4 chương :

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận QLNN về du lịch.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Thực trạng quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2009-2013.

Chương 4: Phương hướng và giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN QLNN VỀ DU LỊCH

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong những năm qua, vấn đề phát triển du lịch nói chung, QLNN về du lịch nói riêng ở phạm vi cả nước hoặc từng địa phương là đề tài thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà lãnh đạo và quản lý kinh tế. Để thực hiện luận văn này, tác giả đã nghiên cứu một số nội dung về kinh tế du lịch, quy hoạch du lịch, phát triển du lịch, quản lý nhà nước (QLNN) về du lịch và các tài liệu có liên quan đến ngành du lịch. Một số công trình khoa học tiêu biểu mà tác giả đã nghiên cứu:

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về du lịch

Đến nay, ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về phát triển du lịch, kinh tế du lịch và QLNN về du lịch. Liên quan đến nội dung này, dưới dạng các công trình là đề tài khoa học, Luận văn Thạc sĩ, Luận án Tiến sĩ đã có các công trình chủ yếu sau:

- Giáo trình “Kinh tế du lịch”, Chủ biên: GS.TS. Nguyễn Văn Đính; PGS.TS. Trần Thị Minh Hòa - Hà Nội: Nxb Đại học kinh tế Quốc dân. Công trình đã mô tả bản chất của nguồn nhân lực du lịch; vai trò và đặc trưng của nhóm lao động thực hiện chức năng QLNN về du lịch, nhóm lao động chức năng sự nghiệp ngành Du lịch và nhóm lao động chức năng kinh doanh du lịch. Những nội dung cơ bản của QLNN về phát triển về nguồn nhân lực ngành Du lịch cũng được đề cập, như quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực ngành Du lịch góp phần thực hiện đường lối, chính sách và phát triển con người; thúc đẩy sẽ phát triển, tạo việc làm, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo xã hội ổn định và phát triển. Một số vấn đề về nội dung cơ

bản của hệ thống tổ chức quản lý du lịch Việt Nam như: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành du lịch Việt Nam, QLNN về lịch (khái niệm, chức năng, phân cấp QLNN về du lịch); công tác quy hoạch du lịch như: Tầm quan trọng của quy hoạch, hậu quả của việc phát triển du lịch thiếu quy hoạch; phạm vi quy hoạch, các thành phần của quy hoạch tổng thể và các giai đoạn cơ bản trong tiến trình quy hoạch du lịch...được trình bày khá rõ ràng (Nguyễn Văn Đính, 2008).

- Giáo trình “Quy hoạch du lịch” của tác giả Bùi Thị Hải Yến, Hà Nội: Nxb Giáo dục, năm 2009. Nội dung cuốn sách hướng dẫn làm rõ các dẫn luận quy hoạch du lịch: Lịch sử phát triển của khoa học quy hoạch du lịch, khái niệm quy hoạch du lịch, nguyên tắc quy hoạch du lịch, tiềm năng và các điều kiện quy hoạch du lịch. Thực trạng kinh doanh du lịch và cơ sở khoa học của việc xây dựng bản đồ trong quy hoạch du lịch. Dự báo nhu cầu phát triển du lịch và các định hướng chiến lược phát triển du lịch. Tổ chức thực hiện và đánh giá tác động từ các dự án quy hoạch phát triển du lịch đến tài nguyên và môi trường. Kinh nghiệm của thế giới về quy hoạch ở vùng biển, vùng núi, các vùng nông thôn và ven đô. Tác giả còn đưa ra những khuyến nghị về quy hoạch du lịch vùng nông thôn và ven đô ở Việt Nam, khẳng định phát triển du lịch gắn với việc bảo vệ, tôn tạo tài nguyên môi trường đảm bảo sự phát triển bền vững; cần có kế hoạch và cơ chế quản lý phù hợp để khai thác có hiệu quả các lợi thế về vị trí, tiềm năng, đẩy mạnh phát triển du lịch góp phần vào phát triển KTXH song vẫn bảo tồn được giá trị về tự nhiên, văn hóa, xã hội (Bùi Thị Hải Yến, 2009).

- Đề tài cấp trường (2012): “Tìm hiểu tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tỉnh Hà Giang” do Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên chủ trì, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Trường chủ nhiệm. Các tác giả của đề tài đã tập trung nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về du lịch, tiềm năng phát

triển du lịch tỉnh Hà Giang: Tài nguyên du lịch tự nhiên, nằm tựa vào dãy núi Hoàng Liên Sơn với dải Tây Côn Lĩnh và Cao nguyên Đồng Văn tạo cho Hà Giang dáng địa hình cao dần về phía Tây Bắc, thấp dần về phía Đông Nam với nhiều cảnh quan du lịch tự nhiên (Đèo Mã Pì Lèng, Núi đôi - Cổng trời Quản Bạ, Rừng Nguyên sinh Đèo gió, Thác tiên, Bãi đá cổ Nám Dăn, Ruộng bậc thang Hoàng Su phì); Tài nguyên du lịch nhân văn (Cột cờ Lũng Cú, Phố cổ Đồng Văn, Dinh Họ Vương, Căng Bắc Mê...), Tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể (Lễ hội Chợ tình Khâu vai, Lễ hội nhảy lửa của người Pà Thẻn, Lễ hội Gầu tào của người Mông, Lễ Hội cầu mưa của người Lô Lô...). Nhóm tác giả đã tập trung phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ ra những hạn chế trong phát triển du lịch; đề xuất định hướng và giải pháp phát triển du lịch Hà Giang đến năm 2020. (Nguyễn Xuân Trường, 2012)

- Đề tài cấp Bộ (2006): “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đầu tư phát triển khu du lịch”, của nhiều tác giả do Viện Nghiên cứu & phát triển Du lịch chủ trì, Th.s Lê Văn Minh làm chủ nhiệm. Đề tài tập trung nghiên cứu hệ thống các khái niệm về khu du lịch, vai trò của đầu tư phát triển các khu du lịch và kinh nghiệm thực tiễn của các nước về đầu tư phát triển các khu du lịch. Phân tích thực trạng về hệ thống các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư du lịch nói riêng và phát triển du lịch nói chung; xác định thực trạng chính sách đầu tư phát triển khu du lịch của Việt Nam và đề xuất 10 giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách đầu tư bao gồm: (i) Giải pháp về công tác tổ chức, quản lý các khu du lịch; (ii) Giải pháp về xây dựng, quản lý và thực hiện quy hoạch các khu du lịch; (iii) Giải pháp về quyền sử dụng đất đai ở các khu du lịch; (iv) Giải pháp về đầu tư phát triển các khu du lịch; (v) Giải pháp về huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển khu du lịch; (vi) Giải pháp về cơ chế, chính sách tài chính, thuế trong đầu tư phát triển các khu du lịch; (vii) Giải pháp về phối hợp và hợp tác liên ngành, liên vùng trong

khai thác tài nguyên ở các khu du lịch; (viii) Giải pháp về cải cách thủ tục hành chính; (ix) Giải pháp hỗ trợ, khuyến khích cộng đồng tham gia phát triển các khu du lịch; (x) Giải pháp về đầu tư, bảo tồn, tôn tạo các giá trị tài nguyên du lịch và bảo vệ môi trường (Lê Văn Minh, 2006).

- Luận văn Thạc sĩ kinh tế của Nguyễn Thanh Vĩnh (2007), “Phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2020”, bảo vệ tại Trường Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Nội dung luận văn đã hướng vào phân tích làm rõ khái niệm về du lịch, vị trí vai trò của du lịch trong nền kinh tế quốc dân, quan điểm của du lịch Việt Nam về phát triển du lịch trong thời kỳ đổi mới, trong đó chỉ ra những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động kinh doanh du lịch ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch Lâm Đồng trong thời gian vừa qua về thành tựu đạt được, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu. Từ đó tác giả luận văn đưa ra những giải pháp chủ yếu phát triển du lịch Lâm Đồng trong giai đoạn tới: (i) Bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch; (ii) Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch; (iii) xúc tiến, quảng bá du lịch; (iv) nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (v) Hoàn thiện nâng cao hiệu lực của bộ máy QLNN về du lịch từ tỉnh đến huyện. (Nguyễn Thanh Vĩnh, 2007)

- Luận án Tiến Sĩ kinh tế của Trần Sơn Hải (2010), “Phát triển nguồn nhân lực ngành Du lịch khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên”, bảo vệ tại Học viện Hành chính. Trong đó tác giả luận án đã nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nguồn nhân lực du lịch, phát triển nguồn nhân lực, QLNN đối với phát triển nguồn nhân lực. Cùng với việc trình bày những kinh nghiệm trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực ở một số quốc gia như Thái Lan, Nhật Bản, Cộng Hòa Liên bang Đức và những bài học kinh nghiệm vận dụng vào điều kiện của Việt Nam tác giả đã xây dựng khung lý thuyết về hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, tạo cơ sở khoa học cho việc phân tích ở phần tiếp theo. Phân tích thực trạng phát triển nguồn nhân lực ngành du

lịch các tỉnh khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và đề xuất 3 nhóm giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực ngành Du lịch các tỉnh khu vực Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Trần Sơn Hải, 2010).

- Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Duy Mậu (2011), “Phát triển du lịch Tây Nguyên đến năm 2020 đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế”, bảo vệ tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả luận án đã hướng nghiên cứu vào làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về thị trường du lịch trong Hội nhập kinh tế quốc tế; phân tích thực trạng của thị trường du lịch Tây Nguyên trong Hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó tác giả đã phác họa rõ nét về những thành tựu, đặc biệt là nêu rõ những vấn đề đặt ra cần khắc phục để mở rộng thị trường du lịch Tây Nguyên đến năm 2020. Nêu rõ xu hướng phát triển của thị trường du lịch quốc tế và quốc gia, từ đó đề xuất phương hướng trọng tâm phát triển thị trường du lịch Tây Nguyên trong Hội nhập kinh tế quốc tế: (i) Xây dựng chiến lược thị trường cho phát triển du lịch Tây Nguyên trong đó xác định thị trường mục tiêu và chiến lược các sản phẩm du lịch; (ii) bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch; (iii) xúc tiến quảng bá du lịch; (iv) đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch; (v) phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và thu hút vốn đầu tư; (vi) nâng cao hiệu lực bộ máy QLNN về du lịch từ tỉnh đến huyện; (vii) phát triển các hình thức liên kết các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn khu vực Tây Nguyên (Nguyễn Duy Mậu, 2011).

- Luận án Tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Tấn Vinh (2008), “Hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng”, bảo vệ tại Trường Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội. Luận án đã hệ thống hóa những lý luận và thực tiễn về du lịch, thị trường du lịch, phát triển du lịch; QLNN về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh; nêu và phân tích kinh nghiệm QLNN về du lịch ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, từ đó rút ra bài học đối với công tác QLNN về du lịch tỉnh Lâm Đồng. Luận án đã đánh giá thực trạng QLNN về du lịch trên địa

bàn tỉnh Lâm Đồng, từ đó dự báo phát triển du lịch tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, đề xuất phương hướng (*quan tâm xây dựng chiến lược thị trường cho phát triển du lịch, hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển du lịch, tổ chức điều hành, kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch*), biện pháp đảm bảo thực hiện phương hướng, kiến nghị hoàn thiện QLNN về du lịch (*chuẩn bị nguồn nhân lực, khai thác nguồn vốn đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, xã hội hóa một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch...*) (Nguyễn Tân Vinh, 2008).

1.1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu đã công bố và vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu QLNN về du lịch

1.1.2.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu đã công bố liên quan đến hoạt động du lịch

Từ các công trình nêu trên có thể khái quát các nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, xác định được những nét cơ bản về du lịch: Khái niệm du lịch, kinh tế du lịch, QLNN về du lịch; các yếu tố tác động tới du lịch; đặc điểm, vai trò, nội dung QLNN về du lịch...

Thứ hai, đặc điểm, tình hình và xu hướng phát triển du lịch ở các địa phương hiện nay. Những kinh nghiệm tạo lập sản phẩm du lịch độc đáo để thu hút khách du lịch của một số vùng ở Việt Nam, kinh nghiệm QLNN về du lịch trên một số lĩnh vực của một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bài học QLNN về du lịch.

Thứ ba, phân tích làm rõ sản phẩm du lịch cơ cấu sản phẩm du lịch, vai trò của những yếu tố cấu thành sản phẩm du lịch, vai trò của du lịch đối với sự phát triển KTXH của đất nước, của các vùng, các tỉnh.

Thứ tư, một số biện pháp đảm bảo thực hiện phương hướng tăng cường QLNN về du lịch như: Đẩy mạnh công tác quy hoạch, chuẩn bị nguồn nhân lực, khai thác nguồn vốn đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, xã hội hóa một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch.

Thứ năm, ở một số công trình nghiên cứu, các tác giả đã đề xuất những phương hướng, mục tiêu và nhóm giải pháp nhằm phát triển du lịch, thị trường du lịch và kinh doanh du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để thu hút du khách trong nước và quốc tế.

Các tác giả đã phản ánh khá đầy đủ, chi tiết và rõ nét về khái niệm, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của du lịch, coi đó như một ngành “công nghiệp không khói” có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển KTXH của đất nước.

1.1.2.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Qua nghiên cứu những tài liệu có liên quan, tác giả rút ra 2 vấn đề cơ bản làm cơ sở cho nghiên cứu đề tài của mình:

Thứ nhất, Các tác giả đã nghiên cứu về du lịch với rất nhiều nội dung khác nhau và đi vào từng lĩnh vực cụ thể của ngành du lịch, nhưng chủ yếu tập trung vào việc nghiên cứu phát triển kinh tế du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch... Một khía cạnh khác ít được các công trình quan tâm nghiên cứu là nội dung QLNN về du lịch trên địa bàn một tỉnh, địa phương, đặc biệt là đối với công tác QLNN về du lịch của một tỉnh miền núi. Đây là một nội dung rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của sự phát triển ngành du lịch nhưng các đề tài nghiên cứu QLNN về du lịch chỉ dừng lại ở phạm vi từng lĩnh vực trong ngành du lịch như chỉ đề cập đến công tác QLNN đối với giáo dục đào tạo hoặc QLNN đối với phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch... Điều đáng nói nhất là chưa có những nghiên cứu cụ thể công tác QLNN về du lịch cho tỉnh Hà Giang. Do đó, đề tài Luận văn là hoàn toàn mới, có tính cấp thiết cao xét từ nhiều phương diện.

Thứ hai, tác giả của luận văn chọn đề tài QLNN về du lịch của một địa phương mà cụ thể là tỉnh Hà Giang để nghiên cứu tìm ra giải pháp tăng cường công tác QLNN đối với ngành du lịch địa phương là mở ra hướng nghiên cứu mới. Tác giả luận văn kế thừa và vận dụng những luận điểm các công trình

của các tác giả nghiên cứu trước đây về từng lĩnh vực quản lý và kinh doanh của từng loại hình du lịch, dịch vụ du lịch từ đó đưa ra hướng nghiên cứu cho mình, đồng thời nghiên cứu này có ý nghĩa thiết thực cho công tác QLNN về du lịch của tỉnh Hà Giang nhằm phát triển ngành du lịch theo đúng hướng và đạt được mục tiêu đề ra. Chủ đề xuyên suốt của luận văn là: QLNN về du lịch trên địa bàn một tỉnh cụ thể. Đích đến của luận văn là vận dụng tổng hợp quan điểm, lý luận, kinh nghiệm quản lý, những cơ chế, chính sách hiện hành áp dụng vào điều kiện cụ thể của tỉnh Hà Giang để hoạch định chiến lược, kế hoạch, định hướng, xây dựng cơ chế, chính sách, loại hình du lịch phù hợp, tính khả thi cao nhằm tăng cường công tác QLNN về du lịch giúp cho các cá nhân, tổ chức định hình và triển khai chiến lược dài hạn trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

1.2. Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về du lịch

1.2.1. Khái niệm du lịch và các đặc điểm của du lịch

1.2.1.1. Các khái niệm

a. Khái niệm về du lịch

Ngày nay, du lịch đã thực sự trở thành một ngành kinh tế có vai trò quan trọng không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay quan niệm về du lịch vẫn chưa có sự thống nhất. Do quan điểm tiếp cận và góc độ nghiên cứu khác nhau, có cách hiểu khác nhau về du lịch.

Thuật ngữ “*du lịch*” bắt nguồn từ tiếng Pháp: “Tour” nghĩa là đi vòng quanh, cuộc dạo chơi, còn “*touriste*” là người đi dạo chơi. Trong tiếng Anh “*to tour*” có nghĩa là đi dã ngoại đến một nơi nào đó. Theo nhà sử học Trần Quốc Vượng, du lịch được hiểu như sau: Du có nghĩa là đi chơi, Lịch là lịch lãm, từng trải, hiểu biết, như vậy du lịch được hiểu là việc đi chơi nhằm tăng thêm kiến thức.

Năm 1963, với mục đích quốc tế hóa khái niệm du lịch, tại Hội nghị Liên hợp quốc về du lịch họp ở Roma, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch như sau: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ”.

Tổng hợp các quan niệm trước nay trên quan điểm toàn diện và thực tiễn phát triển của ngành kinh tế du lịch trong nước và quốc tế. Tác giả Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa, chủ biên giáo trình Kinh tế du lịch đã nêu định nghĩa về du lịch như sau:

"Du lịch là một ngành kinh doanh bao gồm các hoạt động tổ chức hướng dẫn du lịch, sản xuất, trao đổi hàng hoá, dịch vụ của các doanh nghiệp nhằm đáp ứng các nhu cầu về đi lại, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí, tìm hiểu và các nhu cầu khác của khách du lịch. Các hoạt động đó phải đem lại lợi ích kinh tế, chính trị, xã hội thiết thực cho nước (địa phương) làm du lịch và bản thân doanh nghiệp" (Nguyễn Văn Đính, 2006, trang 19).

Luật Du lịch do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 14-6-2005 đưa ra định nghĩa: “Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định” (Quốc hội, 2005, trang 9).

Cho đến nay, không ít người, thậm chí ngay cả các cán bộ, công chức nhân viên đang làm việc trong ngành du lịch, chỉ cho rằng du lịch là một ngành kinh tế. Do đó, mục tiêu được quan tâm hàng đầu là mang lại hiệu quả kinh tế. Điều đó cũng có thể đồng nghĩa với việc tận dụng triệt để mọi nguồn tài nguyên, mọi cơ hội để kinh doanh. Trong khi đó du lịch còn là một hiện tượng xã hội, nó góp phần nâng cao dân trí, phục hồi sức khỏe cộng đồng,

giáo dục lòng yêu nước, tính đoàn kết...Chính vì vậy, toàn xã hội phải có trách nhiệm đóng góp, hỗ trợ, đầu tư cho du lịch phát triển như đối với giáo dục, thể thao hoặc một lĩnh vực văn hóa khác.

b. Quan niệm Quản lý nhà nước về du lịch

Trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp những điểm hợp lý của nhiều quan niệm QLNN về du lịch, có thể rút ra: "QLNN về du lịch là phương thức mà thông qua hệ thống các công cụ quản lý bao gồm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch Nhà nước tác động vào đối tượng quản lý để định hướng cho các hoạt động du lịch vận động, phát triển đến mục tiêu đã đặt ra trên cơ sở sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế".

Như vậy, nói đến QLNN về du lịch là nói đến cơ chế quản lý. Cơ chế đó, *một mặt*, phải tuân thủ các yêu cầu của quy luật kinh tế khách quan; *mặt khác*, phải có một hệ thống công cụ như pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch... thích hợp để quản lý. Quan niệm này bao hàm những nội dung cơ bản như: các cơ quan nhà nước có chức năng QLNN về du lịch từ trung ương đến địa phương là chủ thể quản lý; các quan hệ xã hội vận động và phát triển trong lĩnh vực du lịch là đối tượng quản lý và hệ thống pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch là công cụ để Nhà nước thực hiện sự quản lý.

QLNN về du lịch là tạo môi trường thông thoáng, ổn định, định hướng, hỗ trợ, thúc đẩy các hoạt động du lịch phát triển nhưng có trật tự, cạnh tranh lành mạnh nhằm giải quyết hài hòa các lợi ích. Thực hiện kiểm tra, thanh tra giám sát nhằm đảm bảo trật tự, kỷ cương, uốn nắn những hiện tượng, hành vi vi phạm pháp luật.

QLNN về du lịch là hiện tượng phổ biến đối với tất cả các nước trên thế giới, không phải chỉ riêng ở Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ và yêu cầu quản lý ở mỗi quốc gia có khác nhau và phụ thuộc vào sự phát triển của từng

nước, trước hết là sự phát triển của các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cũng như trình độ QLNN và trình độ dân trí của mỗi quốc gia.

1.2.1.2. Các đặc điểm của du lịch

Xuất phát từ các khái niệm về du lịch, có thể rút ra một số đặc điểm chủ yếu về du lịch như sau:

Một là, Du lịch mang tính chất của một ngành kinh tế dịch vụ

Ngày nay, khoa học - kỹ thuật và công nghệ phát triển với tốc độ cao đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phân công lao động xã hội, làm gia tăng nhu cầu phục vụ sản xuất cũng như cuộc sống văn minh của con người, du lịch trở thành một ngành kinh tế độc lập. Ở các nước phát triển và đang phát triển, tỷ trọng du lịch trong thu nhập quốc dân ngày càng tăng lên. Du lịch là một ngành kinh tế dịch vụ, bởi vậy sản phẩm của nó vừa mang những đặc điểm chung của dịch vụ vừa mang những đặc điểm riêng mà ngành dịch vụ khác không có.

Hai là, Du lịch là loại hình dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần cho khách du lịch trong thời gian đi du lịch

Dịch vụ du lịch khác với các ngành dịch vụ khác ở chỗ: dịch vụ du lịch chỉ thỏa mãn nhu cầu cho khách du lịch chứ không thỏa mãn nhu cầu cho tất cả mọi người dân. Dịch vụ du lịch là nhằm thỏa mãn những nhu cầu hàng hóa đặc thù của du khách trong thời gian lưu trú bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ về ăn, ở, nghỉ ngơi, đi lại, tham quan, vui chơi giải trí, thông tin về văn hóa, lịch sử, tập quán... Thực tế hiện nay cho thấy, ở nhiều nước trên thế giới, khi thu nhập của người dân tăng lên, đủ ăn, đủ mặc thì du lịch trở thành không thể thiếu, bởi vì ngoài việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm và lý trí, du lịch còn là một hình thức nghỉ dưỡng tích cực, nhằm tái tạo lại sức lao động của con người.

Ba là, việc tiêu dùng và cung ứng dịch vụ du lịch xảy ra trong cùng một thời gian và không gian

Việc tiêu dùng các dịch vụ và một số hàng hóa (thức ăn, đồ uống...) xảy ra cùng một thời gian và cùng một địa điểm...

Trong du lịch, người cung ứng không phải vận chuyển dịch vụ và hàng hóa đến cho khách hàng, mà ngược lại, tự khách du lịch phải đi đến nơi có dịch vụ, hàng hóa. Chính vì vậy, vai trò của việc thông tin, xúc tiến quảng bá du lịch là hết sức quan trọng, đồng thời việc quản lý thị trường du lịch cũng cần có những đặc thù riêng.

Bốn là, du lịch mang lại lợi ích thiết thực về chính trị, kinh tế, xã hội cho nước làm du lịch và người làm du lịch

Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới, du lịch không những đem lại lợi ích thiết thực về kinh tế mà còn mang lại cả lợi ích về chính trị, văn hóa, xã hội... Tuy nhiên, sự chi phối mạnh nhất đối với ngành du lịch vẫn là lợi ích kinh tế. Vì vậy, ở nhiều nước đã đưa ngành du lịch phát triển với tốc độ cao và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân, mang lại nguồn thu nhập lớn trong tổng sản phẩm xã hội. Do đó, dịch vụ du lịch ngoài việc thỏa mãn các nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch còn phải đảm bảo mang lại lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội cho quốc gia làm du lịch và cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động du lịch.

Năm là, du lịch chỉ phát triển trong môi trường hòa bình và ổn định

Du lịch là lĩnh vực rất nhạy cảm với những vấn đề chính trị, xã hội. Du lịch chỉ có thể xuất hiện và phát triển trong điều kiện hòa bình và quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. Hòa bình là đòn bẩy thúc đẩy hoạt động du lịch, ngược lại, du lịch có tác dụng trở lại đến việc củng cố hòa bình. Thông qua du lịch quốc tế con người thể hiện nguyện vọng nóng bỏng của mình là được sống, lao động trong hòa bình và hữu nghị. Hơn thế nữa, không cần phải có chiến tranh mà chỉ cần có những biến động chính trị, xã hội ở một khu vực, một vùng, một quốc gia, một địa phương với mức độ

nhất định cũng làm cho du lịch bị giảm sút và muốn khôi phục cần phải có thời gian. Ví dụ, vụ khủng bố 11/9 tại Mỹ, khủng bố tại đảo Bali - Indonêxia, sự kiện “đảo chính” ở Thái Lan, cuộc nội chiến ở Ucraina, tình hình căng thẳng ở Biên Đông, Biển Hoa Đông... đã làm ảnh hưởng tới ngành du lịch các nước có liên quan và nước sở tại. Hơn nữa, tình trạng dịch bệnh, ô nhiễm môi trường cũng là những nhân tố quan trọng tác động đến khách du lịch.

1.2.2. Các yếu tố tác động tới du lịch

1.2.2.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của một quốc gia, một vùng, một địa phương (địa hình, khí hậu, nguồn nước, tài nguyên thiên nhiên...) có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc hình thành các trung tâm, điểm đến du lịch và tạo tính bền vững của các sản phẩm du lịch. Thực tiễn cho thấy, một quốc gia, một vùng, một địa phương nếu có nhiều cảnh đẹp tự nhiên, có khí hậu ấm áp, có động vật, thực vật phong phú, nằm ở vị trí có hệ thống giao thông thuận lợi thì ở nơi đó chắc chắn sẽ có sức hấp dẫn lớn thu hút khách du lịch đến tham quan, nghiên cứu, tìm hiểu... Đồng thời có khả năng đáp ứng các yêu cầu của nhiều loại hình du lịch với những đối tượng khác nhau góp phần thúc đẩy du lịch phát triển mạnh.

1.2.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội và các ngành kinh tế:

Sự phát triển của nền sản xuất xã hội có tầm quan trọng hàng đầu làm xuất hiện nhu cầu du lịch và biến nhu cầu của con người thành hiện thực. Thực tế cho thấy ở các nước có nền kinh tế chậm phát triển, nhìn chung nhu cầu nghỉ ngơi du lịch còn rất hạn chế. Ngược lại, nhu cầu nghỉ ngơi du lịch ở các nước kinh tế phát triển rất đa dạng. Để giải quyết nhu cầu ăn, ở, đi lại nghỉ ngơi du lịch của con người, những cái thiết yếu nhất đối với khách du

lịch như mạng lưới hệ thống giao thông, phương tiện giao thông, khách sạn, nhà hàng... khó có thể trông cậy vào một nền kinh tế chậm phát triển.

Dân cư và lao động:

Dân cư là lực lượng sản xuất quan trọng của xã hội. Cùng với hoạt động lao động, dân cư còn có nhu cầu nghỉ ngơi và du lịch. Số lượng lao động trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của kinh tế du lịch. Số dân, thành phần dân tộc, đặc điểm nhân khẩu, cấu trúc, sự phân bố và mật độ dân cư có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển du lịch.

Điều kiện sống của dân cư:

Du lịch chỉ có thể phát triển khi mức sống (vật chất, tinh thần) của con người đạt tới một mức nhất định. Một trong những nhân tố quan trọng là mức thu nhập thực tế của mỗi người. Không có mức thu nhập cao (cả cá nhân và xã hội) thì khó có thể nghĩ đến việc nghỉ ngơi, du lịch. Cùng với việc tăng mức thu nhập thực tế, các điều kiện sống khác cũng phải được cải thiện. Nhìn chung, ở những nước nền kinh tế phát triển, có mức thu nhập bình quân theo đầu người cao thì nhu cầu và các hoạt động du lịch phát triển mạnh mẽ nhất.

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch:

Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch và sự thay đổi của nó theo thời gian, không gian trở thành một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hình thành, phát triển du lịch. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch có tính chất KT-XH và là sản phẩm của sự phát triển xã hội. Nó được hình thành trong quá trình phát triển KT-XH dưới tác động của các yếu tố khách quan thuộc môi trường bên ngoài, giữa điều kiện sống hiện có với điều kiện sống cần có thông qua các dạng nghỉ ngơi khác nhau.

Thời gian rỗi:

Du lịch trong nước và quốc tế không thể phát triển được nếu con người thiếu thời gian rỗi. Thời gian rỗi là phần thời gian ngoài giờ làm việc,

diễn ra các hoạt động nhằm hồi phục và phát triển thể lực, tinh thần, trí tuệ của con người.

1.2.2.3. Tài nguyên du lịch

Tài nguyên du lịch là tổng thể điều kiện tự nhiên và văn hóa, lịch sử cùng các thành phần của chúng tạo ra dịch vụ du lịch. Du lịch là một trong những ngành có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành, chuyên môn hóa các điểm, khu du lịch và hiệu quả kinh tế của du lịch.

Xét về cơ cấu, tài nguyên du lịch có thể chia làm 2 nhóm: Tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên nhân văn.

Các tài nguyên thiên nhiên gồm: địa hình, khí hậu, sông, suối nước khoáng, hồ, thực vật, động vật, rừng, núi... Tài nguyên nhân văn: Công trình văn hóa (*viện bảo tàng, triển lãm trưng bày nghệ thuật, thư viện...*); di tích lịch sử, văn hóa; loại hình văn hóa phi vật thể (*lễ hội, nghệ thuật...*).

Mặt khác, tài nguyên du lịch đa dạng về thiên nhiên (*hang động, suối nước khoáng, động vật quý hiếm, nhiều cảnh quan thiên nhiên độc đáo điển hình, đặc sắc...*), giàu bản sắc nhân văn (*các di tích lịch sử, nghệ thuật kiến trúc, những phong tục tập quán, các làng nghề và truyền thống văn hóa đặc sắc của các dân tộc...*) tạo điều kiện cho chúng ta phát triển nhiều loại hình du lịch phong phú hấp dẫn như: Nghỉ dưỡng, thể thao, nghiên cứu khoa học, khám phá cảnh quan thiên nhiên...

1.2.2.4. Kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch

Kết cấu hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt đối với du lịch, mạng lưới và phương tiện giao thông là những nhân tố quan trọng hàng đầu. Chỉ có thông qua mạng lưới giao thông thuận tiện, nhanh chóng thì du lịch mới được đẩy mạnh. Mặt khác, các hệ thống thông tin liên lạc, điện, nước... cũng là một phần quan trọng không thể thiếu trong kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch.

Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: Các trang thiết bị kỹ thuật cần thiết để đón tiếp và phục vụ khách du lịch về lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí... Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch cũng rất quan trọng trong quá trình tạo ra sản phẩm du lịch, cũng như quyết định mức độ khai thác tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch.

1.2.2.5. Yếu tố quản lý nhà nước

Quá trình phát triển du lịch chịu sự tác động của quy luật khách quan trong nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên, các hoạt động du lịch không thể thiếu sự quản lý của nhà nước. Bởi vì, nhà nước là chủ thể đặc biệt trong các mối quan hệ xã hội, đảm bảo cho các quan hệ xã hội được thực hiện theo hướng ngày một tự do, bình đẳng hơn. Để đảm bảo cho việc tìm kiếm, hưởng thụ, bảo vệ và tái tạo những tài nguyên du lịch, nhà nước phải điều phối các nhóm xã hội khác nhau để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia các hoạt động có liên quan đến du lịch với tư cách là một chủ thể (người bán, người mua và người trung gian).

Ngoài ra, bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch cũng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển du lịch. Thực tiễn cho thấy, nếu một quốc gia, một vùng, một địa phương xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ về du lịch, trình độ ngoại ngữ tốt, am hiểu luật pháp quốc tế về du lịch, sử dụng thành thạo thiết bị thông tin, điện tử, cộng với tổ chức bộ máy QLNN về du lịch thống nhất, đồng bộ thì sẽ thúc đẩy du lịch phát triển nhanh. Ngược lại, sẽ làm cho du lịch chậm phát triển, thậm chí không phát triển và sử dụng lãng phí, có thể hủy hoại tài nguyên du lịch...

1.2.3. Đặc điểm của quản lý nhà nước về du lịch

1.2.3.1. Sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với du lịch

Hoạt động du lịch rất đa dạng và luôn đòi hỏi sự quản lý của Nhà nước để duy trì và phát triển. Việc thành công hay thất bại của ngành du lịch phụ

thuộc rất lớn vào khung khổ pháp lý và những chính sách thích hợp với điều kiện và trình độ phát triển của đất nước. Do vậy, vấn đề QLNN về du lịch là một vấn đề cần thiết được đặt lên hàng đầu. Hơn nữa du lịch ở Việt Nam mới trong giai đoạn đầu phát triển, còn gặp nhiều khó khăn và thách thức lớn do vậy rất cần có sự định hướng của Nhà nước để du lịch phát triển. Có thể kết luận rằng hoạt động du lịch cần phải có sự quản lý của Nhà nước bởi vì:

Một mặt, do những khuyết tật và hạn chế của cơ chế thị trường gây nên. Mặt khác, do Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, thể hiện ở việc định hướng phát triển KTXH nói chung, cũng như đối với ngành du lịch nói riêng trong từng thời kỳ. Nhà nước còn điều tiết, can thiệp vào các quan hệ du lịch nhằm đảm bảo sự ổn định thị trường, giá cả, cạnh tranh lành mạnh và sự phát triển bền vững của ngành.

QLNN về du lịch tạo ra sự thống nhất trong tổ chức và phối hợp các hoạt động của cơ quan QLNN về du lịch. Đồng thời, chỉ có sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với hoạt động du lịch mới giúp cho việc khai thác các thế mạnh của từng vùng, từng địa phương đạt kết quả, hơn nữa lại phát huy lợi thế so sánh của quốc gia trong phát triển du lịch quốc tế.

Ngoài ra, du lịch còn là một ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta. Nó liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác. Do vậy, cần thiết phải có sự quản lý của Nhà nước để điều hòa mối quan hệ giữa du lịch với các ngành, các lĩnh vực có liên quan.

1.2.3.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước về du lịch

Một là, Nhà nước là người tổ chức và quản lý các hoạt động du lịch

Xuất phát từ đặc trưng của nền kinh tế thị trường là tính phức tạp, năng động và nhạy cảm. Vì vậy, hoạt động du lịch đòi hỏi phải có một chủ thể có tiềm lực về mọi mặt để đứng ra tổ chức và điều hành, chủ thể ấy không ai khác chính là Nhà nước - vừa là người quản lý, vừa là người tổ chức các hoạt

động liên quan đến du lịch. Để hoàn thành sứ mệnh của mình, Nhà nước phải đề ra pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng các công cụ để tổ chức và quản lý hoạt động du lịch.

Hai là, hệ thống công cụ như pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch... phát triển du lịch là cơ sở, công cụ để Nhà nước tổ chức và quản lý hoạt động du lịch.

Hoạt động du lịch diễn ra hết sức phức tạp với sự đa dạng về chủ thể, về hình thức tổ chức và quy mô hoạt động... Dù phức tạp thế nào, sự quản lý của Nhà nước cũng phải bảo đảm cho hoạt động du lịch có tính tổ chức cao, ổn định, công bằng và có tính định hướng rõ rệt. Do đó, Nhà nước phải ban hành pháp luật, đề ra các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch... và dùng các công cụ này tác động vào lĩnh vực du lịch.

Ba là, QLNN về du lịch đòi hỏi phải có một bộ máy Nhà nước mạnh, có hiệu lực, hiệu quả và một đội ngũ cán bộ QLNN có trình độ, năng lực thật sự.

QLNN về du lịch phải tạo được những cân đối chung, điều tiết được thị trường, ngăn ngừa và xử lý những tình huống xấu, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho mọi hoạt động du lịch phát triển. Để thực hiện tốt điều này thì tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ QLNN không thể khác hơn là phải được tổ chức thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả từ trung ương đến địa phương.

Bốn là, QLNN về du lịch còn xuất phát từ chính nhu cầu khách quan của sự gia tăng vai trò của chính sách, pháp luật... với tư cách là công cụ quản lý.

Hoạt động du lịch với những quan hệ kinh tế rất đa dạng và năng động đòi hỏi có một sân chơi an toàn và bình đẳng, đặc biệt khi lượng khách du lịch tăng cao. Trong bối cảnh đó, phải có một hệ thống chính sách, pháp luật hoàn chỉnh, phù hợp không chỉ phù hợp với điều kiện ở trong nước mà còn với thông lệ và luật pháp quốc tế. Đây là sự thách thức lớn đối với Việt Nam.

1.2.4. Vai trò quản lý nhà nước đối với du lịch

1.2.4.1. Định hướng hoạt động du lịch

Nhà nước thực hiện chức năng hoạch định để định hướng hoạt động du lịch, bao gồm: Hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch, phân tích và xây dựng các chính sách du lịch, quy hoạch và định hướng chiến lược phát triển thị trường, xây dựng hệ thống luật pháp có liên quan tới du lịch. Xây dựng các chương trình, dự án, đề án để cụ thể hóa chiến lược, đặc biệt là lộ trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Thiết lập khuôn khổ pháp lý thông qua việc ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về du lịch, tạo ra môi trường pháp lý cho hoạt động du lịch.

Chức năng hoạch định giúp cho các doanh nghiệp du lịch có phương hướng hình thành phương án chiến lược, kế hoạch kinh doanh. Nó vừa giúp tạo lập môi trường kinh doanh, vừa cho phép Nhà nước có thể kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh du lịch trên thị trường.

1.2.4.2. Tổ chức và phối hợp

Nhà nước thành lập các cơ quan và hệ thống tổ chức quản lý về du lịch, để hoạch định các chiến lược, quy hoạch, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật...đồng thời sử dụng sức mạnh của bộ máy để thực hiện những vấn đề thuộc về QLNN, nhằm đưa chính sách phù hợp về du lịch vào thực tiễn, biến quy hoạch, kế hoạch thành hiện thực, tạo điều kiện cho du lịch phát triển.

Hình thành cơ chế phối hợp hữu hiệu giữa cơ quan QLNN về du lịch với các cấp trong hệ thống tổ chức quản lý du lịch của trung ương, tỉnh (thành phố) và huyện (thị xã).

Đối với lĩnh vực du lịch quốc tế, chức năng này được thể hiện ở sự phối hợp giữa các quốc gia có quan hệ song phương hoặc trong cùng một khối kinh tế, thương mại du lịch trong nỗ lực nhằm đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ

hợp tác quốc tế trong du lịch, đạt tới các mục tiêu và đảm bảo thực hiện các cam kết đã ký kết.

Tổ chức, quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch; nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ tài nguyên du lịch, môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc trong hoạt động du lịch.

1.2.4.3. Điều tiết các hoạt động du lịch và can thiệp thị trường

Nhà nước là người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể kinh doanh nói chung và kinh doanh du lịch nói riêng, khuyến khích và đảm bảo bằng pháp luật cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền. Để thực hiện chức năng này, một mặt, Nhà nước hướng dẫn, kích thích các doanh nghiệp du lịch hoạt động theo định hướng đã vạch ra, mặt khác, Nhà nước phải can thiệp, điều tiết thị trường khi cần thiết để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Trong hoạt động kinh doanh du lịch ở nước ta hiện nay, cạnh tranh chưa bình đẳng, không lành mạnh là một trong những vấn đề gây trở ngại lớn cho quá trình phát triển ngành.

Nhà nước có thể sử dụng nhiều công cụ, biện pháp khác nhau để điều tiết hoạt động kinh doanh du lịch, xử lý kịp thời, đúng đắn mâu thuẫn của các quan hệ.

1.2.4.4. Giám sát các hoạt động du lịch

Nhà nước giám sát hoạt động của mọi chủ thể kinh doanh du lịch cũng như chế độ quản lý của các chủ thể đó (*về các mặt đăng ký kinh doanh, phương án sản phẩm, chất lượng và tiêu chuẩn sản phẩm, môi trường ô nhiễm, cơ chế quản lý kinh doanh, nghĩa vụ nộp thuế...*) cấp và thu hồi giấy phép, giấy hoạt động trong hoạt động du lịch.

Phát hiện những lệch lạc, nguy cơ chệch hướng hoặc vi phạm pháp luật và các quy định của Nhà nước, từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh thích hợp nhằm tăng cường hiệu quả của QLNN về du lịch.

Nhà nước cũng phải kiểm tra, đánh giá hệ thống tổ chức quản lý du lịch của Nhà nước cũng như năng lực của đội ngũ cán bộ công chức QLNN về hoạt động du lịch, tổ chức và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực du lịch, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, việc bảo vệ tài nguyên du lịch, môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc trong hoạt động du lịch.

1.2.5. Yêu cầu đối với quản lý nhà nước về du lịch

Hiện nay, nước ta đang bước vào giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, quá trình đó tạo ra những tiền đề quan trọng thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng cao, nâng cao thu nhập của các tầng lớp dân cư, tác động mạnh đến sự phát triển của ngành du lịch. Bên cạnh đó, xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu rộng, dưới tác động mạnh mẽ của sự phát triển khoa học và công nghệ, xu thế hình thành các nền kinh tế tri thức đang trở thành hiện thực. Khi trở thành thành viên thứ 150 của WTO, nước ta cam kết mở cửa thị trường dịch vụ du lịch và dịch vụ có liên quan theo “luật chơi” chung của WTO, như: dịch vụ xếp chỗ ở khách sạn (CPC) 64110; dịch vụ cung cấp thức ăn (CPC) 642 và đồ uống (CPC) 643; dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành TOUR du lịch (CPC) 7471. Điều này đang mở cho nền kinh tế Việt Nam nói chung, ngành du lịch nói riêng những cơ hội tiếp thu tri thức, công nghệ và các nguồn lực khác từ bên ngoài để phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội, nền kinh tế Việt Nam nói chung, ngành du lịch nói riêng phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong khi nội lực để tiếp thu cơ hội từ bên ngoài còn hạn chế, nguy cơ tụt hậu so với các nước trong khu vực và trên thế giới luôn hiện hữu...

Trong bối cảnh đó, để thúc đẩy du lịch phát triển nhanh và bền vững, đảm bảo các mục tiêu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh

quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường...quản lý nhà nước về du lịch cần tuân thủ một số yêu cầu chủ yếu sau:

Thứ nhất, phát huy mạnh mẽ các nguồn nội lực để phát triển du lịch

Để phát huy mạnh mẽ các nguồn nội lực, cần đảm bảo quyền kinh doanh du lịch cho các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tạo điều kiện và cơ hội để họ mở rộng thị trường, tiếp cận công nghệ hiện đại. Mặt khác, cần tạo môi trường pháp lý thông thoáng, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân kinh doanh du lịch sắp xếp, đổi mới, phát huy lợi thế, nâng cao sức cạnh tranh hướng tới hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực.

Thứ hai, bảo đảm mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh doanh du lịch quốc tế

Đẩy mạnh phát triển du lịch quốc tế, nâng cao khả năng cạnh tranh, thu hút nguồn khách bên ngoài, chủ động hội nhập du lịch quốc tế là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Trên tinh thần đó, QLNN về du lịch cần đề ra chính sách thu hút khách du lịch quốc tế theo hướng: Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh du lịch, đảm bảo tính khuyến khích và khả năng cạnh tranh cao so với các nước trong khu vực. Tiếp tục điều chỉnh giảm giá và phí của các dịch vụ để thu hút du khách quốc tế; nâng cao năng lực quản lý và sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước các cấp trong lĩnh vực du lịch, đơn giản hóa TTHC ở mọi khâu, mọi cấp nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo niềm tin cho du khách, mở rộng thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương nhằm giải quyết kịp thời các vướng mắc, hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động du lịch; cải thiện kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch như: Giao thông, hệ thống thông tin liên lạc...các dịch vụ ăn, nghỉ, đi lại...cũng như các dịch vụ tài chính, ngân hàng để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh du lịch.

Thứ ba, đảm bảo xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý du lịch quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong nước, đồng thời phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế về du lịch

QLNN về du lịch cần coi hoạt động của khách du lịch là đối tượng quản lý, phải xác định rõ và đủ mọi hoạt động của khách du lịch để không bỏ sót các lĩnh vực cần quản lý. Bảo vệ quyền và lợi ích của du khách chính là bảo vệ danh tiếng, giữ gìn sự hấp dẫn du lịch, uy tín và thể diện của quốc gia. Bên cạnh đó, cần có những yêu cầu và quy định đối với khách du lịch, xác định rõ nhiệm vụ mà họ phải thực hiện khi đến du lịch ở nước ta. Vì vậy, thể chế quản lý du lịch không những phải điều chỉnh quan hệ mua và bán dịch vụ mà còn hàm chứa cả việc quản lý các hoạt động khác của du khách như thủ tục xuất nhập cảnh, quá cảnh, đi lại, tiếp xúc, giao lưu... Do vậy, hệ thống văn bản pháp luật về du lịch phải hết sức đồng bộ, nhất quán giữa các cấp, các ngành, tránh dùng biện pháp hành chính máy móc; trong quản lý các hoạt động du lịch quốc tế, thể chế quản lý phải thể hiện yêu cầu quản lý trong nước, phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế về du lịch.

Mặt khác, do đặc thù của hoạt động du lịch, người đứng đầu một doanh nghiệp du lịch, một khách sạn, không thể không chịu trách nhiệm về an ninh chính trị, về hướng dẫn khách tuân thủ pháp luật và tôn trọng phong tục Việt Nam. Như vậy có thể nói, ở chừng mực nhất định, những người đứng đầu một doanh nghiệp kinh doanh du lịch, trong hoạt động của mình thực hiện cả hai chức năng QLNN và quản trị kinh doanh. Do vậy, việc xây dựng thể chế quản lý du lịch cần làm rõ hai chức năng này.

Thứ tư, gắn công tác quy hoạch phát triển du lịch với việc bảo tồn các tài nguyên du lịch và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

Hiện nay, yêu cầu của du khách, nhất là du khách đến từ các nước phát triển, đối với sản phẩm du lịch rất cao, xuất phát từ sự đa dạng trong văn hóa,

tín ngưỡng, phong tục và kinh nghiệm đi du lịch. Vì vậy, để hấp dẫn và lưu giữ, lôi kéo được khách du lịch cần phải tôn tạo, nâng cấp, bảo vệ các danh lam, thắng cảnh để khai thác lâu dài, bền vững. Vai trò của quy hoạch trong xây dựng các điểm du lịch, khu du lịch, tuyến du lịch hết sức quan trọng. Trong quy hoạch và xây dựng, phải hướng tới hiệu quả nhiều mặt, không chỉ về kinh tế mà còn đảm bảo tính thẩm mỹ, văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Thứ năm, đảm bảo sự phối hợp liên ngành trong quản lý Du lịch gắn với việc thực hiện có hiệu quả quan hệ kinh tế đối ngoại

Các hoạt động du lịch đa dạng, mang tính liên ngành, liên vùng, liên quốc gia nên QLNN về du lịch là quản lý liên ngành. Bộ máy QLNN về du lịch trong hoạt động của mình cũng thể hiện tính liên ngành rõ rệt. Ngoài cơ quan đảm nhiệm trực tiếp chức năng QLNN về du lịch, còn có những bộ phận của các cơ quan khác cũng thực hiện chức năng quản lý du lịch. Những hoạt động quản lý du lịch của tất cả các cơ quan này phải chịu sự điều phối, chỉ đạo tập trung của một đầu mối.

Trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, các hoạt động du lịch của mỗi quốc gia phụ thuộc nhiều vào mối quan hệ với các nước và các tổ chức quốc tế về du lịch. Vì vậy, để thúc đẩy phát triển du lịch cần thực hiện có hiệu quả các hoạt động kinh tế đối ngoại.

1.2.6. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn cấp tỉnh

Thực tế hoạt động du lịch đã chỉ rõ, trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, rất cần sự quản lý điều hành của Nhà nước. Du lịch là hoạt động liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, nếu để tự nó phát triển, để thị trường tự phát phát triển, buông lỏng quản lý của Nhà nước, không có sự thống nhất các yếu tố liên ngành, liên vùng, hoạt động du lịch sẽ bị chệch hướng, thị trường bị lũng đoạn, tài nguyên du lịch bị khai thác kiệt quệ, không đảm bảo phát triển du lịch bền vững. Nhiều vấn đề như quy hoạch tổng thể

phát triển du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái, trật tự an toàn xã hội, liên kết hội nhập, những thỏa thuận song phương hoặc đa phương về tạo điều kiện đi lại cho du khách...nếu không có vai trò của Nhà nước không thể giải quyết được. Đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa của hoạt động du lịch, việc hợp tác liên kết luôn đi liền với cạnh tranh đòi hỏi mỗi nước phải có chiến lược tổng thể phát triển du lịch xuất phát từ điều kiện của mình, vừa phát huy được tính đặc thù, huy động được nội lực để tăng khả năng hấp dẫn khách du lịch vừa phù hợp với thông lệ quốc tế, tranh thủ được nguồn lực bên ngoài, để có điều kiện hội nhập. Đây là vấn đề thuộc quyền nhà nước và cũng là trách nhiệm của Nhà nước trong phát triển du lịch.

Để thúc đẩy du lịch phát triển nhanh và bền vững, đảm bảo các mục tiêu về kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường...QLNN về du lịch có các nội dung chủ yếu sau:

Một là, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật chung của Nhà nước liên quan đến hoạt động du lịch và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển du lịch mang tính đặc thù của địa phương thuộc thẩm quyền

Hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật đã khó, nhưng cái khó hơn là làm thế nào để đưa nó đi vào đời sống thực tế. Bản thân chính sách, pháp luật đối với nền kinh tế của một đất nước nói chung và trong lĩnh vực du lịch nói riêng mới chỉ là những quy định của Nhà nước, là ý chí của Nhà nước bắt mọi chủ thể khác (trong đó có chính bản thân nhà nước) phải thực hiện. Vì vậy, để chính sách, pháp luật đi vào cuộc sống các cơ quan nhà nước nói chung, chính quyền cấp tỉnh nói riêng phải tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh. Chính quyền cấp tỉnh phải tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về du lịch cho cán bộ, công nhân viên chức và nhân dân trên địa bàn giúp họ nhận thức đúng đắn, từ đó có hành động đúng trong hoạt động thực tiễn;

đảm bảo sự tuân thủ, thi hành chính sách, pháp luật về du lịch một cách nghiêm túc. Mặt khác, chính quyền cấp tỉnh phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật du lịch trên địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật. Không tùy tiện thay đổi các chính sách của mình, kịp thời hủy bỏ, thay thế các văn bản cũ trái với các văn bản mới ban hành, giảm sự trùng lặp, gây khó khăn cho hoạt động du lịch.

Bên cạnh đó, để phát triển du lịch trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh của địa phương, chính quyền cấp tỉnh phải tạo hành lang pháp lý chung cho cạnh tranh trong tiến hành hoạt động đầu tư phát triển du lịch của nhiều thành phần kinh tế. Đồng thời, nghiên cứu và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền mang tính đặc thù ở địa phương như chính sách khuyến khích đầu tư, chính sách ưu đãi tiền thuê đất, thời hạn thuê đất, chính sách ưu đãi tín dụng... nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tạo sự an tâm, tin tưởng cho các tổ chức, cá nhân (kể cả trong nước và ngoài nước) khi đầu tư vốn để kinh doanh du lịch. Như vậy, việc ban hành các cơ chế, chính sách của địa phương vừa phải bảo đảm theo đúng các quy định của pháp luật và quy định của cơ quan Nhà nước cấp trên, vừa phải thông thoáng trên cơ sở sử dụng nguồn lực của địa phương để khuyến khích phát triển, đồng thời cũng phải đảm bảo tính ổn định và bình đẳng, tính nghiêm minh trong quá trình thực thi. Bên cạnh đó, chính quyền cấp tỉnh cần tiếp tục thực hiện cải cách hành chính ở địa phương theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả. Tiếp tục thực hiện mô hình một cửa trong đăng ký đầu tư, đăng ký kinh doanh...Thực hiện chuẩn hóa các thủ tục hành chính theo tinh thần triệt để tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch, thuận tiện.

Mặt khác, hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển du lịch. Vì vậy, chính quyền cấp tỉnh cần có chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho đầu tư xây dựng kết cấu

hạ tầng du lịch tại các khu, điểm du lịch như mở đường giao thông, xây dựng hệ thống điện, cung cấp nước sạch, phát triển hệ thống thông tin liên lạc, hỗ trợ trong việc tôn tạo các di tích văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc, cảnh quan du lịch...Ngoài ra, chính quyền cấp tỉnh cần phải gắn kết chính sách trong phát triển kinh tế của tỉnh với chính sách phát triển du lịch từ khâu khảo sát hoạch định, tổ chức chức thực hiện như: đảm bảo bình ổn giá cả tiêu dùng và thị trường du lịch, có chính sách điều tiết thu nhập hợp lý và hướng các doanh nghiệp du lịch tham gia thực hiện các chính sách xã hội ở địa phương. Để thực hiện điều này, chính quyền cấp tỉnh phải sử dụng linh hoạt các công cụ quản lý nhằm hạn chế tình trạng nâng giá, độc quyền trong hoạt động kinh doanh du lịch ở địa phương. Du lịch là khâu đột phá kích thích sự phát triển của nhiều ngành, lĩnh vực và cũng là lĩnh vực tạo ra lợi nhuận cao. Trên cơ sở đó trở thành chỗ dựa chính sách để hướng các doanh nghiệp sử dụng nguồn lợi nhuận thu được tiếp tục đầu tư cho sự phát triển lâu dài và bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng du lịch sẵn có của địa phương, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa có tiềm năng phát triển du lịch để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân sở tại.

Hai là, xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch ở địa bàn để giúp các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch định hướng phát triển

Xây dựng và công khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch là một trong những nội dung QLNN có tính quyết định đối với sự phát triển du lịch trên địa bàn của chính quyền cấp tỉnh. Nó giúp cho các cá nhân, tổ chức định hình và triển khai chiến lược dài hạn trong lĩnh vực du lịch.

Trong hoạt động kinh doanh du lịch, mục tiêu cuối cùng của các đơn vị kinh doanh là lợi nhuận. Do đó, nếu không được định hướng phát triển đúng sẽ gây ra lãng phí, kém hiệu quả do không phù hợp với nhu cầu thị trường và

thực tế phát triển của địa phương, nhất là các hoạt động đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng các khu, điểm du lịch,... hoặc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật như các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ... Vì thế, chính quyền cấp tỉnh phải hết sức quan tâm đến việc xây dựng và công khai kịp thời các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch của địa phương. Các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển chung của cả nước. Đáp ứng những yêu cầu của quá trình hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới gắn với tiến trình đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có như vậy, mỗi đơn vị hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch mới có thể xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển riêng phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển chung của địa phương.

Ba là, thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực du lịch do địa phương quản lý

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, vai trò của kinh tế nhà nước nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng trong việc chi phối hoạt động của thị trường, dẫn dắt các thành phần kinh tế khác đã được khẳng định và trở nên quan trọng. Cùng với việc sử dụng và phát huy khả năng điều tiết, chi phối của kinh tế nhà nước, chính quyền cấp tỉnh cần phải quan tâm đến chất lượng và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn. Trước hết phải hoàn thành lộ trình đổi mới, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực du lịch do địa phương quản lý, theo hướng từng bước trở thành các doanh nghiệp kinh doanh hiện đại, có sự liên kết với mạng lưới các hộ kinh doanh cá thể, có khả năng mở rộng các hoạt động du lịch liên vùng, khu vực và kinh doanh lữ hành quốc tế. Mặt khác, cần có chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp du lịch nhà nước thông qua các hình thức như: Đầu tư vốn thông qua góp vốn cổ phần của các công ty nhà

nước, tăng cường cán bộ có năng lực, hỗ trợ một phần kinh phí quảng bá thương hiệu, xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch và đào các bộ quản lý...

Bốn là, tạo lập sự gắn kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia trong hoạt động du lịch; giữa địa phương và trung ương trong QLNN về du lịch

Nâng cao tính liên kết là một điều kiện tất yếu để phát triển bền vững ngành du lịch trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế, bao gồm tính liên ngành, liên vùng, liên quốc gia. Sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các doanh nghiệp du lịch, liên kết giữa các doanh nghiệp và cơ quan QLNN cũng sẽ tạo nên một môi trường, cơ chế kinh doanh thuận lợi, công bằng. Để đạt được điều này, một mặt, các cơ quan QLNN về du lịch ở trung ương và địa phương phải thống nhất và luôn giữ mối quan hệ chặt chẽ, liên hệ mật thiết với nhau trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về du lịch; thực hiện nguyên tắc và các cơ chế, chính sách phát triển du lịch của quốc gia nói chung và ở địa phương nói riêng nhằm đảm bảo đạt hiệu lực, hiệu quả. Mặt khác, trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, để tạo điều kiện tốt hơn cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch ở địa phương, chính quyền cấp tỉnh cần làm tốt việc cung cấp thông tin, cập nhật chính sách mới về du lịch, tổ chức tập huấn cho cán bộ QLNN và cán bộ quản trị doanh nghiệp để giúp họ hiểu rõ về các cam kết, nghĩa vụ của Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp theo luật pháp quốc tế và điều kiện của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Chính quyền cấp tỉnh cần phải trở thành trung tâm gắn kết giữa các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn với thị trường liên vùng, khu vực và trên thế giới, nhất là với các trung tâm kinh tế lớn. Một mặt, chính quyền cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ tham gia hợp tác quốc tế về du lịch theo quy định của pháp luật, góp phần đẩy mạnh liên kết và hội nhập dịch vụ du lịch với các nước trong khu vực và quốc tế. Mặt khác, cần chủ động làm "đầu nói" thông qua việc tổ chức và thiết lập các điểm thông tin, lựa chọn và công bố các địa chỉ

giao dịch của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có uy tín đang hoạt động tại các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và trên thế giới nhằm giúp các doanh nghiệp có những thông tin cần thiết để có thể lựa chọn đối tác liên doanh, liên kết. Đồng thời, cũng cần đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật du lịch, xúc tiến quảng bá du lịch của địa phương thông qua việc tổ chức các cuộc hội thảo, tổ chức các đoàn công tác kết hợp tham quan trao đổi kinh nghiệm với các địa phương khác trong nước hoặc nước ngoài...

Năm là, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch

Cũng như trong các lĩnh vực, ngành nghề khác, chất lượng nguồn nhân lực trong hoạt động du lịch cũng ảnh hưởng, quyết định đến sự phát triển của ngành. Bởi vì, từ cạnh tranh toàn cầu, cạnh tranh giữa các quốc gia, các ngành, các doanh nghiệp cho đến cạnh tranh từng sản phẩm suy cho cùng là cạnh tranh bằng trí tuệ của nhà quản lý và chất lượng của nguồn nhân lực. Để hoạt động du lịch của một quốc gia, một vùng, một địa phương phát triển, việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch cần được quan tâm thực hiện thường xuyên. Đặc biệt, những địa phương có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch cần phải có chiến lược, kế hoạch phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có như vậy mới khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển KTXH của địa phương.

Sáu là, thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch

Sự phát triển nhanh của du lịch sẽ làm phát sinh các hành vi tiêu cực như khai thác quá mức các công trình, khu, điểm du lịch, làm ô nhiễm môi trường sinh thái, những hoạt động kinh doanh du lịch trái với bản sắc văn hóa của đất nước, của địa phương... Do đó, chính quyền cấp tỉnh phải chỉ đạo thực

hiện thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đối với hoạt động du lịch để phòng ngừa hoặc ngăn chặn kịp thời những hành vi tiêu cực có thể xảy ra. Để thực hiện tốt nội dung này, chính quyền cấp tỉnh cần làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và những quy định của tỉnh về đầu tư khai thác các khu, điểm du lịch trên địa bàn; thực hiện việc đăng ký và hoạt động theo đăng ký kinh doanh, nhất là những hoạt động kinh doanh có điều kiện như: kinh doanh lưu trú, kinh doanh lữ hành; đồng thời cần xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về du lịch trên địa bàn.

Chương 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu thứ cấp

- Việc thu thập số liệu bao gồm việc sưu tầm và thu thập các số liệu, tài liệu, thông tin liên quan đã được công bố và thu nhập những thông tin mới trên phạm vi toàn tỉnh, cụ thể như:

+ Các văn bản của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Hà Giang về du lịch.

+ Các văn bản của sở, ban, ngành trong tỉnh liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

+ Niên giám thống kê của tỉnh Hà Giang từ năm 2009 đến năm 2013;

+ Đặc điểm điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của tỉnh Hà Giang.

- Các số liệu có liên quan đến hoạt động du lịch của các địa phương lân cận với tỉnh Hà Giang.

- Các nghiên cứu trong nước về kinh tế du lịch, phát triển du lịch, QLNN về du lịch.

- Luật Du lịch được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

- Các tài liệu này cung cấp những thông tin cần thiết cho phần nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài, đánh giá được thực trạng và đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Luận văn chủ yếu sử dụng số liệu thứ cấp: Bao gồm các thông tin liên quan đến các hoạt động kinh tế xã hội nói chung: Cơ cấu các ngành, tốc độ tăng trưởng, lao động ngành du lịch, số lượng khách du lịch, doanh thu ngành du lịch.

- Được thu thập từ các nguồn khác nhau như các sách, báo, tạp chí, báo cáo của các bộ, ngành, các cấp...có liên quan đến nội dung nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã có ở trong nước, qua báo cáo hàng năm của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng Cục Du lịch, Tổng cục Thống kê, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các tài liệu đã được công bố, Niên giám thống kê của tỉnh; từ Trung tâm Thông tin của các bộ, ngành. Thu thập bằng cách sưu tầm, sao chép, trích dẫn trong luận văn theo danh mục các tài liệu tham khảo.

- Số liệu thứ cấp chủ yếu trong các năm 2009 - 2013 để phân tích so sánh biến động chỉ tiêu nghiên cứu giữa các tiêu thức, các chỉ tiêu. Các số liệu thứ cấp được thu thập nhằm phân tích tình hình KTXH của địa phương, phân tích tăng trưởng và cơ cấu các ngành kinh tế.

2.2. Phương pháp xử lý thông tin, tài liệu thứ cấp

- Được sắp xếp cho từng nội dung nghiên cứu và phân thành 3 nhóm: (i) những tài liệu về lý luận; (ii) những tài liệu tổng quan về thực tiễn nói chung; (iii) những tài liệu, thông tin của một số địa phương.

- Công cụ tính toán chủ yếu sử dụng phần mềm Excel để xử lý thông tin, tính toán các số liệu, chỉ tiêu cần nghiên cứu, phân tích, đánh giá.

2.3. Phương pháp phân tích thông tin

2.3.1. Phương pháp thống kê mô tả

Trên cơ sở tổng hợp số liệu thu thập được, tiến hành phân tích, kết hợp lý luận và thực tiễn, so sánh cơ cấu các ngành kinh tế chủ yếu, số lượng khách du lịch nội địa, khách du lịch quốc tế, doanh thu về du lịch cả về số tuyệt đối và tương đối nhằm đánh giá trạng thái động về tình hình KTXH của tỉnh nói chung và hoạt động du lịch nói riêng. Đồng thời trên cơ sở số liệu thu thập được, thông qua sử dụng số bình quân, số tối đa, số tối thiểu và

tần suất xuất hiện của hiện tượng nghiên cứu để tiến hành phân tích từng góc độ KTXH, sau đó tổng hợp khái quát công tác QLNN về du lịch của tỉnh thời gian qua.

2.3.2. Phương pháp so sánh

Phương pháp so sánh được ứng dụng rộng rãi trong các nghiên cứu KTXH của luận văn, tác giả sử dụng phương pháp này nhằm để so sánh các chỉ tiêu thống kê, số doanh thu ngành du lịch của tỉnh với các tỉnh lân cận trong vùng, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế...

Sử dụng phương pháp biểu đồ để chứng minh hoặc lý giải vấn đề cần phân tích, từ đó làm rõ biến động lượng khách du lịch, xác định vị thế cạnh tranh của các sản phẩm du lịch và hướng chiến lược tăng trưởng thích hợp.

Ngoài ra, trong nghiên cứu tại địa bàn tỉnh Hà Giang tác giả so sánh tốc độ tăng trưởng một số ngành chính như: Ngành nông - lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng, ngành dịch vụ...qua các năm nhằm tìm ra xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành, những nhân tố tác động đến sự phát triển của ngành du lịch trong những năm tiếp theo.

2.3.3. Phương pháp tổng hợp

Dựa trên các kết quả phân tích về từng nội dung nghiên cứu để đánh giá toàn diện thực trạng công tác QLNN về du lịch, xu hướng phát triển du lịch, từ đó đề xuất những giải pháp chủ yếu tăng cường công tác QLNN về du lịch trong những năm tiếp theo.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2009-2013

3.1. Điều kiện, tiềm năng và thế mạnh của Hà Giang tác động đến du lịch

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

Hà Giang là tỉnh miền núi, nằm ở Phía Bắc, đỉnh đầu của tổ quốc và thuộc vùng kinh tế Tây Bắc. Hà Giang với dải núi cao Tây Côn Lĩnh và Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn đã tạo nên địa hình cao dần về phía Tây Bắc, thấp dần về phía Đông Nam. Địa hình chia cắt thành các tiểu vùng mang đặc điểm khác nhau về độ cao, thời tiết, khí hậu. Hà Giang có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, Phía Bắc giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, phía Nam giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Đông giáp tỉnh Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và Lào Cai. So với các tỉnh lân cận trong khu vực, Hà Giang có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch: *Thứ nhất*, Hà Giang được thiên nhiên ưu đãi về khí hậu, với nền văn hoá lâu đời thuộc niên đại đồ đồng Đông Sơn, có các di tích người tiền sử ở huyện Bắc Mê và huyện Mèo Vạc; Hà Giang có 19 dân tộc cùng sinh sống, có nhiều phong tục tập quán, văn hoá truyền thống và những lễ hội rất đa dạng, sinh động đã làm Hà Giang trở thành nơi hấp dẫn du khách đến tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu. *Thứ hai*, Hà Giang có cảnh quan thiên nhiên độc đáo của một tỉnh miền núi với những dãy núi cao đá tai mèo ở phía bắc và những khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, rừng nguyên sinh ở phía nam; Đặc biệt năm 2010 Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn được UNESCO công nhận là thành viên của mạng lưới CVĐC toàn cầu; năm 2012 Ruộng bậc thang Hoàng Su Phì được công nhận là Di tích quốc gia; có nhiều suối nước khoáng là những địa điểm du lịch lý tưởng; Hà Giang có nhiều di tích

lịch sử, danh lam thắng cảnh ít nơi có được như: Cột cờ Lũng Cũ, di tích Nhà họ Vương, Suối Tiên, Cổng Trời Quản Bạ, Thác nước nóng Quảng Ngần, Khu du lịch sinh thái Nậm Mả, Khu Chum Vàng, Chum Bạc...(Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, 2012).

Với diện tích tự nhiên 7.914,9km², mật độ dân số 96 người/km²; Hà Giang chia làm 11 đơn vị hành chính cấp huyện gồm có 10 huyện, 1 thành phố, với 195 xã, phường, thị trấn; Thành phố Hà Giang được nhà nước công nhận Đô thị loại III vào năm 2010.

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa và là miền núi cao, khí hậu Hà Giang cơ bản mang những đặc điểm của vùng núi Việt Bắc - Hoàng Liên Sơn, song cũng có những đặc điểm riêng, mát và lạnh hơn các tỉnh miền Đông Bắc, nhưng ấm hơn các tỉnh miền Tây Bắc; nhiệt độ trung bình cả năm khoảng 21,6⁰C - 23,9⁰C, biên độ nhiệt trong năm có sự dao động trên 10⁰C và trong ngày giao động từ 6 - 7⁰C, nhiều vùng có khí hậu mát mẻ, trong lành (huyện Quản Bạ, Đồng Văn...được ví như là Đà Lạt thứ hai của đất nước), thuận lợi cho việc phát triển các cây dược liệu, cây ăn quả có giá trị kinh tế (actiso, tam thất, sâm, sa nhân, lê, mận, cam sành...) và các loại hoa đặc trưng của vùng cao nguyên đá hoa tam giác mạch, hoa cúc cam, hoa đào. Vào mùa đông, có những vùng rất lạnh nhiệt độ xuống dưới 0⁰C (*các xã Lũng Cú, Lũng Táo, Sà Phìn, Sủng Là và Thị trấn Phó Bảng*) đã hình thành tuyết. Với những đặc trưng về khí hậu, thời tiết của vùng cao nguyên đá đã thu hút khoảng hàng chục nghìn lượt khách đến với Hà Giang vào những tháng cao điểm (theo số liệu sơ bộ năm 2014 Hà Giang đã đón khoảng 650.000 lượt khách) để thăm quan, ngắm cảnh, nghiên cứu (Cổng thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

Với lượng mưa bình quân hàng năm khoảng 2.300 - 2.400 mm/năm. Hệ thống sông suối Hà Giang thường nhỏ hẹp, có nhiều ghềnh, sườn dốc đứng tạo nên những cảnh quan, thác nước độc đáo, tạo điều kiện cho việc khai thác,

phát triển các điểm, khu du lịch, với số lượng sông suối dày đặc đã tạo điều kiện phát triển các nhà máy thủy điện, những lòng hồ thủy điện là điều kiện thuận lợi để có thể phát triển du lịch (Công thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

Rừng ở Hà Giang khá phong phú về chủng loại vừa có giá trị kinh tế, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, vừa góp phần làm đẹp cảnh quan (*ở các huyện vùng cao của Hà Giang, hàng năm tỉnh bố trí nguồn ngân sách để đầu tư bảo vệ, phát triển trồng rừng cảnh quan ở ven đường Quốc lộ 34, Quốc lộ 4D, đường nội tỉnh, nội huyện hoặc trồng ở các điểm du lịch...*), nhiều khu rừng nguyên sinh, khu bảo tồn thiên nhiên là nơi trú ngụ của nhiều loại động vật quý hiếm như: Vọc mũi hếch, Gấu ngựa, Gà lôi... các loại thực vật quý hiếm: Thất diệp chi mai, Đinh tùng, Thông đỏ, Ngọc am, Dẻ tùng sọc nâu, Hoàng đàn rủ... Hà Giang là tỉnh có truyền thống trồng, phát triển cây dược liệu, có nhiều yếu tố về khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp phát triển các loài cây dược liệu có giá trị kinh tế cao (Đỗ trọng, Thiên niên kiện, Tam thất, Chè đắng, Giảo cổ lam, Actiso...). Theo điều tra có trên 1.101 loài cây dược liệu khác nhau (dự đoán lên đến 2.000 loài), thuộc 184 họ, 662 chi thực vật, trong những khu bảo tồn thiên nhiên hiện đang bảo tồn nguồn gen của nhiều loại cây thuốc (trong đó có tới 51 loại cây đã được đưa vào diện có nguy cơ đe dọa trong Sách đỏ Việt Nam (năm 2007), tuy nhiên việc trồng vẫn nhỏ lẻ và rải rác mang tính tự phát. Từ năm 2011 đến nay, tỉnh đã có cơ chế chính sách riêng để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đầu tư và chăm sóc cây dược liệu (*Năm 2011 UBND tỉnh đã xây dựng, triển khai đề án số 175/ĐA - UBND về phát triển cây dược liệu đến năm 2015; hỗ trợ giống, vật tư phân bón cho người dân, hỗ trợ sản xuất theo cơ chế chính sách Nghị quyết 30a, tạo cơ chế về đất đai hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển dược liệu; thành lập Ban chỉ đạo phát triển cây dược liệu cấp tỉnh, huyện...*) đã thu hút đầu tư từ các nhà doanh nghiệp, nhà nghiên cứu khoa học, nhà đầu tư trồng, khai thác, kỹ thuật phát triển dược

liệu, sự phong phú về dược liệu đã giúp cho Hà Giang tạo ra các sản phẩm thảo dược có giá trị để bảo vệ sức khỏe, cung ứng ra thị trường, hơn nữa tạo dấu ấn cho du khách khi mua các sản phẩm dược trực tiếp chứng kiến việc trồng, phát triển cây dược liệu tại một số địa phương trong tỉnh (*cung ứng cho du khách các sản phẩm cây dược liệu ngay tại khu vực trồng, sản xuất*). Tính đa dạng của rừng đã tạo nên nét độc đáo riêng có của Hà Giang, phục vụ cho phát triển các loại hình du lịch khác nhau. (Công thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

Nằm trong khu vực địa bàn vùng núi cao phía bắc lãnh thổ Việt Nam, Hà Giang là một quần thể núi non hùng vĩ, địa hình hiểm trở, có độ cao trung bình từ 800m đến 1.200m so với mực nước biển. Đây là vùng tập trung nhiều ngọn núi cao. Theo thống kê mới đây, trên dải đất Hà Giang rộng chưa tới 8.000 km² mà có tới 50 ngọn núi cao từ 500 m - 2.500 m (10 ngọn cao 500 - 1.000m, 24 ngọn cao 1000 - 1500 m, 10 ngọn cao 1.500 - 2.000 m và 5 ngọn cao từ 2.000 - 2.500 m). (Công thông tin điện tử Hà Giang, 2012)

Do địa hình với nhiều núi non hùng vĩ đã tạo cho tỉnh Hà Giang có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, có nhiều tiểu vùng có đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng và cảnh quan khác nhau. Hà Giang hiện có khoảng 205 khu, điểm (có 18 di tích quốc gia) có tiềm năng đầu tư, khai thác du lịch; cảnh quan vùng cao của Hà Giang cho đến nay vẫn mang đậm nét hoang sơ. Đến với Hà Giang, du khách sẽ được tận mắt chứng kiến khung cảnh hùng vĩ của những dãy núi đá tai mèo sắc nhọn, những khe núi sâu và hẹp, những vách núi dựng đứng cao vút, hệ thống hang động và các vườn đá mang vẻ đẹp hấp dẫn lạ thường và những con đường quanh co, uốn lượn dọc theo các sườn núi đá; có thể đến thăm một loạt hệ thống di sản độc đáo như: Di sản địa chất với rừng hóa thạch huệ biển ở xã Cán Chu Phìn, nghĩa địa hóa thạch ở xã Làn Chải, diềm hóa thạch ngà ba các xã Lũng Pù - Khâu Vai - Mèo Vạc, diềm hóa thạch tay cuộn xã Ma Lé, diềm hóa thạch Trùng thoi ở thị trấn Đồng Văn, diềm hóa

thạch sư tử biển ở xã Vân Chải; Di sản địa tầng gồm mặt cắt địa chất xã Lũng Cú - Ma Lé, ranh giới thời địa tầng Frasnian - Famennian tại đèo Si Phai; Di sản địa mạo với danh thắng núi đôi Quản Bạ, Tháp kim xã Pải Lũng, thung lũng Thủy Mặc, rừng đá xã Khâu Vai... Bên cạnh đó có thể đến thăm rất nhiều di sản kiến trúc - lịch sử - văn hóa danh thắng như phố cổ Đồng Văn, di tích Nhà Vua, thị trấn Phó Bảng... các thôn văn hóa dân tộc và làng văn hóa du lịch hoặc những dãy núi nhấp nhô, hùng vĩ với những ruộng bậc thang nối nhau từ thấp lên cao, tưởng như vô tận ở vùng cao Phía Tây; cùng vô số khe suối, thác nước, hang động ở khắp các địa bàn trong tỉnh chính những điều đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Hà Giang phát triển các loại hình du lịch mạo hiểm, sinh thái, nghiên cứu, khám phá. (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

3.1.2. Những yếu tố về văn hoá

Năm 2013 dân số trung bình tỉnh Hà Giang là 778.958 người, có 19 dân tộc cùng chung sống, trong đó người dân tộc thiểu số chiếm đa số chủ yếu là các dân tộc H'Mông (chiếm 31%), Tày (chiếm 25%), Dao (chiếm 15%), Kinh (chiếm 13,25%)... các dân tộc ở Hà Giang dù đông người hay ít người vẫn giữ được những nét văn hóa truyền thống riêng, độc đáo của mình. Mỗi dân tộc đều có một di sản văn hóa riêng, làm nên tính độc đáo, đặc sắc của vùng đất, không những thế, một số dân tộc như La Chí, Pu Páo, Cờ Lao... được coi là có duy nhất ở Hà Giang với những sắc thái riêng biệt. Chính từ đặc điểm có nhiều dân tộc cùng chung sống đã tạo nên cho Hà Giang có một diện mạo văn hóa vừa phong phú, vừa độc đáo là nguồn tài nguyên du lịch quan trọng. (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

Cũng như đa số các cư dân nông nghiệp khác, do sống trong điều kiện hầu như hòa nhập vào tự nhiên nên nhân dân các dân tộc thiểu số ở Hà Giang còn lưu giữ được nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa, lễ hội truyền thống phản ánh quan niệm về thế giới tự nhiên và tín ngưỡng của họ.

Nói đến Lễ hội đặc sắc của người dân tộc thiểu số ở Hà Giang, người ta thường nhắc đến Lễ hội Lồng Tồng của đồng bào Tày, Nùng; Lễ hội Cấp Sắc của đồng bào Dao, Lễ hội Gầu Tào của đồng bào Mông; Lễ hội Nhảy lửa của đồng bào Pà Thẻn... Các lễ hội của đồng bào vùng cao tỉnh Hà Giang không có quy mô rộng lớn như những Lễ hội ở vùng xuôi nhưng với những giá trị nguyên bản, mang đậm nét sơ khai đã tạo nên nét đặc sắc riêng, độc đáo.

- Lễ hội Gầu tào (tức là Hội chơi đôi hay Hội chơi núi mùa xuân) của đồng bào Mông được coi là tiêu biểu nhất, tổ chức vào ngày mùng 2 tết... Ngoài phần lễ còn có các trò chơi dân gian: Bắn nỏ, đánh yến, ném quả Pao, hát gầu plênh, thi múa khèn trên cọc.. Lễ hội Gầu tào thể hiện gần như đầy đủ các loại hình văn hóa dân gian của Dân tộc Mông, là cơ hội để du khách tìm hiểu, nghiên cứu. Năm 2012 đã được Bộ văn hóa thể thao và du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia (Công thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

- Lễ Cấp Sắc của Đồng bào Dao: Người Dao có nhiều nhóm khác nhau, sống ở nhiều vùng khác nhau nên cách thức tổ chức Lễ cấp sắc cũng có những điểm khác nhau. Song về nội dung, ý nghĩa thì đều giống nhau, các điều răn dạy ghi trong văn bản cấp sắc đều hướng thiện, tuyệt đối kỵ làm điều ác. Đó là sự tôn trọng thầy giáo, biết ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ, trọng nghĩa, có lòng vị tha, không phản bội, lừa gạt... Những điều giáo huấn này được thực hiện bằng lời thề dưới sự chứng giám của thần linh, trời đất, tổ tiên và cộng đồng nên có giá trị giáo dục rất lớn. Lễ cấp sắc cũng là dịp để cộng đồng được gặp gỡ, giao lưu, trai gái có thể nhảy múa, ca hát... Đây thực sự là ngày hội của mọi người trong họ tộc, làng bản. Từ những sưu tầm, nghiên cứu thực tế cho thấy, lễ cấp sắc của đồng bào Dao là cả một kho tàng văn hoá cổ truyền mang tính giáo dục và giá trị văn hoá nghệ thuật rất lớn, là nét văn hoá điển hình trong đời sống tinh thần của đồng bào, năm 2012 đã được Bộ văn hóa

thể thao và du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Việc bảo tồn và lưu giữ Lễ hội cấp sắc có ý nghĩa và giá trị lớn trong phát triển các loại hình du lịch. (Cổng thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

- Lễ hội Nhảy lửa của người Pà Thẻn: Hiện nay theo thống kê, người Pà Thẻn chỉ còn khoảng 3.700 người sinh sống tập trung ở huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang và huyện Quang Bình, Hà Giang. Hàng năm sau khi ăn tết xong người Pà Thẻn thường tổ chức lễ nhảy lửa để nhằm tạ ơn trời đất, thần linh đã cho một mùa vụ tươi tốt và mang lại sự ấm áp, may mắn xua đi cái khắc nghiệt của mùa đông...Lễ hội này năm 2012 đã được Bộ văn hóa thể thao và du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Với người Pà Thẻn thì nhảy lửa là một tục lệ mang tính chất cộng đồng, là dịp để mọi người cùng nhau vui vẻ, thư giãn, rất có giá trị trong việc thu hút du khách trong và ngoài nước tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu. (Cổng thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

- Lễ cúng Thần rừng đã có từ lâu đời trong đời sống tín ngưỡng của người Pu Páo, được tổ chức một lần duy nhất trong năm vào ngày 6/6 âm lịch...Ngoài ý nghĩa tín ngưỡng, tục cúng thần rừng còn là dịp giáo dục ý thức cho mọi người tình yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống tự nhiên xung quanh con người, năm 2012 đã được Bộ văn hóa thể thao và du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Lễ cúng thần rừng của người Pu Páo là một nét văn hóa truyền thống tốt đẹp cần được bảo tồn và phát huy giá trị. (Cổng thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

- Lễ hội cầu mưa của người Lô Lô: Lô Lô là một trong những dân tộc ít người ở Việt Nam, với khoảng gần 2.000 người từ nhiều đời nay vốn sinh sống và định cư tại các xã Lũng Cú, Lũng Táo, Sủng Là của huyện Đồng Văn, người Lô Lô có nhiều lễ hội đặc sắc như Lễ hội nhảy cây, Lễ hội hái ngô, nhưng đặc sắc, nổi bật nhất là Lễ hội cầu mưa. Lễ hội cầu mưa của dân

tộc Lô Lô được tổ chức vào những năm thời tiết khắc nghiệt, Lễ hội cầu mưa của dân làng xin thần linh phù hộ cho mưa thuận gió hòa, cho mùa màng tươi tốt, lễ hội mang tín ngưỡng phồn thực khá phổ biến của cư dân nông nghiệp...Sau khi kết thúc phần lễ những chàng trai, cô gái Lô Lô rực rỡ trong trang phục đầy màu sắc, hoa văn kết hợp với nhiều đồ trang sức lóng lánh biểu diễn những làn điệu dân ca Tê Phua, Tê La, Hồ La Tê, Ta Si phua. (Cổng thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

- Lễ hội Chợ tình Khâu vai: Hàng năm mỗi độ xuân về Cao nguyên đá Đồng Văn đang âm dần trở lại bởi sắc hoa Đào, hoa Lê, hoa Mận...Mùa xuân cũng là mùa lễ hội của các dân tộc với sắc màu rực rỡ, náo nhiệt đầy tính nhân văn. Trong các lễ hội tiêu biểu phải kể đến lễ hội “*Chợ tình Khâu vai*” hết sức độc đáo, ấn tượng khó quên, được tổ chức mỗi năm một lần duy nhất vào dịp 27/3 (âm lịch) Du khách được chìm đắm trong không khí tung bừng náo nhiệt của lễ hội, ngây ngất trước khung cảnh núi non hùng vĩ, rạo rục trong tiếng đàn môi tâm tình gọi bạn du dương, trầm bổng của tiếng khèn Mông...Trước đây chợ tình Khâu Vai là nơi gặp gỡ của của những mối tình trắc trở, từ năm 1991 trở lại đây có nhiều thanh niên nam, nữ các dân tộc trong vùng đến chợ để vui xuân và để trao gửi tình cảm của những đôi trai gái yêu nhau, nhiều đôi đã nên vợ nên chồng trong dịp đi chợ tình Khâu Vai... Khác với Chợ tình ở Sa pa, Chợ tình ở Khâu vai nằm trong không gian CVĐC toàn cầu cao nguyên Đồng Văn nên khi du khách đến với Chợ tình Khâu vai còn được Thưởng ngoạn cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ của Cao nguyên đá và được thưởng thức những món ẩm thực riêng có của Hà Giang (thịt lợn hun khói, thịt bò khô, thắng cố, rêu nướng). Chợ tình Khâu Vai một nét văn hoá thật đẹp, luôn mang lại những điều hấp dẫn cho du khách tới thăm và cùng tham gia. (Cổng thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

- Lễ hội Lồng Tồng (tức là Lễ hội xuống đồng) của đồng bào Nùng,

Tày: Hàng năm vào mùa xuân, người ta tổ chức cúng trên một đám ruộng nhất định trước bàn cầu cho mưa thuận gió hòa để cho dân làm ăn thuận lợi, mùa màng bội thu. Sau phần lễ diễn ra các trò chơi đánh yến, hát đối đáp... Với những nét văn hoá đặc sắc, Lễ hội Lồng Tồng ngày càng thu hút đông du khách trong và ngoài tỉnh tham dự. (Cổng thông tin điện tử Hà Giang, 2012).

Văn hoá Phong tục, tập quán của đồng bào các dân tộc Hà Giang rất phong phú và đa dạng không chỉ bởi nó mang đặc trưng của nhiều dân tộc trên toàn tỉnh mà đó còn là bởi những điểm đặc biệt mà không ở đâu có được tạo nên sự hấp dẫn và lôi cuốn cho những du khách tới thăm quan và cùng tham gia vào những lễ hội mang đậm bản sắc dân tộc miền núi phía Bắc. Bản sắc văn hoá dân tộc vùng núi cao nguyên không chỉ là vẻ đẹp tinh thần của đồng bào các dân tộc mà còn là điểm hấp dẫn và thu hút sự quan tâm của du khách cùng các chuyên gia tới thăm quan.

Các nghề thủ công truyền thống: Hà Giang là nơi có các nghề thủ công truyền thống phong phú và đa dạng, có giá trị phục vụ du lịch cao như: Nghề rèn của người Mông, Dao, Cờ Lao; nghề đan lát của các dân tộc tạo đã ra các sản phẩm đặc trưng (gối, bàn ghế, quây tấu...) do kết hợp từ các nguồn nguyên liệu tự nhiên (cây guột, cây tế, cây mây), nghề dệt thổ cẩm của người H'Mông với nhiều sản phẩm khác (quần áo, túi sách tay, khăn, gối, ví các loại) và tiêu biểu là nghề làm khèn mông của người H'Mông, nghề truyền thống của các dân tộc đã tạo ra hàng trăm loại sản phẩm lưu niệm có giá trị mà bất cứ ai đến Hà Giang đều muốn mua để kỷ niệm cho một chuyến đi đáng nhớ.

3.1.3. Những yếu tố về kinh tế - xã hội

3.1.3.1. Phát triển kinh tế - xã hội

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, cùng với sự nỗ lực vươn lên làm giàu chính đáng của người dân kinh tế của tỉnh đã có bước

tăng trưởng khá, các lĩnh vực văn hóa, xã hội và đời sống của người dân trong tỉnh ngày càng được cải thiện và tiến bộ.

Giai đoạn 2001-2005 tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 10,6% (cả nước 7,5%). Giai đoạn 2006-2010, mặc dù còn gặp khó khăn nhưng kinh tế tỉnh Hà Giang đã phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng cao, dần thu hẹp khoảng cách so với mức trung bình của cả nước. Các chỉ tiêu phát triển KTXH cụ thể là: Tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân 12,45 % (cả nước trên 7%); Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ, thương mại chiếm khoảng 39%, công nghiệp xây dựng chiếm 29%, Nông lâm nghiệp chiếm 32%; thu nhập bình quân đầu người 7,5 triệu đồng, giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 1.005,8 tỷ đồng (tăng 3,2 lần so với năm 2005); thu ngân sách trên địa bàn toàn tỉnh bình quân đạt 750 tỷ đồng; tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 15,8%. (Tỉnh ủy Hà Giang, 2010).

Tính đến cuối năm năm 2013 tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt khoảng 8,02% (cả nước đạt 5,42%), trong đó: nông lâm nghiệp tăng 5,15%, công nghiệp - xây dựng tăng 11,02%, các ngành dịch vụ tăng 8,78%. Tổng sản phẩm theo giá so sánh năm 2010 đạt hơn 8.706 tỷ đồng, tổng sản phẩm bình quân đầu người theo giá thực tế đạt 14,631 triệu đồng/người/năm, thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 899,968 tỷ đồng. Như vậy trong suốt gần 15 năm qua, nền kinh tế của tỉnh Hà Giang đã đạt được những thành tựu lớn, quy mô nền kinh tế ngày càng tăng mạnh tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển trong các giai đoạn tiếp theo (Cục thống kê Hà Giang, 2013; Tổng cục thống kê, 2013).

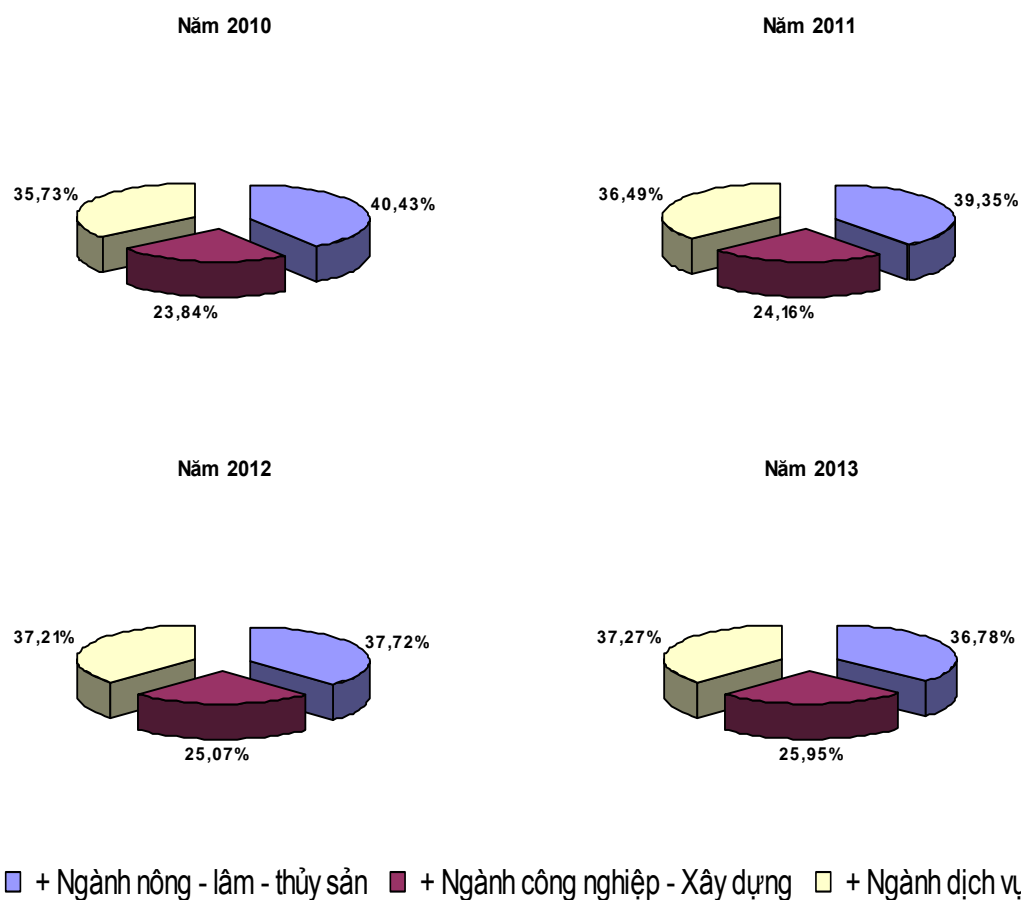
Cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh chuyển dịch tích cực theo hướng phát huy tiềm năng và lợi thế của từng ngành: Cơ cấu sản phẩm của tỉnh chủ yếu của khu vực nông, lâm nghiệp - thủy lợi và khu vực dịch vụ, theo bảng số liệu cơ cấu kinh tế (Bảng 3.1) thì có xu hướng giảm dần tỷ trọng khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm.

Bảng 3.1. Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế giai đoạn 2009-2013

| S tt | Một số chỉ tiêu | ĐVT | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 |
|---------|---------------------------------------|--------------------|-------|-------|--------|--------|--------|
| 1 | Tăng GDP hàng năm (Giá so sánh) | % | 13,46 | 12,86 | 12,45 | 10,63 | 8,02 |
| 2 | GDP bình quân đầu người (Giá thực tế) | 1.000 ^d | 6.300 | 8.780 | 11.140 | 12.995 | 14.631 |
| 3 | Tốc độ tăng GTSX (Giá so sánh) | | | | | | |
| | - Nông - lâm - thủy sản | % | 6,63 | 5,61 | 5,43 | 3,97 | 6,89 |
| | - Công nghiệp - Xây dựng | % | 13,98 | 15,49 | 8,85 | 8,91 | 6,50 |
| | - Dịch vụ | % | 13,12 | 16,79 | 20,60 | 10,82 | 8,24 |
| 4 | Cơ cấu tổng sản phẩm (Giá thực tế) | | | | | | |
| | - Ngành nông - lâm - thủy sản | % | 37,65 | 40,43 | 39,35 | 37,72 | 36,78 |
| | - Ngành công nghiệp - Xây dựng | % | 26,49 | 23,84 | 24,16 | 25,07 | 25,95 |
| | - Ngành dịch vụ | % | 35,86 | 35,73 | 36,49 | 37,21 | 37,27 |

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Hà Giang

Biểu đồ 3.1. Cơ cấu các ngành kinh tế



3.1.3.2. Phát triển cơ sở hạ tầng

Trong những năm qua Hà Giang mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với những cố gắng vượt bậc, đến nay Hà Giang đã hình thành được mạng lưới cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng (đặc biệt hệ thống đường giao thông liên thôn, liên xã, liên huyện phát triển mạnh) tuy chưa được như mong đợi, nhưng là yếu tố rất quan trọng cho phát triển KTXH trong thời gian qua và trong tương lai.

- Giao thông: Hà Giang chỉ có duy nhất đường bộ là hệ thống giao thông chính, giao thông đường thủy không phát triển mặc dù mạng lưới sông suối nhiều nhưng do điều kiện địa hình phức tạp, bị chia cắt độ dốc lớn, nhiều ghềnh đá và đá ngầm, hiện tại chưa có đường sắt, đường hàng không, mặc dù có sân bay Phong Quang là sân bay quân sự nhưng hiện không sử dụng. Tuy nhiên hệ thống giao thông đường bộ khá thuận lợi cho việc kết nối và rút ngắn khoảng cách giữa Hà Giang với nhiều tỉnh trong khu vực kinh tế Tây Bắc và các tỉnh khác so với trước đây thông qua hệ thống các đường Quốc lộ và đường nội tỉnh như: Quốc lộ 2, Quốc lộ 34, Quốc lộ 4C, Quốc lộ 279, tỉnh lộ 4D, 183, 177 nối liền Hà Giang với các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai. Mạng lưới đường giao thông có tổng chiều dài 8.624,1 km, mật độ đường 1,09 km/km² và 11,08 km/1.000 dân. Tính đến năm 2013 có 195/195 xã có đường ô tô đến trung tâm xã. Mạng lưới Quốc lộ hình thành theo các trục Đông Bắc - Tây Nam, trục ngang Đông - Tây, đặc biệt tuyến Quốc lộ 279 là tuyến đường giao thông có vị trí chiến lược nối liền các tỉnh Đông Bắc và Tây Bắc (từ Quảng Ninh qua Hà Giang đến các tỉnh Tây Bắc như Điện Biên, Lai Châu...) thuận lợi cho việc hình thành liên kết và phát triển các tua du lịch từ trung tâm du lịch Quốc gia (Quảng Ninh) với các tỉnh trong khu vực có nhiều điểm, khu du lịch mang tầm cỡ Quốc Gia, Quốc tế như: Hang Pác Bó, Thác Bản Giốc, Rừng Trần Hưng Đạo ở Cao Bằng;

Quần thể di tích chiến thắng lịch sử Điện Biên phủ, ở tỉnh Điện Biên; CVĐC toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn ở Hà Giang...

- Mạng điện: Hệ thống lưới điện của tỉnh đã được đầu tư phát triển mạnh, trên địa bàn tỉnh có 01 trạm biến áp 220KV, 04 trạm biến áp 110KV, 26 nhà máy thủy điện với công suất từ 0,25MW-110KW đã hòa vào lưới điện quốc gia, đảm bảo cung cấp điện lưới cho 11/11 huyện, thành phố và 184/195 xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia, với 120.629 hộ được sử dụng điện chiếm 73,38% tổng số hộ. Theo quy hoạch, dự kiến đến năm 2020 hoàn thành và đưa vào sử dụng 44 nhà máy thủy điện, nâng tổng số nhà máy thủy điện trên địa bàn toàn tỉnh 70 nhà máy, đáp ứng mục tiêu phát triển KTXH nói chung, tạo điều kiện mở rộng, phát triển một số loại hình du lịch đặc trưng (Ủy ban nhân dân tỉnh, 2014).

- Mạng lưới thông tin và viễn thông: Hệ thống thông tin - bưu chính viễn thông từng bước được trang bị kỹ thuật hiện đại, đồng bộ. Hình thành mạng lưới điện thoại từ tỉnh đến tất cả các xã, điện thoại di động đã phủ sóng đến các vùng sâu, vùng xa đáp ứng được nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân và phục vụ cho nhu cầu phát triển KTXH, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tính đến tháng 12/2013 tỷ lệ phủ sóng 97%, mật độ điện thoại 66 máy/100 dân; mật độ thuê bao internet 3,7 thuê bao/100 dân; có 154/195 xã có Bưu điện văn hóa xã (Ủy ban nhân dân tỉnh, 2014).

3.1.4. Đánh giá chung về điều kiện, tiềm năng thế mạnh

3.1.4.1. Các lợi thế

- Hà Giang tiếp giáp với hai hành lang một vành đai kinh tế thuận lợi trong việc giao lưu với khu vực kinh tế năng động. Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực này trong tương lai là một trong những cơ hội tốt cho phát huy các lợi thế của Hà Giang;

- Khí hậu thuận lợi cho việc phát triển tập trung thành các vùng có quy

mô khá lớn đối với các loại cây trồng có giá trị kinh tế như cây dược liệu, cây ăn quả mang đặc trưng của vùng cao Hà Giang (Hoa tam Thất, Ấu tẩu, Đỗ Trọng, Chè Dào Cỏ lam, Chè Đắng, Sa nhân, Thảo quả; Cam sành ...) phát triển các loại vật nuôi để chế biến ra các món ăn, sản phẩm đặc trưng của vùng cao phục vụ khách du lịch như: Thịt lợn hun khói, thịt Trâu treo gác bếp, thắng cố, Cháo ấu tẩu, rêu nướng...

- Khoáng sản ở Hà Giang qua khảo sát, thăm dò bước đầu có 28 loại khoáng sản khác nhau, đáng chú ý là có những mỏ có trữ lượng lớn trên một triệu tấn với hàm lượng khoáng chất cao như: Ăngtimon, sắt, chì, kẽm. Ngoài ra còn nhiều khoáng sản khác như: Pirít, thiếc, chì, đồng, Mănggan, vàng sa khoáng, cao lanh...Hiện nay đang trong giai đoạn bước đầu khai thác theo quy mô công nghiệp và từng bước nghiên cứu, xây dựng quy hoạch, kế hoạch khai thác để không làm ảnh hưởng đến các khu bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng và đặc biệt hạn chế đến mức tối thiểu việc khai thác khoáng sản ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên du lịch...

- Rừng ở Hà Giang khá phong phú về chủng loại như: Rừng đặc dụng rừng sản xuất, rừng cảnh quan vừa có giá trị kinh tế, bảo vệ môi trường. Ngoài ra có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước của hệ thống Sông để phát triển tiềm năng thủy điện và góp phần quan trọng trong việc phát triển các loại hình du lịch ở các khu, điểm du lịch của tỉnh...

- Có nhiều cảnh quan ngoạn mục và độc đáo, kết hợp với các lợi thế về khí hậu và tài nguyên nhân văn đa dạng, đặc biệt có CVĐC toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn đã tạo nên ưu thế nổi trội về phát triển du lịch so với các địa phương khác trong khu vực. Cảnh quan và danh lam thắng cảnh phân bố đều khắp trên địa bàn các huyện trong tỉnh, rất thuận lợi cho xây dựng các cụm du lịch với những nét đặc sắc của từng khu vực. Hà Giang có tài nguyên nhân văn khá đa dạng, nơi hội tụ nền văn hóa của 19 dân tộc anh em, với

nhieu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh; có nhiều lễ hội và nhiều ngành nghề thủ công truyền thống; kết hợp với cảnh quan, khí hậu, môi trường đã tạo nên ưu thế nổi trội về phát triển du lịch.

- Có vị trí chiến lược, quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với cả nước. Tháng 12/2014 Cửa khẩu Quốc gia Thanh thủy đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp thành Cửa khẩu Quốc tế, giúp cho hành trình đường bộ ngắn nhất từ Vân nam - Trung Quốc đến Thủ đô Hà Nội - Việt nam. Việc nâng cấp của khẩu sẽ giúp du khách các nước qua đây vào Trung Quốc và các nước Đông Nam Á và ngược lại một cách thuận lợi...

3.1.4.2. Các hạn chế

- Do chỉ có hệ thống giao thông đường bộ, địa hình nhiều đồi núi cao, chia cắt mạnh nên phần nào đã ảnh hưởng đến chiến lược phát triển KTXH của tỉnh nói chung và chiến lược phát triển du lịch nói riêng;

- Xuất phát điểm của nền kinh tế Hà Giang còn thấp so với một số tỉnh trong cùng khu vực và với mặt bằng chung của cả nước. Đời sống của dân cư còn gặp khó khăn, tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm không ổn định, cơ cấu kinh tế vẫn là nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao trong GDP (tăng trưởng kinh tế chủ yếu từ nông, lâm nghiệp và do đầu tư công) vì vậy khả năng tự phát triển từ nguồn nội lực còn gặp khó khăn...

- Nguồn lao động dồi dào song trình độ lao động đã qua đào tạo thấp, dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ cao, trình độ dân trí ở vùng đồng bào DTTS thấp. Tình trạng dân di cư tự do, du canh du cư vẫn diễn ra, gây khó khăn cho việc triển khai thực hiện các Chương trình an sinh xã hội và đầu tư cơ sở hạ tầng hiệu quả không cao; việc du canh du cư có ảnh hưởng không nhỏ đến việc bảo tồn, gìn giữ những tài nguyên du lịch có nguồn gốc từ thiên nhiên.

- Do đặc điểm địa hình nên mùa khô ở các huyện vùng cao (đặc biệt là đối với 04 huyện vùng cao núi đá Phía Bắc) còn có hiện tượng thiếu nước cục

bộ ở một số xã mà chưa được đầu tư, xây dựng hệ thống Hồ cheo chứa nước. Do vậy, ảnh hưởng phần nào đến các hoạt động du lịch, vì vào thời gian này rất nhiều du khách trong và ngoài nước muốn khám phá, cảm nhận không khí lạnh, cảnh quan thiên nhiên vùng núi cao. Đây là yếu tố cần phải được tính toán khi nghiên cứu để đầu tư, phát triển các loại hình du lịch cho phù hợp, để đảm bảo tính hiệu quả, tính liên tục đối với các hoạt động du lịch.

3.2. Thực trạng hoạt động du lịch ở Hà Giang giai đoạn 2009-2013

3.2.1. Tình hình hoạt động du lịch

a. Khách du lịch: Tổng số lượt khách đến các khu vực du lịch năm 2009 là 250.535 lượt, tăng lên 329.937 lượt vào năm 2011, đến năm 2013 520.000 lượt. Như vậy, số lượt khách năm 2013 tăng gấp 2,07 lần so với năm 2009; gấp 1,58 lần so với năm 2011 (Bảng 3.2).

Phân tích thị phần cho thấy, những năm gần đây khách du lịch Quốc tế đến Hà Giang chiếm tỷ trọng cao nhất là từ Đông Bắc Á (*Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, trong đó lượng khách đến từ Trung Quốc chiếm đa số*) chiếm trên 90% và hiện nay vẫn có chiều hướng tăng lên. Thị trường Đông Bắc Á (*chiếm khoảng 40%*) là thị trường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, năm 2013 khách du lịch đến từ Trung Quốc chiếm gần 25,19%, đạt 1.907.794 lượt khách. Các nước ở Đông Bắc Á là khu vực có số dân đông, có nền kinh tế phát triển năng động (*Ví dụ: Trung Quốc vừa là nước có số dân đông nhất thế giới (theo số liệu thống kê năm 2013 khoảng 1,361 tỉ dân), vừa có nền kinh tế phát triển chỉ đứng sau Mỹ*), do vậy cần có biện pháp, tăng cường, cải thiện, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ có liên quan để thu hút thêm lượng du khách đến từ khu vực Đông Bắc Á, vì đây là những thị trường tiềm năng; đồng thời cần tiếp tục nghiên cứu xây dựng, hình thành, phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp để thu hút lượng du khách từ các khu vực khác như Đông

Nam Á, Bắc Mỹ, Châu Âu nhằm hạn chế sự lệ thuộc vào một số thị trường du lịch cố định và giảm bớt rủi ro khi thế giới xảy ra các biến cố về an ninh, chính trị quốc tế (*tình hình an ninh trên Biển đông, Biển hoa đông, căng thẳng trên bán đảo Triều tiên...*).

Bảng 3.2. Cơ cấu khách du lịch giai đoạn 2009-2013

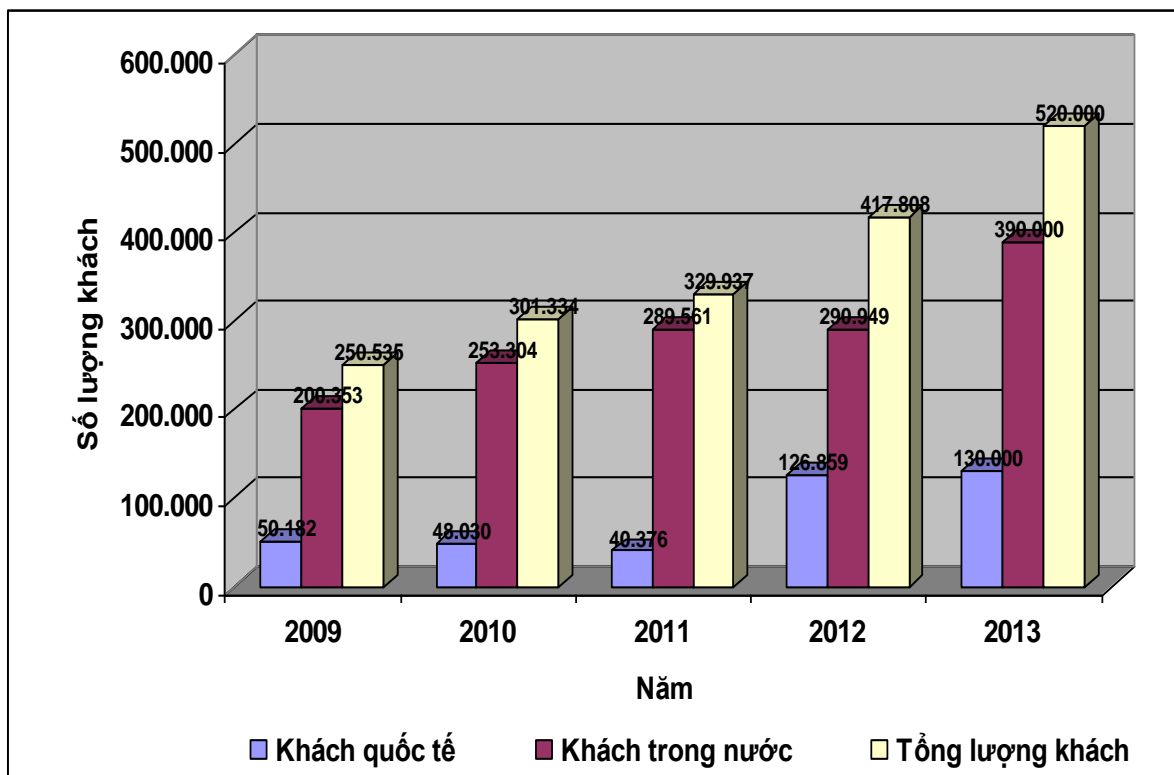
| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 |
|-----------|---|-------------|--------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Tổng số khách du lịch đến Hà Giang | Lượt | 250.535 | 301.334 | 329.937 | 417.808 | 520.000 |
| <i>1</i> | <i>Khách quốc tế</i> | <i>Lượt</i> | <i>50.182</i> | <i>48.030</i> | <i>40.376</i> | <i>126.859</i> | <i>130.000</i> |
| | | | Chia theo thị trường (%) | | | | |
| | Bắc Mỹ | % | 0,20 | 0,19 | 0,30 | 0,22 | 0,13 |
| | Châu Âu | % | 3,00 | 3,50 | 3,25 | 3,88 | 3,90 |
| | Đông Bắc Á | % | 93,00 | 91,80 | 87,90 | 95,50 | 95,60 |
| | Đông Nam Á | % | 0,90 | 1,00 | 0,05 | 0,07 | 0,05 |
| | Châu Úc | % | 0,20 | 0,40 | 0,25 | 0,30 | 0,31 |
| | Trung Đông | % | 0,03 | 0,02 | | 0,01 | |
| | Các Quốc tịch khác | % | 2,67 | 3,09 | 8,25 | 0,02 | 0,01 |
| 2. | Khách trong nước | Lượt | 200.353 | 253.304 | 289.561 | 290.949 | 390.000 |
| | | | Chia theo thị trường (%) | | | | |
| | Hà Nội | % | 15 | 15 | 20 | 20 | 23 |
| | Các tỉnh Bắc Bộ | % | 50 | 50 | 48 | 45 | 46 |
| | Khách nội vùng | % | 30 | 25 | 20 | 25 | 20 |
| | Duyên Hải Miền Trung | % | 2 | 3 | 5 | 5 | 7 |
| | Thành phố Hồ Chí Minh | % | 2 | 5 | 5 | 3 | 3 |
| | Các tỉnh Nam Bộ | % | 1 | 2 | 2 | 2 | 1 |

Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hà Giang

Lượng khách trong nước đến các cơ sở lưu trú nhìn chung tăng đều qua

các năm, năm 2013 tăng gấp 1,95 lần so với năm 2009, gấp 1,35 lần so với năm 2011. Số lượng khách tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2009-2013 đạt khoảng 18,8%.

Biểu đồ 3.2. Thực tế lượng khách du lịch giai đoạn 2009-2013



So với các tỉnh Trung du miền núi Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Hà Giang thì số lượt khách quốc tế và khách trong nước đến với Hà Giang tăng cao nhất, bình quân tăng 20,2%/năm. Nếu xét về số tuyệt đối thì số lượng khách quốc tế đến với tỉnh Lạng Sơn là nhiều nhất trong 05 tỉnh Trung Du Miền núi Phía Bắc, năm 2013 là 748.069 lượt, nguyên do tỉnh Lạng Sơn có Cửa khẩu quốc tế Tân Thanh và nằm trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng (Việt Nam) và từ năm 2010 Lạng Sơn là một cực của Tứ giác kinh tế trọng điểm Bắc Bộ Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Số lượng khách quốc tế đến Hà Giang tăng mạnh, bình quân giai đoạn 2009-2013 đạt 49,1%, tăng mạnh nhất là từ khi UNESCO công nhận Cao nguyên đá Đồng Văn là CVĐC toàn cầu (Bảng 3.3).

**Bảng 3.3. So sánh lượng khách đến Hà Giang với các tỉnh lân cận
Trung du và Miền núi Phía Bắc giai đoạn 2009-2013**

| S tt | Chỉ tiêu | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | Tăng trưởng bình quân (%) |
|----------|------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|---------------------------------------|
| 1 | Cao Bằng | 286.522 | 317.176 | 384.679 | 466.598 | 566.022 | 18,6 |
| | - Quốc tế | 12.537 | 15.730 | 19.930 | 25.251 | 31.992 | 26,4 |
| | - Nội địa | 273.985 | 301.446 | 364.750 | 441.347 | 534.030 | 18,3 |
| 2 | Lạng Sơn | 2.000.000 | 2.005.000 | 2.530.270 | 3.193.665 | 4.031.626 | 19,7 |
| | - Quốc tế | 400.000 | 402.000 | 494.460 | 608.186 | 748.069 | 17,4 |
| | - Nội địa | 1.600.000 | 1.603.000 | 2.035.810 | 2.585.479 | 3.283.558 | 20,3 |
| 3 | Tuyên Quang | 1.331.500 | 1.424.000 | 1.750.887 | 2.152.858 | 2.647.164 | 19,0 |
| | - Quốc tế | 7.500 | 9.000 | 10.437 | 12.104 | 14.037 | 17,0 |
| | - Nội địa | 1.324.000 | 1.415.000 | 1.740.450 | 2.140.754 | 2.633.127 | 19,0 |
| 4 | Bắc Kạn | 91.598 | 76.800 | 87.956 | 100.738 | 115.384 | 6,9 |
| | - Quốc tế | 3.804 | 3.000 | 3.307 | 3.646 | 4.019 | 2,4 |
| | - Nội địa | 87.794 | 73.800 | 84.649 | 97.092 | 111.364 | 7,0 |
| 5 | Hà giang | 250.535 | 301.334 | 329.937 | 417.808 | 520.000 | 20,2 |
| | - Quốc tế | 50.182 | 48.030 | 40.376 | 126.859 | 130.000 | 49,1 |
| | - Nội địa | 200.353 | 253.304 | 289.561 | 290.949 | 390.000 | 18,8 |

Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hà Giang

Viện nghiên cứu phát triển du lịch (ITDR)

b. Doanh thu từ hoạt động du lịch: Theo số liệu, tốc độ tăng doanh thu của ngành du lịch khá nhanh với mức tăng trung bình giai đoạn 2009-2013 là 44,11%. Sau ba năm kể từ khi Cao Nguyên đá Đồng Văn được UNESCO công nhận là CVĐC toàn cầu (tức là năm 2013) thì doanh thu tăng 2,8 lần so với năm 2010, trong khi năm 2011 chỉ tăng gấp 1,4 lần so với năm 2010 (Bảng 3.4).

So sánh với doanh thu từ hoạt động du lịch của Hà Giang với các tỉnh

lân cận trong vùng Trung du miền núi Phía Bắc, so sánh số tuyệt đối thì Hà Giang đứng vị trí thứ 3 trong 5 tỉnh, nhưng nếu so sánh về số tương đối thì tốc độ tăng doanh thu từ hoạt động du lịch của Hà Giang tăng mạnh nhất đạt 44,11% (Bảng 3.4)

Bảng 3.4. Doanh thu từ hoạt động du lịch Hà Giang so với các tỉnh lân cận trong vùng Trung du miền núi phía bắc giai đoạn 2009-2013

| Stt | Diễn giải | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | Tốc độ tăng trưởng bình quân (%) |
|-----|-------------|-------|------|--------|---------|---------|----------------------------------|
| 1 | Hà Giang | 202 | 308 | 433,94 | 613,07 | 869,34 | 44,11 |
| 2 | Lạng Sơn | 710,5 | 750 | 977,13 | 1276,86 | 1675,17 | 24,43 |
| 3 | Tuyên Quang | 460 | 500 | 658,91 | 870,90 | 1155,62 | 26,34 |
| 4 | Bắc Kạn | 45,8 | 57,6 | 78,27 | 106,66 | 145,91 | 33,68 |
| 5 | Cao Bằng | 44,5 | 49,2 | 64,86 | 85,75 | 113,83 | 26,84 |

*Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hà Giang
Viện nghiên cứu phát triển du lịch*

c. Số ngày du khách lưu trú: Tổng số ngày khách lưu trú qua các năm, năm 2009 số ngày khách đến cơ sở lưu trú 429.392 ngày (khách quốc tế là 72.764 ngày, khách trong nước 356.628 ngày); đến năm 2011 598.271 ngày (khách quốc tế 62.583 ngày, khách trong nước 535.688 ngày); năm 2013 956.800 ngày (khách quốc tế 208.000 ngày, khách trong nước 748.800 ngày). Số liệu cho thấy, số ngày lưu trú của du khách tăng dần qua các năm, cụ thể, Năm 2013 số ngày lưu trú tăng gấp 2,23 lần so với năm 2009, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2011 (bảng 3.5).

d. Thời gian lưu trú bình quân của du khách: Qua bảng số liệu thống kê cho thấy, thời gian lưu trú bình quân của du khách giai đoạn 2009-2013 nhìn chung tăng không đáng kể, thậm chí có năm giảm xuống. Đối với khách trong

nước, năm 2009 là 1,78 ngày/khách, năm 2010 giảm xuống còn 1,65 ngày/khách. Năm 2011 tăng lên là 1,85 ngày/khách, đến năm 2013 tăng lên 1,92 ngày/khách. Nhưng đối với du khách quốc tế tăng từ 1,45 ngày/khách năm 2009 lên 1,52 ngày/khách, đến năm 2012 giảm xuống còn 1,50 ngày/khách, nhưng năm 2013 lại tăng lên là 1,6 ngày/khách (bảng 3.5).

Bảng 3.5. Hiện trạng số ngày lưu trú, thời gian lưu trú bình quân giai đoạn 2009-2013

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 |
|----------|------------------------------------|------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1 | Số ngày khách lưu trú | Ngày | 429.392 | 490.958 | 598.271 | 711.088 | 956.800 |
| 1.1 | Khách quốc tế | | 72.764 | 73.006 | 62.583 | 190.289 | 208.000 |
| 1.2 | Khách trong nước | | 356.628 | 417.952 | 535.688 | 520.799 | 748.800 |
| 2 | Thời gian lưu trú bình quân | Ngày/lượt người | 1,71 | 1,63 | 1,81 | 1,70 | 1,84 |
| 2.1 | Khách quốc tế | | 1,45 | 1,52 | 1,55 | 1,50 | 1,60 |
| 2.2 | Khách trong nước | | 1,78 | 1,65 | 1,85 | 1,79 | 1,92 |

Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hà Giang

e. Số cơ sở lưu trú và số lượng buồng phòng: Thời gian qua hạ tầng cơ sở lưu trú tại các huyện thuộc Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồi Văn (huyện Mèo Vạc, Đồi Văn, Yên Minh, Quản Bạ) và huyện Hoàng Su phì, Thành phố Hà Giang được các tổ chức, hộ gia đình đầu tư xây dựng các nhà nghỉ, khách sạn. Số phòng của các loại khách sạn từ 1 sao đến 3 sao tăng bình quân 27%/ năm...Hiện tại Công ty TNHH Hoa Cương Hà Giang đang đầu tư xây dựng khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 sao tại Thị trấn Đồi Văn với số lượng buồng, phòng khoảng trên 180 phòng (tổng mức đầu tư trên

100 tỷ đồng), dự kiến đi vào sử dụng khoảng cuối Quý I năm 2015 và một số hộ gia đình đã đầu tư xây dựng các nhà nghỉ hoặc khách sạn đạt tiêu chuẩn 1 sao, 2 sao nhằm đáp ứng đa dạng các nhu cầu khác nhau về phòng nghỉ cho du khách tại trung tâm Thành phố Hà Giang và trung tâm các huyện trên địa bàn toàn tỉnh (bảng 3.6).

f. Số lao động trong ngành du lịch: Giai đoạn 2009-2013 số lượng nhân lực du lịch đều tăng, nhưng tăng chậm, trong đó số lao động có trình độ Đại học và trên Đại học tăng rất ít (trong 05 năm tăng 8 người). Năm 2013 số lao động gián tiếp làm công tác quản lý là 157 người tăng gấp 1,5 lần so với năm 2009 và năm 2013 lao động có trình độ Đại học và trên đại học năm 2013 chiếm 14,9% (bảng 3.6).

Bảng 3.6. Hiện trạng cơ sở lưu trú và lao động ngành du lịch giai đoạn 2009-2013

| Stt | Chỉ tiêu | Đvt | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 |
|----------|----------------------------------|--------------|------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| 1 | Cơ sở lưu trú | | | | | | |
| 1.1 | Số cơ sở | Cơ sở | | | | | |
| | - Khách sạn (từ 1 đến 3 sao) | | 10 | 11 | 19 | 28 | 31 |
| | - Nhà nghỉ nhà có phòng cho thuê | | 88 | 89 | 83 | 83 | 84 |
| 1.2 | Số buồng phòng | Buồng | 1.317 | 1.340 | 1.392 | 1.669 | 1.732 |
| | - Khách sạn (từ 1 đến 3 sao) | | 234 | 267 | 456 | 651 | 700 |
| | - Nhà nghỉ nhà có phòng cho thuê | | 1.083 | 1.073 | 936 | 1.018 | 1.032 |
| 2 | Lao động | Người | 879 | 1.032 | 1.042 | 1.038 | 1.053 |
| | - Đại học và trên đại học | | 37 | 46 | 51 | 55 | 55 |
| | - Cao đẳng và Trung cấp nghề | | 64 | 82 | 97 | 102 | 102 |
| | - Loại khác | | 778 | 904 | 894 | 881 | 896 |

Nguồn: Sở Văn hóa thể thao và du lịch Hà Giang

3.2.2. Đánh giá chung về hoạt động du lịch ở Hà Giang giai đoạn 2009-2013

3.2.2.1. Những mặt tích cực

Trong những năm qua hoạt động du lịch ở Hà Giang đã đạt được những thành tựu đáng kể, đã được thể hiện trên một số mặt như:

- Một số điểm, khu du lịch đã được khách du lịch, tổ chức quốc tế đánh giá cao, cụ thể: Sau khi đi khảo sát thực tế, đánh giá việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị của CVĐC ngày 22/9/2014 Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đổng Văn đã được UNESCO công nhận lại, tiếp tục là thành viên Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đổng Văn là khu du lịch quốc gia.

- Thị trường du lịch khá phong phú; do có những phong tục tập quán, văn hóa đặc trưng, đa dạng của các dân tộc khác nhau (19 dân tộc) nên thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch hơn các tỉnh khác, thực tế đã hình thành một số sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng của địa phương như: Du lịch cộng đồng, du lịch nghiên cứu, khám phá, tìm hiểu lịch sử văn hóa, du lịch sinh thái... Do vậy, khách du lịch đến Hà Giang ngày một tăng cao, doanh thu các loại hình dịch vụ du lịch tăng lên qua các năm. Hoạt động du lịch đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển KTXH của tỉnh. Những dịch vụ cơ bản phục vụ khách du lịch được đáp ứng tương đối đầy đủ.

- Kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển du lịch từng bước được nâng lên, các dự án đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, các dự án khách sạn đang được các nhà đầu tư, doanh nghiệp gấp rút thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách đặc biệt du khách quốc tế;

- Đã thành lập một số cơ quan đặc thù để thực hiện quản lý, bảo tồn,

phát triển Cao nguyên đá Đồng Văn như: Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn và 04 Trung tâm thông tin khu vực tại 04 huyện vùng cao núi đá Phía Bắc (huyện Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ); chú trọng đến việc quảng bá hình ảnh, tham gia một số Hội nghị, Hội chợ Quốc tế về thương mại, Du lịch (*Hội nghị mạng lưới về Công viên địa chất toàn cầu lần thứ 6 tại Canada; Hội chợ tại Công viên địa chất toàn cầu Langkawi - Malaysia; Côn minh, Quảng Tây của Trung Quốc...*) và chủ trì đăng cai tổ chức Hội chợ du lịch Tây Bắc (Tháng 10/2014) để quảng bá về Cao nguyên đá Đồng Văn nói riêng và du lịch Hà Giang nói chung...

3.2.2.2. Những vấn đề đặt ra

Mặc dù Hà Giang có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch, tuy nhiên còn bộc lộ một số hạn chế cần khắc phục:

- Chưa tạo được thương hiệu du lịch của tỉnh; chất lượng sản phẩm du lịch chưa cao; chưa có nhiều các loại hình du lịch độc đáo; giá cả dịch vụ có phần cao hơn so với các tỉnh, thành phố khác trong nước làm cho khả năng cạnh tranh, khả năng thu hút khách du lịch, thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch chưa cao.

- Hiện nay ở các khu du lịch; điểm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; khu di tích văn hóa, lịch sử vẫn ở dạng sơ khai, mặc dù đã được đầu tư, tôn tạo nhưng chưa nhiều, chưa có chiều sâu như: Khu phố cổ Đồng Văn, khu Nhà vương, khu suối khoáng Thanh Hà, Chợ tình Khâu vai...kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch ở nhiều nơi còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng. Tính riêng khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế, toàn tỉnh hiện chỉ có 01 khách sạn 3 sao, 08 khách sạn 2 sao không đủ để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch (nhất là đối với du khách quốc tế) khi vào mùa du lịch cao điểm.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ du lịch hiện nay chỉ mới chú ý đến việc khai thác để thu lợi trước mắt, chưa quan tâm đến

vấn đề bảo vệ, tôn tạo, trùng tu để phát triển bền vững. Nhiều cảnh quan thiên nhiên bị phá vỡ: Nhiều núi đá tai mèo bị khai thác để sản xuất vật liệu xây dựng, hiện tượng chặt phá rừng nguyên sinh để khai thác các loại gỗ quý, hiếm còn phổ biến.. gây không ít khó khăn cho việc phát triển du lịch của tỉnh ở hiện tại cũng như trong tương lai.

- Việc xử lý rác thải, chất thải, vấn đề an ninh trật tự, bảo vệ môi trường của địa phương, sức khỏe cộng đồng dân cư vùng du lịch chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến việc gây ô nhiễm môi trường, sự bất ổn cho xã hội trong khi du lịch ngày càng phát triển. Đây là những vấn đề có tính cấp bách cần được ưu tiên khắc phục trong thời gian sớm nhất.

- Trình độ dân trí của cộng đồng dân cư ở các vùng du lịch không cao, nhận thức về lợi ích của kinh tế du lịch còn hạn chế nên việc chuyển biến về văn hóa ứng xử, thái độ giao tiếp của người dân ở vùng du lịch đối với du khách chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt.

- Quản lý hoạt động du lịch chưa chuyên nghiệp, chưa theo kịp chuẩn mực quốc gia, chưa quan tâm xây dựng và đưa vào thực hiện các quy định bắt buộc đối với các doanh nghiệp, du khách tham gia vào hoạt động du lịch.

- Phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch chưa thực sự đi vào cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực du lịch ở khu vực tư nhân chưa đảm bảo khai thác được tiềm năng lợi thế sẵn có của từng vùng, địa phương.

- Chưa có chương trình, hoạt động cụ thể thực chất, hiệu quả để nâng cao văn hóa ứng xử đối với người lao động ngành du lịch và nhân dân sinh sống trong hoặc gần khu du lịch.

3.3. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2009-2013

3.3.1. Việc tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật chung của Nhà nước liên quan đến hoạt động du lịch và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển du lịch mang tính đặc thù, thuộc thẩm quyền của địa phương

Luật Du lịch đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XI, kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 và Chính phủ ban hành Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch...Việc Luật Du lịch được ban hành có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển du lịch khi Việt nam mở rộng hội nhập, tạo nền tảng vững chắc để thu hút các doanh nghiệp du lịch nước ngoài đầu tư, hợp tác kinh doanh với Việt Nam, đồng thời thu hút ngày càng nhiều du khách quốc tế đến Việt Nam. Các nội dung quy định về bảo vệ và tôn tạo tài nguyên du lịch, quy hoạch du lịch, công nhận và tổ chức quản lý khu, tuyến, điểm du lịch và đô thị du lịch; tiêu chuẩn hóa cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ, tiêu chuẩn hóa các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch; các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn, bảo hiểm du lịch và giải quyết yêu cầu, kiến nghị của khách du lịch đều nhằm thể hiện chính sách của Nhà nước Việt Nam trong việc nâng cao sức cạnh tranh, tính hấp dẫn của du lịch Việt Nam, bảo vệ quyền lợi chính đáng của khách du lịch và các nhà đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

Bên cạnh đó, tỉnh Hà Giang nói chung, Cao nguyên đá Đồng Văn nói riêng được Đảng và Nhà nước đặc biệt Quan tâm, ban hành các chủ trương, chính sách từng bước xây dựng Cao nguyên đá Đồng Văn là khu du lịch quốc gia, cụ thể: Văn bản số 1532/VPCP-QHQT ngày 20/10/2010 của Văn phòng Chính phủ giao cho UBND tỉnh Hà Giang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng đề án đầu tư, nâng cấp Dự án xây dựng Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn từ dự án cấp tỉnh lên dự án thí

điểm cấp quốc gia; Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Thủ tướng chính phủ, 2013). Quyết định 826/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030 (Thủ tướng chính phủ, 2014). Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/9/2013 của Ban bí thư trong đó có nội dung *“xây dựng Hà Giang thành một trong những trung tâm du lịch quốc gia, gắn với khai thác, phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và lợi thế của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn”* (Ban Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam, năm 2013).

Tiếp thu, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về du lịch, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Giang đã cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch và chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các sở ban, ngành và các huyện, thành phố tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong tỉnh, nhất là các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch hoặc nhưng nơi đã hình thành các cụm, điểm du lịch. Đến nay, nhiều nơi đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện khá tốt các chủ trương, chính sách này, qua đó thúc đẩy sự phát triển KT-XH, góp phần cải thiện đời sống người dân tại địa phương; nhận thức của nhân dân về phát triển du lịch gắn với lợi ích cộng đồng dân cư cũng được nâng lên; chuyển biến tích cực trong việc chấp hành các quy định về bảo vệ và tôn tạo các khu, điểm du lịch; việc kinh doanh du lịch được các doanh nghiệp quan tâm đầu tư và khai thác; chất lượng phục vụ du khách được nâng lên một bước; tình trạng tự ý nâng giá kinh doanh trong thời gian cao điểm đã giảm.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho nhiều doanh nghiệp, hộ kinh

doanh du lịch những quy định của pháp luật về du lịch; thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động du lịch tại các khu, điểm du lịch và kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phản ánh từ các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch. Cải cách một bước thủ tục đăng ký kinh doanh, xây dựng cơ bản, giao và cho thuê đất; tuy chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư nhưng cũng đã có thông thoáng hơn.

Đồng thời, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các nghị quyết, chủ trương của tỉnh nhằm phát triển du lịch trên địa bàn đúng định hướng của Trung ương và tháo gỡ những vướng mắc có liên quan đến du lịch.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2010-2015 đã xác định một trong tám đột phá quan trọng đó là “*Đột phá về phát triển thị trường và đẩy mạnh xây dựng hạ tầng cơ sở cho dịch vụ, du lịch*”; Chương trình phát triển văn hoá gắn với du lịch sinh thái, văn hoá, lịch sử, địa chất, tâm linh được xác định là một trong mười lăm chương trình trọng tâm của tỉnh và đưa ra các nhiệm vụ “*Xây dựng và phát triển các tua, tuyến, điểm, khu du lịch đã được quy hoạch, xây dựng thương hiệu, điểm nhấn trong hoạt động du lịch, các làng văn hoá dân tộc, sản phẩm văn hoá dân tộc đặc trưng; Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các đô thị, cửa khẩu biên giới và khu dân cư tập trung, với phương châm: Phát triển đô thị gắn với phát triển dịch vụ và xây dựng nông thôn mới ở nơi có điều kiện. Quy hoạch, xây dựng thị trấn Đông Văn, thị trấn Tam Sơn thành trung tâm, điểm du lịch của công viên địa chất cao nguyên đá Đông Văn*” và giải pháp thực hiện: “*Tăng cường giới thiệu, quảng bá các tiềm năng thế mạnh của địa phương, đi đôi với đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại - du lịch; ban hành chính sách thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, các sản phẩm phục vụ phát triển dịch vụ, du lịch*” (Tỉnh ủy Hà Giang, 2010).

Ngoài ra Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV, XV cũng ban hành

các các Chương trình, Nghị quyết chuyên đề: Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 10/4/2006 của BCH Đảng bộ tỉnh Hà Giang về đẩy mạnh phát triển du lịch đến năm 2015; Văn bản số 28-KL/TU ngày 28/3/2011 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc yêu cầu triển khai Kết luận của Ban thường vụ về dự án Quy hoạch tổng thể Công viên địa chất Cao nguyên đá Đổng Văn giai đoạn 2011 đến 2020 tầm nhìn 2030; Chương trình 62-CTr/TU ngày 29/3/2013 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về phát triển Văn hóa gắn với Du lịch giai đoạn 2013-2020; Kết luận số 148-KL/TU ngày 28/7/2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang 2003-2010; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 30/7/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn, giai đoạn 2013 đến 2030. Các quan điểm, mục tiêu, định hướng chung thể hiện trong Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Nghị quyết chuyên đề về du lịch đã được các cấp, các ngành cụ thể hóa thành các chương trình hành động, kế hoạch, tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Bên cạnh đó, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để chỉ đạo phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh như: Quyết định số 46/QĐ-UB ngày 03/01/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang về việc bổ sung ngân sách để xây dựng dự án quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Giang thời kỳ 2002-2010; Quyết định 2421/QĐ-UB ngày 11/9/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh, về phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Giang thời kỳ 2002-2010 và định hướng đến năm 2020; Chương trình hành động số 35/CTHD-UB ngày 14/8/2006 về phát triển du lịch Hà Giang giai đoạn 2006-2015, trong đó đề ra mục tiêu cho từng giai đoạn phát triển du lịch; Quyết định 743/QĐ-UBND ngày 26/3/2008 của UBND tỉnh Hà Giang về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang 2010-2015 và định hướng đến

năm 2020; Quyết định 4844/QĐ-UBND ngày 19/11/2009 của UBND tỉnh Hà Giang về công nhận Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 26/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn; Quyết định 1313/QĐ-UBND ngày 5/7/2013 của UBND tỉnh Hà Giang về phê duyệt đề cương, dự toán Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 của HĐND tỉnh về xây dựng cao nguyên đá Đổng Văn thành Công viên địa chất toàn cầu; Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của HĐND tỉnh về việc thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Ngoài ra, HĐND, UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành một số chính sách ưu đãi đầu tư tại Nghị Quyết số 47/2012/NQ-HĐND ngày 14/7/2012 của HĐND tỉnh và Quyết định số 2748/2012/QĐ-UBND ngày 11/12/2012 của UBND tỉnh như sau:

- *Chính sách ưu đãi về thuế*: Miễn giảm thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; Miễn thuế TNDN 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn...

- *Chính sách ưu đãi về đất đai*: Được miễn giảm 50% hoặc 30% tiền sử dụng đất đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi (*Đầu tư xây dựng: khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; khu công viên văn hóa...*) được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn;

- *Chính sách ưu đãi tín dụng*: Đối với việc phát triển làng văn hóa du lịch: Hỗ trợ 100% lãi xuất tiền vay trong thời gian 3 năm đầu cho các tổ chức cá nhân kinh doanh sản phẩm sản xuất tại đại phương, Hợp tác xã sản xuất nghề thủ công truyền thống; hỗ trợ 100% lãi xuất tiền vay trong thời gian 2 năm các hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú cho khách du lịch.

Như vậy, tỉnh Hà Giang đã tiếp thu, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về du lịch. Bên cạnh đó, cũng đã kịp thời ban hành nhiều chủ trương, chính sách thuộc thẩm quyền để chỉ đạo, điều hành hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh theo đúng định hướng phát triển du lịch mà Trung ương và địa phương đề ra.

3.3.2. Công tác xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh

Nhận thức được những tiềm năng to lớn của du lịch Hà Giang nên công tác xây dựng và quản lý quy hoạch thời gian qua cũng đã sớm được thực hiện và hàng năm có tổng kết đánh giá để có phương án điều chỉnh cho phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương. Năm 2003 căn cứ vào pháp lệnh Du lịch năm 1999 và các văn bản pháp luật có liên quan về quản lý quy hoạch, HĐND, UBND tỉnh đã phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Giang thời kỳ 2002-2010 và định hướng đến năm 2020, đây là cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý xây dựng các kế hoạch phát triển du lịch. Sự phát triển của du lịch Việt Nam nói chung và của Hà Giang nói riêng có nhiều cơ hội và thách thức mới trong bối cảnh Việt Nam hội nhập với quốc tế và khu vực. Chính vì thế năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Viện nghiên cứu phát triển du lịch - Tổng cục Du lịch cùng một số cơ quan Trung ương và các chuyên gia xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, sự phân bố tài nguyên

du lịch, kết cầu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, phân vùng lãnh thổ du lịch Hà Giang theo ba không gian: Không gian Du lịch trung tâm (Thành phố Hà Giang, Vị Xuyên, Bắc Mê, Bắc Quang) với chức năng là du lịch sinh thái núi thấp, cửa khẩu biên giới, hồ thủy điện, giữ vai trò làm cầu nối giữa hai không gian Đông Bắc và Tây Bắc; không gian du lịch Đông Bắc (không gian du lịch CVĐC toàn cầu, gồm các huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc) với chức năng chính là du lịch gắn với CVĐC toàn cầu CNDĐV; không gian du lịch Tây Nam (Huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần, Quang Bình) với chức năng du lịch sinh thái núi cao; Quy hoạch các tuyến du lịch, liên kết với các khu, điểm du lịch của các tỉnh Trung du miền núi Phía Bắc và các tỉnh giáp biên của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa để hình thành các tuyến, tua du lịch như: *Tuyến Hà Giang - Cao Bằng - Lạng Sơn - Quảng Ninh; Tuyến Hà Giang - Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên - Hà Nội; Hà Giang - Lào Cai - Lai Châu - Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội; Tuyến du lịch Quốc tế như: Hà Giang - Côn Minh (Vân Nam), Hà Giang - Thiên Bảo, Vân Nam thông qua Cửa khẩu Quốc tế Thanh thủy, Vị Xuyên; Tuyến Hà Giang - Quảng Tây thông qua các cửa khẩu thuộc CVĐC toàn cầu CNDĐV (cửa khẩu Lũng Làn, xã Sơn Vĩ, Mèo Vạc- Lộng Bình, Na Po, thành phố Bắc Sặc)* và nhiều tuyến du lịch nội tỉnh: *Thành phố Hà Giang - Quản bạ - Yên Minh - Đồng Văn - Mèo Vạc - Bảo Lâm (tỉnh Cao bằng) - Bắc Mê - Thành phố Hà Giang (hoặc ngược lại); Thành phố Hà Giang - Quản Bạ - Yên Minh - Đồng Văn - Mèo Vạc - Yên Minh - Bắc Mê - Thành phố Hà Giang (hoặc ngược lại); Hà Giang - Vị Xuyên - Bắc Quang - Hoàng Su Phì - Xín Mần - Quang Bình - Bắc Quang - Vị Xuyên - Thành phố Hà Giang* và các tuyến du lịch phụ trợ từ Trung tâm các huyện, thành phố đi các xã, phường, Thị trấn có điểm, khu du lịch. Trong quá trình thực hiện và quản lý quy hoạch đã đạt được nhiều kết quả khả quan: Nhiều khu di tích được bảo vệ, được xếp

hạng cấp quốc gia, cấp tỉnh (*Di tích khảo cổ học và danh lam thắng cảnh Khu vực hóa thạch tay cuộn tại Ma Lé - Đồng Văn, Di tích kiến trúc nghệ thuật Phố cổ Đồng Văn, Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh cột cờ Lũng Cú...*); nhiều lễ hội của các dân tộc thiểu số (*Lễ hội nhảy lửa của người Pà Thẻn, Lễ nghi cấp sắc của người Dao, Lễ hội Gầu tào...*) được xếp hạng là di sản phi vật thể cấp quốc gia; nhiều danh lam thắng cảnh (*Ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, Thác Tiên Đèo gió, Núi đôi Quán Bạ...*) được xếp hạng di tích cấp quốc gia; các tiềm năng du lịch được khai thác phục vụ kinh doanh... Tuy nhiên vì thiếu các quy hoạch chi tiết do đó một số cảnh quan bị xâm hại như khai thác đá Tai mèo (*thuộc không gian CVĐC toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn*) làm vật liệu xây dựng; xây dựng quá nhiều Thủy điện trên cùng một dòng sông, suối; khai thác gỗ quý hiếm tại các rừng nguyên sinh làm ảnh hưởng tới mỹ quan, môi trường, phá vỡ cảnh quan tự nhiên, làm ảnh hưởng nơi trú ngụ của một số loài động vật quý hiếm thuộc sách đỏ Việt Nam và thế giới...

Đối với Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn:

Về công tác quy hoạch chung: Triển khai thực hiện Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với tổng diện tích 2.356,8km² trên địa bàn 04 huyện vùng cao; Quyết định 826/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030, tỉnh Hà Giang đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương, đặc biệt với các Bộ KH&ĐT, Bộ Xây dựng, Bộ Văn Hóa thể thao và Du lịch và Bộ NN&PTNT; Quy hoạch đầu tư bảo tồn các giá trị di sản địa chất, di sản văn hóa-lịch sử và đa dạng sinh học thông qua xây dựng 03 công viên chuyên đề: Công viên Khoa học địa chất tại

huyện Mèo Vạc; Công viên Địa sinh thái tại huyện Yên Minh và huyện Quản Bạ; quy hoạch 04 trung tâm du lịch khai thác phát huy giá trị các di sản phục vụ phát triển kinh tế nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng: Trung tâm du lịch văn hóa lịch sử Đồng Văn, Trung tâm du lịch khoa học, mạo hiểm và thương mại cửa khẩu Mèo Vạc; Trung tâm du lịch sinh thái đô thị xanh; Trung tâm du lịch vui chơi giải trí Quản Bạ...

Về công tác công bố, triển khai thực hiện quy hoạch: UBND tỉnh đã chỉ đạo đến các ngành, các cấp trong tỉnh triển khai lập các quy hoạch trong giai đoạn 2013-2015: Lập quy hoạch chi tiết về bảo tồn di sản địa chất, văn hóa và đa dạng sinh học; quy hoạch về du lịch; quy hoạch về xây dựng...theo Quyết định 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay các ngành có liên quan đang phối hợp với các đơn vị tư vấn chuẩn bị hoàn thành, công bố quy hoạch chi tiết (*năm 2011 đã hoàn thành quy hoạch tổng thể, tỷ lệ 1/10.000*)...Thông qua việc công bố, triển khai thực hiện quy hoạch đã động viên khích lệ đồng bào các dân tộc tỉnh Hà Giang chung tay xây dựng và phát triển Cao nguyên đá Đồng Văn, quan trọng hơn đã giúp cho nhiều người biết đến Công viên mang tầm cỡ khu vực và Quốc tế điều đó có tác động tích cực đến việc phát triển du lịch chung của tỉnh. Đây là cơ sở quan trọng để khai thác hợp lý tiềm năng du lịch, phát triển ngành du lịch Hà Giang đồng bộ có hệ thống trên phạm vi toàn tỉnh, cũng như trong quá trình hội nhập du lịch với khu vực và quốc tế.

3.3.3. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực giải quyết các thủ tục hành chính như đăng ký, cấp phép, ưu đãi đầu tư

Trong những năm qua Quản lý nhà nước về du lịch ở Hà Giang đã có nhiều kết quả khả quan. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiều công việc liên quan như: Tổ chức công

bộ quy hoạch sau khi được phê duyệt; tổ chức, điều tra đánh giá, phân loại, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch của tỉnh; xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức thực hiện xúc tiến du lịch, sự kiện, hội chợ, triển lãm du lịch... công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch trên địa bàn, đặc biệt là dịch vụ lưu trú, ăn uống và lễ hành được quan tâm.

Về bộ máy tổ chức quản lý: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trước đây là Sở Thương Mại Du lịch) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang được thành lập theo Quyết định số 3093/QĐ-UB ngày 22 tháng 9 năm 2008, của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trên cơ sở hợp nhất Sở Văn hóa Thể dục Thể thao và bộ phận Du lịch của sở Thương mại Du lịch. Hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở bao gồm 8 phòng, chuyên môn nghiệp vụ và 7 đơn vị sự nghiệp trực thuộc, trong đó trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước phát triển du lịch có Phòng Nghiệp vụ du lịch (có 4- 5 biên chế), Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch. Ở các huyện, thành phố công tác quản lý nhà nước về du lịch được giao cho Phòng Văn hóa - Thông tin, tuy nhiên nhiệm vụ, chức năng chưa được quy định rõ ràng, cụ thể. Với tiềm năng du lịch của tỉnh hiện nay, các hoạt động liên quan đến công tác QLNN về du lịch chủ yếu do Phòng nghiệp vụ du lịch của Sở Văn hóa, thể thao du lịch nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với Lãnh đạo sở để báo cáo cấp có thể thẩm quyền xem xét Quyết định, có thể trong tương lai không đáp ứng được yêu cầu do số lượng biên chế ít mà khối lượng công việc cần phải thực hiện khá nhiều theo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Sau khi Cao nguyên đá Đổng Văn được UNESCO công nhận là CVĐC toàn cầu, UBND tỉnh đã thành lập BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa thể thao và du lịch, nhưng để đáp ứng yêu cầu nhiệm

vụ có thể quản lý, phát huy tốt giá trị của một Công viên mang tầm cỡ Quốc tế, phát triển xứng tầm với các CVĐC trong khu vực và thế giới ngày 27/6/2011 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1320/QĐ-UBND về thành lập Ban quản lý CVĐC toàn cầu CNĐĐV với chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân trực tiếp triển khai các nhiệm vụ về quản lý, bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị của Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên Đồng Văn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội 4 huyện vùng cao núi đá phía Bắc. Nâng cao đời sống cho người dân địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo sinh kế bền vững cho người dân khu vực CVĐC. Để đáp ứng một trong các tiêu chí bắt buộc của một CVĐC do mạng lưới CVĐC toàn cầu quy định, đòi hỏi phải có bộ máy chuyên môn thuộc BQL đủ lớn mạnh, làm đầu mối trong việc quản lý, bảo tồn, nghiên cứu khoa học; cung cấp và trao đổi thông tin phát triển du lịch - dịch vụ trên vùng CVĐC. Đồng thời giúp Ban quản lý trong công tác giao dịch với các đơn vị trong và ngoài tỉnh và các nhà khoa học, thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển du lịch, dịch vụ nhằm phát huy các giá trị di sản của Công viên địa chất, ngày 14/11/2012 UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 2461/QĐ-UBND Thành lập 4 Trung tâm thông tin khu vực trực thuộc Ban quản lý CVĐC toàn cầu CNĐĐV và UBND tỉnh đã kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng và phát triển CVĐC toàn cầu CNĐĐV, trong đó đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban và lãnh đạo một số sở, ngành có liên quan là thành viên.

Trong thời gian qua thực hiện việc cải cách TTHC, UBND tỉnh yêu cầu các ngành có liên quan tiến hành giảm 1/3 thời gian giải quyết các thủ tục đầu tư so với quy định của Trung ương; việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết các dự án đầu tư được thực hiện theo cơ chế một cửa, một đầu mối tại Trung tâm tư vấn và xúc tiến đầu tư.

3.3.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch

Nguồn nhân lực du lịch là nhân tố quyết định đến chất lượng sản phẩm du lịch, yếu tố quan trọng để thực hiện thắng lợi chủ trương phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành nghề dịch vụ. Chính vì vậy, thời gian qua Hà Giang luôn quan tâm, tập trung cho công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành du lịch tỉnh. Du lịch Hà Giang chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, hiệu quả kinh tế chưa cao, theo đánh giá của các chuyên gia do nguồn nhân lực du lịch ở Hà Giang hiện nay vừa thiếu, vừa yếu, lại mất cân đối về cơ cấu lao động trong du lịch. Đội ngũ cán bộ quản lý du lịch và lao động làm dịch vụ du lịch còn vừa yếu về năng lực chuyên môn, yếu về ngoại ngữ và thiếu tính chuyên nghiệp.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Ban quản lý CVĐC toàn cầu CNĐĐV đã chủ động phối hợp, tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các lớp đào tạo, đào tạo lại tại chỗ và bồi dưỡng kiến thức du lịch cộng đồng cho nhân dân địa phương nơi có khu, điểm du lịch; đào tạo ngắn hạn cho hướng dẫn viên du lịch, cán bộ quản lý; tổ chức Hội thảo khoa học *“nâng cao nhận thức về giá trị địa chất toàn cầu CNĐĐV cho học sinh phổ thông Hà Giang”*.

Cho đến nay, ngành du lịch đã phối hợp với các cơ sở đào tạo lớn như: Trường Đại học Văn hóa, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, Khoa du lịch - Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội...tổ chức được 61 lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về du lịch cho các học viên là cán bộ quản lý các sở, ngành; cán bộ cấp xã, cán bộ quản lý và nhân viên, lao động làm việc trong các doanh nghiệp, cơ sở lưu trú, các khu điểm du lịch, các làng văn hóa du lịch cộng đồng và các em học sinh với hơn 3.500 người gồm học

viên các lớp: Lớp Đại học tại chức Văn hóa - Du lịch: 01 lớp; QLNN về du lịch: 5 lớp; lớp nghiệp vụ Lễ tân: 5 lớp; Tập huấn về du lịch cộng đồng tại các thôn bản: 47 lớp; thuyết minh viên: 3 lớp; Việt Nam học chuyên ngành văn hóa du lịch 1 lớp, Tập huấn cho cán bộ cấp xã 5 lớp. (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

Năm 2011 Ban chỉ đạo Tây Bắc phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội, Sở Nội Vụ tỉnh Hà Giang, BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV tổ chức 02 lớp cho 80 học viên (*lớp hướng dẫn viên du lịch và lớp công tác xã hội*) đào tạo ngắn hạn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc (Sở Văn hóa thể thao và du lịch, 2011).

Năm 2012 BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV phối hợp với chuyên gia đến từ Vương quốc Bỉ tổ chức lớp bồi dưỡng về nâng cao năng lực cho hướng dẫn viên du lịch địa chất tỉnh Hà Giang với chủ đề “*Hướng dẫn viên - nghệ thuật quản lý nụ cười*” cho 25 học viên là những người trực tiếp làm hướng dẫn viên du lịch và quản lý hướng dẫn viên du lịch của các đơn vị, cơ sở, doanh nghiệp liên quan đến cung cấp dịch vụ du lịch cho CVĐC; chuyên viên phòng nghiệp vụ du lịch, Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch của Sở VH TT & DL; Phòng Văn hóa thông tin huyện. Kết thúc lớp bồi dưỡng, tất cả các học viên nắm được kiến thức cơ bản trong việc thuyết minh giới thiệu về CVĐC; xây dựng và cụ thể hóa kế hoạch hoạt động trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh loại hình du lịch cụ thể, quan trọng hơn nhất các học viên đã trở thành những hạt nhân chính, tham gia vào quá trình đào tạo tiếp theo cho hướng dẫn viên du lịch địa phương (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

Năm 2013 BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV đã tổ chức Hội thảo khoa học “*nâng cao nhận thức về giá trị di sản CVĐC toàn cầu CNĐĐV cho học sinh phổ thông*” với sự tham gia của đại diện UBND các huyện trên CVĐC,

Lãnh đạo phòng GD&ĐT, Trường Nội trú và Trường THCS tại Thành phố Hà Giang và 4 huyện cùng CVĐC. Tại Hội thảo Ban chủ nhiệm đề tài thông qua tiến trình thực hiện nội dung sản phẩm đề tài, tài liệu giáo dục di sản mang tên: “*Di sản CVĐC toàn cầu CNĐĐV trong tay thế hệ trẻ Hà Giang*” và thống nhất cao đưa giáo dục di sản vào giảng dạy tại các Trường phổ thông nhằm nâng cao nhận thức để bảo vệ, giữ gìn, phát huy giá trị di sản CVĐC toàn cầu CNĐĐV và đây là những nhân tố tích cực giới thiệu về tiềm năng, tài nguyên du lịch mỗi khi tiếp xúc với du khách trong và ngoài nước đến với Hà Giang.

Nhìn chung công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành Du lịch Hà Giang trong những năm qua đã dần được hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển của du lịch. Trong những năm tới, công tác này cần tiếp tục phát huy, có cách làm mới phù hợp với điều kiện, đặc thù của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta nói chung và ở Hà Giang nói riêng.

3.3.5. Tạo lập sự gắn kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia, trong hoạt động du lịch; giữa địa phương và Trung ương trong quản lý nhà nước về du lịch

Vừa qua UBND tỉnh Hà Giang và Tổng cục Du lịch đã thống nhất ký kết bản ghi nhớ về hỗ trợ, hợp tác phát triển du lịch với quan điểm: Tập trung phát triển theo chiều sâu, đảm bảo chất lượng và chuyên nghiệp, được đo bằng hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững; Phát huy tốt thế mạnh nổi trội, sự độc đáo, đặc sắc về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn của Hà Giang, đặc biệt là những giá trị di sản Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn trở thành động lực phát triển chính cho Du lịch Hà Giang; phát triển du lịch gắn với bảo tồn, các hoạt động du lịch dựa vào cộng đồng địa

phương và mang lại lợi ích vì cộng đồng địa phương để gắn với bảo tồn. Các nội dung phối hợp: Nâng cao nhận thức cho mọi đối tượng về vị trí, vai trò, của ngành du lịch trong phát triển kinh tế xã hội, yêu cầu đối với phát triển du lịch bền vững; phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng, mang thương hiệu Hà Giang trên cơ sở khai thác những giá trị độc đáo, nổi bật về văn hóa và sinh thái cảnh quan của Hà Giang, đặc biệt gắn với Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồi Văn; thực hiện chương trình xúc tiến Du lịch quốc gia gắn với địa bàn Hà Giang, tổ chức các đoàn famtrip, hội chợ du lịch, hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư du lịch đối với Hà Giang (Nguyễn Vũ, 2013).

Ban chỉ đạo Tây Bắc đã tổ chức Hội nghị liên kết phát triển du lịch vùng Tây Bắc năm 2014 tại Điện Biên, Hội nghị đã xác định Tây Bắc là vùng đất có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, nơi sinh sống của hơn 30 dân tộc anh em với cảnh quan hùng vĩ, một không gian văn hóa rộng lớn và phong phú. Những năm gần đây, du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào vùng Tây Bắc. Việc đẩy mạnh liên kết, hợp tác đã tạo điều kiện cho du lịch Tây Bắc phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng, trên cơ sở phát huy thế mạnh của mỗi địa phương trong Vùng. Tại Hội nghị ban chỉ đạo và các tỉnh vùng Tây Bắc đã gặp gỡ đại diện 34 Đại sứ quán và tổ chức quốc tế tại Việt Nam; đại diện 29 tập đoàn, công ty, hiệp hội du lịch trong và ngoài nước nhằm tranh thủ tối đa sự hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế trong việc tìm kiếm, vận động nguồn lực đầu tư phát triển. Để đạt được mục tiêu nhằm tạo bước đột phá thúc đẩy phát triển du lịch Vùng tây Bắc, giúp Tây Bắc phát triển nhanh, bền vững, Ban chỉ đạo cũng thống nhất chương trình phối hợp công tác hàng năm với chủ đề “Liên kết phát triển du lịch - động lực phát triển kinh tế vùng Tây Bắc”. Hội chợ du lịch Tây Bắc lần thứ nhất năm 2014 được tổ chức với quy mô cấp khu vực do Hà Giang đăng cai tổ chức, đây là dịp tăng cường hợp tác phát triển du lịch,

đẩy mạnh mở rộng, nỗ lực chung cho các sáng kiến xây dựng “Thương hiệu du lịch Tây Bắc” tuyến du lịch “vòng cung Tây Bắc”, chương trình “Du lịch về cội nguồn”, chương trình du lịch Di sản thế giới “Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn” hình thành khối hợp tác phát triển du lịch bền vững; Hà Giang ký kết biên bản hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang; ký biên bản hợp tác với các tỉnh trên tuyến Quốc lộ 2: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang; Ký biên bản hợp tác và xây dựng thảo thuận khung hợp tác phát triển du lịch 8 tỉnh khu vực Tây Bắc; Để tuyên truyền, giới thiệu về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang, những tiềm năng lợi thế và định hướng kêu gọi thu hút đầu tư, tạo động lực tăng trưởng kinh tế, Hà Giang đã tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Hà Giang lần thứ nhất năm 2014 (với sự tham gia của các nhà khoa học, nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp và Đại sứ quán một số nước như Iran, Brazil, Chile..) và trao giấy chứng nhận đầu tư cho các nhà đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư trên 3.600 tỷ đồng, trong đó có dự án đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất phục vụ du lịch; dự án đầu tư phát triển thủy điện nhằm giúp tạo thêm tài nguyên du lịch trong tương lai.

Tỉnh Hà Giang đã ký kết các biên bản hợp tác phát triển du lịch với Cục du lịch Châu Văn Sơn, Cục du lịch Vân Nam, Trung Quốc; các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Kạn cùng với Cục du lịch Vân Nam, Trung Quốc ký kết hợp tác phát triển du lịch khai thác lòng hồ Thủy điện Na Hang, tạo điều kiện phát triển tuyến du lịch nối giữa Việt Nam với Malipho, Châu Văn Sơn, Côn Minh, Trung Quốc; phối hợp với Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt nam (VCCI) và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức Lễ Công bố Quy hoạch tổng thể Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030 và xúc tiến kêu gọi đầu tư vào Hà Giang nói chung, CNĐ Đồng Văn nói riêng tại Hà Nội vào ngày 11/4/2013 và thực hiện

khuyến nghị của mạng lưới CVĐC về việc kết nối giữa các CVĐC với nhau cũng như việc triển khai công tác tuyên truyền, quảng bá rộng rãi một cách bền vững tới đông đảo khách du lịch trong nước và quốc tế, Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và Khu thắng cảnh Thạch Lâm, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc ký kết thỏa thuận thiết lập quan hệ hữu nghị với những nội dung sau: Xây dựng thương hiệu du lịch: Theo nguyên tắc hai bên cùng có lợi, cùng phát triển, hai bên đồng ý cùng giới thiệu sản phẩm du lịch của nhau, ủng hộ và tham gia hoạt động quảng bá du lịch bên kia tổ chức, cùng đề xuất việc thiết lập Liên minh khu phong cảnh đặc sắc để cùng nâng tầm danh tiếng và sức ảnh hưởng trên thế giới; Chia sẻ kinh nghiệm thành công: Hai bên đồng ý triển khai hoạt động giao lưu trao đổi kinh nghiệm và duy trì quan hệ hợp tác lâu dài trong xây dựng, quy hoạch, quản lý kinh doanh, Marketing, phổ cập kiến thức khoa học, bảo vệ môi trường và nghiên cứu khoa học địa chất; chia sẻ thị trường kinh doanh: Hai bên đồng ý tại khu vực mỗi bên thành lập điểm giới thiệu và tư vấn, thông qua website du lịch cung cấp thông tin du lịch, cung cấp nguồn khách cho nhau, cùng chia sẻ và mở rộng thị trường du lịch cho nhau; thiết lập cơ chế giao lưu: Hai bên đồng ý sẽ triển khai các hoạt động giao lưu thăm hỏi lẫn nhau không định kỳ, để trao đổi các nội dung liên quan về quản lý du lịch, đào tạo nhân lực, phát triển thị trường (Ngọc Phượng, 2014).

3.3.6. Thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch

Công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành có liên quan đến các hoạt động dịch vụ du lịch trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh được duy trì thường xuyên; giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để tồn đọng kéo dài vượt cấp nhằm thực hiện tốt những quy định của pháp luật về đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn tính

mạng và tài sản cho khách du lịch. Trong 5 năm (2009-2013), Thanh tra Sở Văn hóa thể thao và du lịch đã kết hợp với các phòng chuyên môn của sở, các cơ quan chức năng có liên quan tiến hành kiểm tra 157 cơ sở hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch trên các địa bàn các huyện, thành phố. Kết quả, có 70 cơ sở có vi phạm, trong đó xử lý phạt cảnh cáo 02 cơ sở, phạt tiền 31 cơ sở, đề nghị cơ quan chức năng truy tố theo pháp luật 04 cơ sở, nhắc nhở đối với các cơ sở còn lại...Qua đó góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch của tỉnh trong thời gian gần đây (Sở Văn hóa thể thao du lịch, 2009-2013).

Trong giải quyết đơn đề nghị, khiếu nại, tố cáo, Thanh tra Sở Văn hóa thể thao và Du lịch đã phối hợp với Phòng Văn hóa thông tin các huyện, thành phố; Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (PC 64) Công an tỉnh Hà Giang giải quyết các đề nghị, khiếu nại của du khách có liên quan đến vấn đề về an ninh, trật tự, thái độ phục vụ dịch vụ du lịch để tạo lòng tin sự an toàn của du khách khi đến với Hà Giang và giúp người dân nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn xã hội của địa phương.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành du lịch đã được quan tâm, chú trọng hơn, giúp cho các du khách khi đến với Hà Giang cảm thấy được an toàn, các doanh nghiệp kinh doanh các dịch vụ du lịch được cạnh tranh, lành mạnh bình đẳng; giúp định hướng cho công đồng dân cư khi tham gia các hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch; giám sát, bổ khuyết chất lượng du lịch; giúp quản lý, giám sát tài nguyên, môi trường du lịch, thanh tra, kiểm tra là kênh phản hồi hữu hiệu, điều đó góp phần quan trọng vào việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hoạt động QLNN về du lịch.

3.3.7. Đánh giá chung công tác quản lý nhà nước về du lịch ở tỉnh Hà Giang

3.3.7.1. Những thành tựu đạt được

Thời gian qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn song công tác QLNN về du lịch ở tỉnh Hà Giang đã có bước chuyển biến tích cực, cụ thể là:

Thứ nhất, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức hướng dẫn thực hiện các văn bản của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực du lịch từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm, chú trọng. Việc chỉ đạo xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, đề án, dự án phát triển du lịch của tỉnh có tiến bộ hơn. Điều đó đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch; đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh có sự đổi mới cả về nội dung, phương pháp và tổ chức thực hiện, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dịch vụ du lịch trên địa bàn xây dựng chiến lược lâu dài. Ngoài ra, hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức, góp phần thực hiện có hiệu quả hơn chính sách thu hút đầu tư của tỉnh, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, thúc đẩy phát triển KT-XH trên địa bàn.

Thứ ba, công tác tạo lập sự gắn kết liên ngành, liên vùng, liên quốc gia trong hoạt động du lịch, giữa địa phương và Trung ương trong QLNN về du lịch có sự chuyển biến tích cực. Đã ký kết các chương trình hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh, thành phố trong nước và một số tỉnh của nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa.

Thứ tư, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho du lịch được tăng cường, đã tạo điều kiện cho các CBCC làm công tác về du lịch và người dân vùng, điểm du lịch được nâng cao kiến thức về văn hóa, lịch sử kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn du lịch... nhằm tăng cường thêm lực lượng lao động ngành du lịch của tỉnh.

Thứ năm, công tác kiểm tra, thanh tra đối với lĩnh vực du lịch, dịch vụ du lịch được duy trì thường xuyên, góp phần ổn định thị trường, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch giữ gìn kỷ cương pháp luật trong hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh.

3.3.7.2. Những hạn chế và nguyên nhân

a. Những hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực đạt được, QLNN về du lịch ở tỉnh Hà Giang trong thời gian qua còn có những hạn chế, tồn tại:

Một là, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về du lịch cho người dân và việc nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư địa phương về vai trò, tầm quan trọng của du lịch đối với phát triển KT-XH, mặc dù được các cấp chính quyền thực hiện khá tích cực, song chưa có chiều sâu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch trong bối cảnh hội nhập.

Hai là, việc cụ thể hoá và ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để quản lý, điều hành có lúc còn chưa kịp thời, nội dung chưa sát với tiềm năng phát triển du lịch, điều kiện thực tế của tỉnh và chưa kêu gọi được nhiều thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch. Thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư, kinh doanh nói chung và du lịch nói riêng mặc dù được cải thiện nhưng nhìn chung còn phức tạp, gây phiền hà cho các nhà đầu tư.

Ba là, công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động du lịch nói riêng hoặc một số quy hoạch có liên quan, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn tài nguyên du lịch; một số quy hoạch chi tiết còn chậm chưa kịp thời mặc dù đã phê duyệt quy hoạch tổng thể. Một số quy hoạch phát triển kinh tế xã hội còn bất cập, chông chéo có nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường và tài nguyên du lịch.

Bốn là, công tác quản lý các khu, điểm du lịch trên địa bàn còn chồng chéo, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan chưa được xác định rõ ràng.

Năm là, công tác tạo lập sự liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương khác trong nước và nước ngoài nhìn chung mới bước đầu tổ chức triển khai thực hiện hoặc có những liên kết, hợp tác mới chỉ dừng lại ở khâu ký kết.

Sáu là, công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho du lịch còn nhiều hạn chế, chưa khắc phục được những bất cập trong công tác đào tạo các kỹ năng, nghiệp vụ du lịch trước yêu cầu phát triển của ngành hiện nay cũng như tình trạng chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu đội ngũ lao động tay nghề cao, chất lượng phục vụ chưa đồng đều, thiếu tính chuyên nghiệp và số lượng hướng dẫn viên du lịch, CBCC làm công tác liên quan đến lĩnh vực du lịch đã được đào tạo trình độ ngoại ngữ nhưng còn hạn chế.

Bảy là, công tác kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch và xử lý vi phạm trong lĩnh vực du lịch mặc dù đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhưng còn bất cập, hiệu quả mang lại không cao; công tác xử lý sau kiểm tra, thanh tra còn dễ kéo dài, nội dung đề nghị, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ du lịch còn diễn biến phức tạp.

b. Nguyên nhân của những hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

+ Nền kinh tế nước ta phát triển chưa cao, trình độ khoa học - công nghệ còn hạn chế. Đây là một thách thức đặc biệt lớn đối với hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước về kinh tế nói chung và du lịch nói riêng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển du lịch nói riêng chưa đồng bộ, thiếu nhất quán; việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Du lịch còn chậm, chưa kịp thời, gây khó khăn cho hoạt động QLNN về du lịch ở các địa phương. Mặt khác, du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, QLNN trong lĩnh vực du lịch liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực khác nhau.

- *Nguyên nhân chủ quan*

+ Một số cấp ủy đảng và chính quyền trong tỉnh chưa coi trọng và quan tâm đúng mức đến công tác QLNN về du lịch trên địa bàn. Nhận thức về vị trí, vai trò tầm quan trọng của du lịch trong phát triển KT-XH của tỉnh còn hạn chế, nên nhiều nơi, nhiều đơn vị trong tỉnh còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại; chưa năng động, sáng tạo, chưa quan tâm tạo môi trường thuận lợi cho du lịch phát triển, chưa chú trọng huy động, kêu gọi các thành phần kinh tế cùng tham gia phát triển du lịch.

+ Nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về du lịch cho cộng đồng dân cư trên địa bàn còn nghèo nàn, đơn điệu và chưa phù hợp với điều kiện thực tế ở tỉnh...

+ Chưa có các biện pháp thực hiện quyết liệt, triệt để các nội dung công việc, các Quy hoạch chi tiết (mặc dù UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 26/9/2013) trong việc thực hiện Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị CVĐC toàn cầu CNĐĐV đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Công tác phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch du lịch giữa các cơ quan, ban, ngành có liên quan trong tỉnh có mặt thiếu chặt chẽ.

+ Nguồn vốn nhà nước dành cho đầu tư và hỗ trợ đầu tư KCHT và CSVC- KT du lịch còn thấp, trong khi đó việc phân bổ thiếu tập trung, dẫn

đến tình trạng đầu tư giàn trải, nhỏ lẻ, các dự án đầu tư bị chậm tiến độ. Cùng với việc thiếu cương quyết trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư và những bất cập về thủ tục hành chính đối với kinh doanh nói chung, hoạt động du lịch nói riêng, đã và đang ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đến môi trường thu hút đầu tư của tỉnh, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

+ Bộ máy QLNN về du lịch thay đổi do sáp nhập, chia tách nhiều lần, thiếu tính ổn định nên không đảm bảo tính liên tục trong quản lý, hiệu lực quản lý chưa cao, nhất là bộ máy QLNN về du lịch ở cấp huyện, thành phố. quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Nhà nước về phát triển du lịch vào điều kiện cụ thể ở địa phương cũng như trong việc ban hành các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền và trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách đó chưa được làm rõ. Sự phối kết hợp trong quản lý du lịch giữa các cơ quan chức năng của tỉnh chưa thật sự chặt chẽ trong khi đó lại chưa phân định được một cách rõ ràng trách nhiệm của các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư trong quản lý các HDDL tại các khu, điểm du lịch. Trình độ của đội ngũ CBCC trong ngành du lịch của tỉnh còn nhiều bất cập. Công tác quản lý, sử dụng, quy hoạch, đào tạo cán bộ QLNN về du lịch của tỉnh, nhất là đội ngũ cán bộ kế cận, tuy có được quan tâm nhưng chưa thường xuyên. Bên cạnh đó, các chính sách tiền lương, chính sách đãi ngộ, chính sách thu hút nhân tài chậm được ban hành hoặc chưa được chú trọng trong việc thực hiện.

+ Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực cho HDDL còn chấp vá, thiếu hệ thống. Mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo nghề du lịch và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch trong phát triển nguồn nhân lực chưa liên kết chặt chẽ.

+ Công tác tạo lập sự liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch và xây

dựng hệ thống thông tin về du lịch chưa được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư đúng mức. Công tác xúc tiến, quảng bá về du lịch chưa chuyên nghiệp; sản phẩm tuyên truyền, quảng bá du lịch còn nghèo nàn, đơn điệu; hình thức quảng bá chưa hấp dẫn du khách...

+ Phạm vi thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch chưa được xác định rõ ràng. Hình thức, trình tự thực hiện thanh tra, kiểm tra còn bộc lộ hạn chế, chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan QLNN có liên quan, gây ra sự chồng chéo và phiền hà cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Chương 4
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

4.1. Dự báo, quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020

Phát triển du lịch của tỉnh Hà Giang không nằm ngoài định hướng phát triển KT-XH của tỉnh; do đó định hướng phát triển du lịch phải gắn liền với mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh, có như vậy thì phát triển du lịch mới đáp ứng được nhu cầu phát triển các ngành kinh tế khác của tỉnh. Việc đưa ra các chỉ tiêu dự báo phát triển du lịch đến năm 2020 nhằm mục đích đạt được mục tiêu phát triển KT-XH và để ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh Hà Giang.

4.1.1. Những yếu tố thuận lợi tác động đến phát triển du lịch

- Tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc: khoa học kỹ thuật và công nghệ có những bước nhảy vọt; kinh tế tri thức bước đầu tham gia vào phát triển lực lượng sản xuất; hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế mà đông đảo các nước, các dân tộc tích cực hưởng ứng. Trong bối cảnh đó, nhu cầu về du lịch tăng nhanh, với xu thế chuyển dần sang khu vực Đông Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á, theo dự báo của Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO), khu vực Đông Nam Á đến năm 2020 sẽ đón khoảng 125 triệu lượt khách quốc tế.

- Trong nước những năm qua ngành du lịch Việt Nam đã có nhiều biện pháp đồng bộ, kịp thời, phát huy tinh thần năng động sáng tạo, đưa ngành vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch. Công tác QLNN trong lĩnh vực du lịch được tăng cường. Hợp tác và hội nhập kinh

tế quốc tế được đẩy mạnh hơn những năm trước, thông qua các hoạt động hợp tác song phương và đa phương. Việt Nam nằm trong vùng phát triển kinh tế được đánh giá vào loại năng động nhất thế giới. Kết cấu hạ tầng ngày càng được đầu tư phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; nhận thức về ngành du lịch thay đổi theo hướng tích cực; nhu cầu du lịch tăng nhanh. Ngành du lịch Việt Nam ý thức hơn về chuyên nghiệp hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch. Mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Quyết định số 2473/QĐ-TTg ngày 30/12/2011) là đến năm 2020, du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực và thế giới; phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia có ngành du lịch phát triển. Việt Nam có chế độ chính trị ổn định, an ninh bảo đảm; đất nước, con người Việt Nam mến khách; là điểm đến an toàn; thân thiện đối với khách du lịch quốc tế và Việt Nam được xem là một điểm đến mới và rất an toàn trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á nói chung.

- QLNN về du lịch của tỉnh Hà Giang trong những năm qua đã có biến chuyển; nhận thức của các cấp, các ngành về phát triển kinh tế du lịch là một yêu cầu tất yếu khách quan với những lợi thế của Hà Giang. Về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đã được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đang triển khai tổ chức thực hiện; CVĐC toàn cầu CNĐĐV đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể, thời gian tới các Bộ ngành có liên quan sẽ bố trí các nguồn vốn đầu tư tạo điều kiện cho Hà Giang có nhiều loại hình du lịch mới, với quy mô lớn hơn và thu hút nhiều khách du lịch trong đó đặc biệt là khách quốc tế...

Những yếu tố nêu trên là điều kiện thuận lợi để Hà Giang có cơ hội phát triển mạnh về kinh tế nói chung và du lịch nói riêng, nếu công tác QLNN thực hiện hết chức năng và biết tận dụng, khai thác những cơ hội này.

4.1.2. Những khó khăn thách thức cơ bản

- Doanh nghiệp du lịch Việt Nam nói chung và Hà Giang nói riêng sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh ngay trên “sân nhà”, với các đối thủ mạnh, trên một sân chơi chung, bình đẳng, không có bảo hộ. Trước đây chủ yếu các doanh nghiệp của ta cạnh tranh với nhau, hạ giá hoặc dùng chiêu “độc” để tranh giành khách. Nay phải cạnh tranh bằng chất lượng, mức độ chuyên nghiệp, chắc chắn ưu, nhược điểm sẽ lộ rõ. Theo Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Việt Nam Phạm Từ: *“Có thể một nửa hãng lữ hành Việt Nam sẽ bị rơi rụng, nhưng sẽ có nhiều hãng liên kết, hợp tác lại với nhau hình thành những tập đoàn lớn”*. Hàng trăm dự án du lịch nhỏ đã được cấp phép, nhưng vẫn còn nằm trên giấy (do chưa đủ năng lực tài chính hay chưa thực sự có thiện chí đầu tư) sẽ phải xem xét lại khả năng liên doanh, liên kết. Tất nhiên, các nhà đầu tư nước ngoài cũng có bất lợi của họ khi thi đấu trên “sân khách” và doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ tìm cách phát huy lợi thế “sân nhà”. Nhưng sự cạnh tranh học hỏi lẫn nhau, là yếu tố giúp du lịch Việt Nam nâng cao tính chuyên nghiệp.

- Du lịch Hà Giang dựa chủ yếu vào tài nguyên du lịch tự nhiên, nhưng tài nguyên, môi trường tự nhiên bị xuống cấp do những bất cập trong quản lý, bảo vệ và khai thác của những năm trước. Hệ thống cơ sở hạ tầng, chất lượng cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch ngày càng cao, trật tự trong hoạt động du lịch - dịch vụ du lịch chưa được đảm bảo, làm mất lòng tin của du khách.

- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng được cho nhu cầu phát triển du lịch, đây là vấn đề không thể giải quyết trong một sớm một chiều, mà là cả một quá trình lâu dài đòi hỏi phải có kế hoạch dài hạn về chuẩn bị nguồn nhân lực.

- Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng cho phát triển du lịch rất lớn, nhưng nguồn ngân sách của tỉnh chưa tự cân đối được thu - chi mà hàng năm phải dựa vào ngân sách trung ương cân đối và các nguồn hỗ trợ khác khoảng từ 80-90% so với tổng chi ngân sách địa phương.

So với các tỉnh lân cận thì du lịch Hà Giang vẫn có những tiềm năng và tiềm lực để trở thành trung tâm lớn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

4.1.3. Quan điểm phát triển du lịch

Để phát triển ngành du lịch phù hợp với đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, với chiến lược phát triển du lịch Việt Nam ở khu vực Trung du - Miền núi Bắc Bộ, với định hướng phát triển KT-XH của tỉnh Hà Giang và để ngành du lịch Hà Giang thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh kể từ sau năm 2020, quan điểm phát triển ngành du lịch tập trung vào một số nội dung sau:

- Phát triển đồng thời du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch biên giới; lấy du lịch sinh thái gắn với việc khai thác các giá trị di sản CVĐC toàn cầu CNĐĐV làm mũi nhọn, du lịch văn hóa làm nền tảng để phát huy tính đặc thù tài nguyên du lịch.

- Phát triển du lịch với tốc độ nhanh, tập trung phát triển có chiều sâu, theo hướng nâng cao chất lượng để đảm bảo sản phẩm du lịch có thương hiệu và tính cạnh tranh cao.

- Phát triển du lịch có trọng tâm trọng điểm và bền vững gắn với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị tự nhiên; giữ vững quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; giữ gìn cảnh quan và bảo vệ môi trường.

- Phát triển du lịch trên cơ sở toàn diện về du lịch quốc tế và du lịch nội địa, trong đó chú trọng khai thác nguồn khách nội địa và lấy phát triển du lịch quốc tế là hướng chiến lược phát triển lâu dài.

- Phát triển du lịch Hà Giang vừa truyền thống vừa hiện đại để vừa phát

huy các giá trị văn hóa dân gian của các dân tộc, vừa nhanh chóng hòa nhập với phát triển du lịch khu vực và cả nước.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cả trong và ngoài tỉnh đầu tư phát triển du lịch; phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh về du lịch của các địa phương, các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

4.1.4. Mục tiêu, phương hướng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang

4.1.4.1. Mục tiêu phát triển du lịch ở tỉnh Hà Giang

a. Mục tiêu chung: Phân đầu đến năm 2020, du lịch Hà Giang trở thành ngành kinh tế động lực, tạo tiền đề để sau năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh; mang bản sắc văn hoá Hà Giang, thân thiện với môi trường; đưa Hà Giang trở thành một trong những địa bàn trọng điểm về du lịch của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và của cả nước; góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, ổn định trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng biên giới (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

b. Mục tiêu cụ thể

** Về kinh tế ngành*

- Khách du lịch:

+ Khách quốc tế giai đoạn 2014 - 2020 đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 17%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 11%/năm. Khách nội địa giai đoạn 2015 - 2020 đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 12,5%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 đạt tốc độ tăng trưởng xấp xỉ 8,5%/năm (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

+ Ngày lưu trú trung bình khách quốc tế đạt từ 1,8 - 2,5 ngày, mức chi tiêu bình quân khoảng 80 USD (1.760.000 VND) đến 120 USD (2.640.000 VND)/người/ngày đêm. Ngày lưu trú trung bình khách nội địa đạt từ 2,0 - 3,0

ngày, mức chi tiêu bình quân khoảng 1.100.000 VNĐ (50USD) đến 1.650.000 VNĐ (75 USD) người/ ngày đêm (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

- Tổng thu từ khách du lịch: Đến năm 2020 đạt khoảng 4.410 tỷ đồng (xấp xỉ 200,5 triệu USD) và năm 2030 đạt khoảng 20.460 tỷ đồng (tương đương 930 triệu USD) (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

- Giá trị gia tăng ngành du lịch đạt tốc độ tăng trưởng 32,7%/năm cho giai đoạn 2014-2020, đạt 35,5%/năm sau năm 2020. Đạt giá trị 2.646 tỷ đồng (tương đương 120,3 triệu USD) năm 2020 và khoảng 12.100 tỷ đồng (tương đương 550 triệu USD) năm 2030 (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

- Cơ sở vật chất và sản phẩm du lịch:

+ Số lượng cơ sở lưu trú: Đạt 2.950 buồng năm 2015; 6.200 buồng năm 2020 và khoảng 16.400 buồng năm 2030, trong đó tỷ lệ buồng đạt chất lượng 3 sao trở lên chiếm 5% năm 2015; 10% năm 2020 và khoảng 15% - 20% sau năm 2020 (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

+ Phát triển được 1 khu du lịch Quốc gia làm sản phẩm đặc trưng mang thương hiệu du lịch Hà Giang. Ngoài ra phát triển nhiều khu, điểm du lịch địa phương góp phần đa dạng sản phẩm du lịch.

+ Phát triển hệ thống điểm du lịch cộng đồng mang đặc trưng văn hoá các dân tộc Hà Giang.

* *Về văn hóa - xã hội*

- Góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di tích cảnh quan đặc biệt là các giá trị địa chất địa mạo của CVĐC toàn cầu CNĐĐV, Ruộng bậc thang Hoàng Su Phì...

- Tạo thêm nhiều việc làm, góp phần giảm nghèo. Đến 2015 tạo được khoảng 8.850 lao động trong đó có 2.950 lao động trực tiếp; năm 2020 có 22.320 lao động trong đó 7.440 trực tiếp, năm 2030 có 73.800 lao động trong đó có 24.600 lao động trực tiếp (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014).

- Góp phần phát triển thể chất, nâng cao dân trí và đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân, cải thiện điều kiện sống cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, núi cao biên giới...

* *Về môi trường*: Phát triển du lịch “xanh”, du lịch cộng đồng, du lịch có trách nhiệm; gắn hoạt động du lịch với gìn giữ và phát huy các giá trị tài nguyên và bảo vệ môi trường.

* *Về quốc phòng, an ninh*: Kết hợp phát triển du lịch với quốc phòng góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh vùng núi cao biên giới.

4.1.4.2. Phương hướng phát triển du lịch ở tỉnh Hà Giang

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XV đã xác định: “Tập trung mọi nguồn lực, với quyết tâm chính trị cao để tạo sự chuyển biến tích cực về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp, xây dựng - nông, lâm nghiệp”, trong đó khẳng định “Chương trình phát triển văn hoá gắn với du lịch sinh thái, văn hoá, lịch sử, địa chất, tâm linh” làm một trong mười lăm chương trình trọng tâm của tỉnh (Tỉnh ủy Hà Giang, 2010).

Phương hướng phát triển du lịch tập trung vào một số nội dung sau:

Một là, huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong tỉnh, trong nước và nước ngoài để khai thác có hiệu quả các tiềm năng du lịch.

Hai là, tập trung đầu tư có trọng điểm và đồng bộ về xây dựng KCHT, CSVC-KT, tôn tạo danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa, lịch sử ở các khu du lịch, coi đây là yếu tố quyết định sự phát triển của du lịch. Xây dựng cơ chế, chính sách để vừa ưu đãi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển CSVC-KT du lịch, hoạt động kinh doanh du lịch...vừa bảo đảm môi trường thông thoáng thuận lợi trong kinh doanh dịch vụ trên cơ sở các quy hoạch đã được phê duyệt.

Ba là, phát triển du lịch phải gắn với giữ gìn và phát huy truyền thống

địa phương, bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao trình độ dân trí, lòng yêu quê hương, đất nước, chống các tệ nạn xã hội và mê tín dị đoan, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên.

Bốn là, phát triển du lịch kết hợp chặt chẽ với củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh.

Năm là, phát triển CVĐC toàn cầu CNĐ Đồng Văn thành khu du lịch quốc gia theo phê duyệt của Thủ tướng của Chính phủ. Đây là một quá trình lâu dài, phải có quy hoạch và bước đi thích hợp, không chủ quan, nóng vội, duy ý chí, nhưng phải kiên quyết và chủ động phối hợp với các ngành Trung ương trong triển khai thực hiện.

4.1.5. Phương hướng tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch nói trên, QLNN về du lịch phải được hoàn thiện với phương hướng chung là: "*Tiếp tục kiện toàn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của bộ máy chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện về bộ máy tổ chức, thể chế và thủ tục*" (Tỉnh ủy Hà Giang, 2010).

Trên cơ sở đó, các phương hướng cụ thể được xác định như sau:

Một là, tăng cường công tác QLNN về du lịch gắn liền với đổi mới nhận thức và đổi mới tư duy kinh tế về vai trò của du lịch trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới nhận thức và đổi mới tư duy kinh tế trước hết phải làm cho mọi người nhận thức được vai trò của du lịch trong sự phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Theo xu hướng phát triển đó, tỷ trọng của du lịch sẽ ngày càng tăng lên trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Mặt khác, du lịch được coi là một ngành "*công nghiệp không khói*", nó không chỉ tạo ra thu nhập mà còn làm thay đổi diện mạo cuộc sống của người dân nơi có các hoạt động du lịch.

Hai là, QLNN về du lịch phải đặt trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh, tạo ra sự phát triển du lịch với tốc độ cao, góp phần thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

Ba là, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành nhằm tăng cường công tác QLNN về du lịch. Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế, QLNN về du lịch của tỉnh Hà Giang cần hướng vào việc hoàn thiện chiến lược, quy hoạch phát triển và cơ chế, chính sách cho phù hợp với những yêu cầu mới. Vấn đề cần quan tâm trong QLNN về du lịch ở tỉnh Hà Giang là sự vận dụng cơ chế, chính sách của trung ương vào điều kiện đặc thù của địa phương, tăng cường kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động du lịch, cải cách thủ tục hành chính tích cực hơn nữa để tạo ra sự thông thoáng trong QLNN đối với hoạt động du lịch phù hợp với tình hình hiện nay.

Bốn là, đổi mới mạnh mẽ về tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch. Đổi mới mạnh hơn về tổ chức bộ máy và con người là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và ngày càng trở nên quan trọng của công tác quản lý nhà nước về du lịch hiện nay. Theo đó, bộ máy QLNN về kinh tế nói chung và du lịch nói riêng ở Hà Giang cần được sắp xếp lại trên cơ sở rà soát lại chức năng, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng; tuyển chọn, bố trí sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức; quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích.

4.2. Các giải pháp cơ bản tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang

4.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về du lịch

Hà Giang là tỉnh một tỉnh miền núi, điều kiện kinh tế xã hội còn gặp khó khăn, mặt bằng trình độ dân trí còn thấp, nên việc nhận thức về pháp luật, cơ

chế, chính sách, về phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng còn có những mặt hạn chế. Vì vậy, đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Giang, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong tỉnh, nhất là những nơi có tiềm năng, tài nguyên du lịch cần phải nghiêm túc tiếp thu, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước và nhận thức về phát triển du lịch một cách nghiêm túc, đúng đắn; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cơ chế, chính sách nói chung, pháp luật về du lịch nói riêng, nhất là Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan của Chính phủ, Bộ ngành, địa phương cho cán bộ, công chức, đảng viên và nhân dân trong tỉnh để vừa góp phần đưa pháp luật đi vào cuộc sống, tạo môi trường hoạt động du lịch lành mạnh, vừa nâng cao nhận thức của mọi người về mục đích, vai trò, ý nghĩa của du lịch trong phát triển KTXH, về yêu cầu tăng cường công tác QLNN về du lịch trong tình hình mới.

Công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các cơ chế, chính sách về du lịch phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, thông qua nhiều hình thức như: xây dựng chuyên mục phát trên các đài phát thanh - truyền hình tỉnh, huyện, thành phố; đăng tải các nội dung, chuyên mục trên Báo Hà Giang, Thông tin tư tưởng của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các tạp chí chuyên đề, tài liệu sinh hoạt của tổ nhân dân tự quản; tổ chức nghiên cứu, học tập trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo chuyên đề; đưa vào chương trình giáo dục học đường, nhất là bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông về thái độ đối với môi trường thiên nhiên, tài nguyên du lịch, giá trị của các di sản; thái độ, cách ứng xử thân thiện, mến khách đối với các du khách trong và ngoài nước...Ngoài ra, cũng cần nâng cao ý thức pháp luật du lịch cho khách du lịch thông qua việc phát hành các tờ rơi, tờ gấp, ấn phẩm ngắn gọn và súc tích, trong đó tóm tắt những quy định thiết yếu chỉ dẫn cho du khách khi đến

du lịch và thông qua vai trò của hướng dẫn viên du lịch giúp cho khách du lịch hiểu, tự nguyện chấp hành các quy định của pháp luật.

Mặt khác, cần tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng có các dự án đầu tư phát triển du lịch (đặc biệt là đối với không gian CVĐC toàn cầu CNĐĐV, các khu, điểm du lịch trọng điểm) tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong việc thực hiện việc giải phóng mặt bằng, huy động nhân công lao động; khuyến khích, động viên các nhà đầu tư du lịch thành lập hiệp hội để bảo vệ lợi ích và chia sẻ kinh nghiệm cùng nhau phát triển trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Đi đôi với công tác giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về du lịch, tỉnh cần đề ra những biện pháp cụ thể, thiết thực như hỗ trợ phục dựng, khôi phục các lễ hội truyền thống, đặc trưng của các dân tộc; các làng nghề truyền thống của người dân địa phương, tạo ra những sản phẩm, đồ lưu niệm đặc trưng của người dân bản địa để thu hút du khách; thành lập thêm một số làng du lịch cộng đồng ở các địa bàn có người dân tộc thiểu số; tiến hành kiểm tra, rà soát tất cả các dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch, cần chú trọng đến vấn đề giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân và lợi ích của cộng đồng dân cư nơi có dự án để cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, qua đó nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho quần chúng nhân dân về vai trò của du lịch trong phát triển KT-XH của tỉnh.

4.2.2. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư phát triển du lịch

Trên cơ sở các nội dung của Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tiếp tục xây dựng và bổ sung, điều chỉnh kịp thời quy hoạch cụ thể các khu, điểm du lịch có tiềm năng, trọng điểm đảm bảo chất lượng và tính khả thi cao để thu hút đầu tư.

- UBND tỉnh Hà Giang cần chỉ đạo việc rà soát, cân đối lập quy hoạch theo thứ tự ưu tiên:

+ *Thứ nhất*, Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đã được phê duyệt tiến hành rà soát điều chỉnh lại các quy hoạch tổng thể KT-XH trước đây đã phê duyệt cho phù hợp với tầm nhìn dài hạn và trong mối liên hệ với các địa phương khác; triển khai quy hoạch cụ thể các điểm có tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn trên địa bàn, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện và thông tin để hỗ trợ các nhà đầu tư và kêu gọi đầu tư khai thác du lịch đặc biệt đối với các điểm đã được đề xuất là khu du lịch.

+ *Thứ hai*, Đối với các khu du lịch được định hướng phát triển thành khu du lịch quốc gia, khu du lịch địa phương dựa theo Luật Du lịch, tiến hành lập các quy hoạch theo trình tự tổng thể và từng khu chức năng. Trong đó đặc biệt chú ý việc xác định quy mô khu du lịch phù hợp với quy định của Luật Du lịch và thực tế yêu cầu phát triển.

+ *Thứ ba*, Tiến hành quy hoạch chi tiết các khu chức năng sau khi có quy hoạch tổng thể phát triển các khu du lịch quốc gia và các khu du lịch khác. Việc phê duyệt các quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư đều phải lấy ý kiến các cơ quan QLNN về du lịch ở các cấp và các nhà khoa học.

- Bên cạnh đó, căn cứ nội dung quy hoạch, UBND chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Giang lập các kế hoạch phát triển du lịch cho từng thời hạn 5 năm để làm cơ sở lập kế hoạch hằng năm.

- UBND tỉnh Hà Giang phải yêu cầu BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV, Sở Xây dựng phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan khẩn trương hoàn thiện và tổ chức công bố các quy hoạch chi tiết thuộc không gian CVĐC toàn cầu CNĐĐV trên cơ sở quy hoạch tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/2/2013.

- Khi tiến hành thực hiện quy hoạch các ngành khác (*quy hoạch về khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện ...*) có liên quan hoặc có ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đã được UBND tỉnh phê duyệt thì cần phải cân nhắc, xem xét mức độ ảnh hưởng, tác động tới tài nguyên du lịch, cần phải tham vấn ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia chuyên ngành.

- Việc đầu tư, xây dựng phát triển các khu, điểm phục vụ yêu cầu phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang trước hết phải tuân thủ quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh và phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch của vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch của cả nước.

- Tập trung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở kích thích phát triển du lịch, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng tại khu vực 04 huyện thuộc không gian CVĐC toàn cầu CNĐĐV, khu du lịch tiềm năng.

4.2.3. Tăng cường hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ chế chính sách, luật pháp liên quan đến du lịch. Cần chú trọng hoàn thiện, bổ sung cơ chế chính sách đầu tư cho du lịch, giải quyết tốt các vấn đề có tính liên ngành như: Cơ chế chính sách về thuế, đầu tư, xuất nhập cảnh, hải quan... tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển nhanh. Để đạt được mục tiêu đó trong những năm tới du lịch cần chú trọng đến các vấn đề sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách đối với du lịch.

Về thuế, cần ưu tiên thuế nhập khẩu với thuế suất bằng thuế suất nhập tư liệu sản xuất đối với các trang thiết bị khách sạn, cơ sở vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển khách du lịch, vật tư phục vụ du lịch mà trong nước chưa sản xuất được hoặc không đáp ứng được yêu cầu hiện đại hoá cơ sở du

lịch theo yêu cầu của du khách. Có chế độ hợp lý về thuế, về giá điện, nước trong kinh doanh khách sạn, rà soát điều chỉnh phương pháp tính thuế, lệ phí, các hình thức vé liên quan đến du lịch.

Về chính sách đầu tư, cần áp dụng một cách linh hoạt nhất, ưu đãi nhất đối với các nhà đầu tư. Để thay đổi cơ cấu đầu tư, tỉnh Hà Giang cần phải áp dụng các chính sách ưu tiên miễn giảm thuế hoặc không thu thuế có giới hạn đối với các vùng đất khác nhau và ngay cả trong một khu du lịch có các chức năng khác nhau hoặc các loại hình kinh doanh du lịch mới, ngoài các quy định hiện hành của Nhà nước: được thuê đất với mức giá hợp lý trong khung giá Nhà nước quy định; được hỗ trợ tuyển dụng lao động và hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động đối với trường hợp các dự án sử dụng lao động tại địa phương; cam kết đảm bảo tiến độ trong việc đền bù giải phóng mặt bằng để nhà đầu tư thực hiện dự án; được hỗ trợ về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp; đối với các dự án đầu tư cho du lịch ở các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho thuê đất lâu dài; được quan tâm đầu tư phát triển CSHT phục vụ triển khai dự án; giải quyết các thủ tục hành chính nhanh, gọn; trong quá trình thực hiện, cần nghiên cứu và ban hành riêng chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với đầu tư cho du lịch ở Hà Giang.

Thứ hai, áp dụng cơ chế “mở cửa” thông qua đơn giản hóa thủ tục xin visa du lịch bao gồm: giảm các yêu cầu hành chính về thư cho phép, giảm phí làm visa, cho phép loại hình visa nhập cảnh nhiều lần để thúc đẩy thương mại và kéo dài được thời hạn của visa.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch, phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát triển bền vững.

Thứ tư, rà soát quy hoạch, các dự án quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư,

kêu gọi đầu tư cũng cần được xem xét về nội dung và mức độ ưu tiên nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển chung của ngành.

Thứ năm, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn nghề và các tiêu chuẩn có liên quan khác, ban hành các chế tài để tạo cơ chế tự giám sát, kiểm soát. Phối hợp với các tỉnh hình thành các mạng lưới liên kết như “hiệp hội di sản”, “mạng lưới du lịch cộng đồng”, “mạng lưới DLST”, “mạng lưới du lịch lễ hội”... các mạng lưới này hoạt động nhằm trao đổi kinh nghiệm, quảng bá sản phẩm trực tuyến và hỗ trợ kinh doanh bán hàng...

Thứ sáu, sửa đổi các quy định về thủ tục cấp giấy phép cho các loại hình sở hữu của các đơn vị tổ chức du lịch.

4.2.4. Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch ở tỉnh Hà Giang

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề có tính chiến lược của mọi quốc gia. Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành du lịch.

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi có sự giao tiếp rộng và trực tiếp hơn đối với khách, đòi hỏi cao về trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của cán bộ, nhân viên trong ngành, đặc biệt là hướng dẫn viên du lịch, lễ tân...

Để đáp ứng được yêu cầu trên, cần phải có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới, đào tạo bổ túc; nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên đang công tác trong ngành thuộc các khu vực nhà nước, liên doanh và tư nhân. Những giải pháp chính của một chương trình như trên bao gồm:

- Tiếp tục tiến hành điều tra phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn bộ cán bộ nhân viên và lao động hiện đang công tác và tham gia hoạt động kinh doanh

du lịch trên phạm vi toàn tỉnh. Kết quả điều tra sẽ cho phép đưa ra một kế hoạch đào tạo cụ thể về các cấp đào tạo, trình độ chuyên ngành (bao gồm cả đào tạo lại và đào tạo mới) đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay của Du lịch Hà Giang.

- Khuyến khích đào tạo chính quy trình độ Đại học và trên Đại học về nghiệp vụ du lịch. Đây sẽ là lực lượng cán bộ quản lý nòng cốt góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới theo hướng CNH-HĐH ngành du lịch của Hà Giang trong tương lai.

- Có kế hoạch cử cán bộ trẻ có trình độ và các sinh viên có năng lực sang các nước phát triển đào tạo trình độ Đại học và Sau đại học cũng như để thực tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành du lịch.

- Xây dựng và xúc tiến một chương trình đặc biệt nhằm nâng cao hiểu biết về du lịch, về cách ứng xử đối với khách du lịch cho nhân dân tại các điểm khu du lịch, đặc biệt cho nhân dân các huyện vùng cao thuộc không gian CVĐC toàn cầu CNĐĐV thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống đào tạo ở các Trường Phổ thông trung học.

- Tăng cường mở lớp bồi dưỡng chuyên đề cho các cấp quản lý, nhân viên trực tiếp làm công tác du lịch.

4.2.5. Củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch chuyên nghiệp; tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành; cải cách thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch

Một là, củng cố tổ chức bộ máy QLNN ở tỉnh gắn với việc cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ QLNN về du lịch, đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính có liên quan.

Hệ thống cơ quan QLNN về du lịch cần được tổ chức thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp huyện, đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả giữa các ngành, các cấp trong QLNN về du lịch, phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi ngành,

mỗi cấp nhằm khắc phục tình trạng chông chéo, đùn đẩy trong quản lý, đảm bảo giải quyết nhanh gọn các vấn đề phát sinh trong HDDL (*như quản lý quy hoạch, đầu tư, khai thác tài nguyên du lịch, quản lý trật tự trong hoạt động kinh doanh du lịch...*). Theo đó, cần nghiên cứu việc phân cấp quản lý HDDL phù hợp cho cấp huyện và xã theo vị trí của các khu, tuyến, điểm du lịch. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức tại BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV để đáp ứng yêu cầu và có thể quản lý hiệu quả các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực quản lý ngành khi các nguồn vốn ngân sách trung ương, tỉnh và tài trợ của các tổ chức quốc tế đầu tư vào phát triển CVĐC toàn cầu CNĐĐV. Củng cố tổ chức bộ máy QLNN về du lịch ở tỉnh phải đảm bảo việc tổ chức hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch; kiểm tra hoạt động của các ban quản lý các khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính có liên quan: Minh bạch hóa các thủ tục hành chính, áp dụng mô hình một cửa liên thông trong đăng ký đầu tư, kinh doanh du lịch nhằm đảm bảo cho các hoạt động này được thực hiện một cách thuận tiện và tiết kiệm nhất.

Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong QLNN đối với HDDL: Tăng cường sử dụng các công nghệ thông tin hiện đại, khai thác hiệu quả Internet, thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác QLNN về du lịch; đầu tư hệ thống truy cập mạng wifi miễn phí, tốc độ cao tại trung tâm một số xã, thị trấn của các huyện vùng cao núi đá phía bắc thuộc không gian CVĐC toàn cầu CNĐĐV.

Ngoài ra, cần khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và hoạt động của Hiệp hội du lịch của tỉnh để làm cầu nối giữa các cá nhân, tổ chức kinh doanh du lịch và Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch trên địa bàn.

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch; BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV và các sở, ngành khác trong QLNN về du lịch, cũng như trong việc tham mưu cho UBND tỉnh công tác QLNN về du lịch trên địa bàn.

Quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch luôn là một bộ phận cấu thành của quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH, phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch của Trung ương và đáp ứng các điều kiện về chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và môi trường đầu tư... Chính vì vậy, QLNN về du lịch không thể thiếu sự phối hợp của các cơ quan QLNN về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của tỉnh.

UBND tỉnh Chỉ đạo xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV và với các sở, ngành khác trong tỉnh thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh về QLNN về du lịch:

Quy chế phối hợp với BQL CVĐC toàn cầu CNĐĐV, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và UBND huyện, thành phố trong việc thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch và quy hoạch tổng thể CVĐC toàn cầu CNĐĐV, quy hoạch chi tiết, kế hoạch đầu tư KCHT, CSVC-KT du lịch tại các khu, điểm du lịch, đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển phục vụ du khách, kiểm tra, giám sát đối với các dự án đầu tư xây dựng các công trình (khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn).

Quy chế phối hợp với Sở Công thương trong hỗ trợ phát triển các HTX, doanh nghiệp sản xuất, gia công đồ thủ công mỹ nghệ; phát triển hệ thống cửa hàng dịch vụ đạt tiêu chuẩn để khuyến khích các hoạt động mua sắm, tăng chi tiêu của du khách khi đến tỉnh Hà Giang.

Quy chế phối hợp với Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ đội biên

phòng, Cục Hải quan trong việc xây dựng đề án nâng cao chất lượng phục vụ tại các đầu mối tiếp xúc với du khách.

Quy chế phối hợp với Công an tỉnh trong xây dựng các nội quy, quy chế cho các HDDL, các khách sạn, cơ sở phục vụ du lịch và phối hợp kịp thời trong việc xử lý những vi phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh đối với các tổ chức, cá nhân (kể cả trong nước và ngoài nước) trong HDDL...

Thường xuyên phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí của Trung ương và địa phương; các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch nhằm nâng cao nhận thức xã hội về du lịch.

Ba là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch.

Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch trên địa bàn giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, có phẩm chất tốt, có năng lực tổ chức quản lý, điều hành theo mục tiêu đã định. Theo đó, cần thực hiện các biện pháp chủ yếu sau:

Trên cơ sở quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Hà Giang, tính toán nhu cầu về số lượng cán bộ QLNN về du lịch cho từng thời kỳ, từng cấp để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng với nhiều hình thức thích hợp, kể cả ngắn hạn và dài hạn, kể cả trong nước và ngoài nước về chuyên môn nghiệp vụ du lịch, kiến thức về luật pháp quốc tế, khả năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hiện đại, kỹ năng giao tiếp... Cần chú trọng đào tạo các chức danh chủ chốt của bộ máy QLNN về du lịch.

Trong đào tạo, cần định hướng đúng nội dung đào tạo, những kỹ năng còn thiếu, chưa chuyên nghiệp, chưa chuyên sâu thì tổ chức đào tạo lại, hoặc mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo từng chuyên đề. Mặt khác, phải từng bước thực hiện "xã hội hóa" công tác đào tạo; thực hiện chế độ Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo, mua tài liệu học tập... Bên cạnh đó, khuyến khích, động viên các cán bộ trẻ tự bỏ kinh phí học tập để nâng cao trình độ

chuyên môn và trưởng thành hơn, hạn chế sự trông chờ, ỷ lại, dựa dẫm vào sự bao cấp của Nhà nước.

Xây dựng và thực hiện cơ chế thi tuyển, tuyển chọn cán bộ và sử dụng cán bộ đúng khả năng và trình độ chuyên môn được đào tạo để phát huy sở trường, kiên quyết thay thế những cán bộ có phẩm chất kém và năng lực yếu. Đổi mới cách thức đánh giá cán bộ, cụ thể: Không thể đánh giá cán bộ một cách chung chung mà phải dựa trên tiêu chuẩn đã quy định; năng lực cán bộ phải được đo bằng chất lượng và hiệu quả công việc được giao.

Giảm thiểu các cuộc họp xét thấy không cần thiết, UBND tỉnh và UBND cấp huyện tăng cường làm việc trực tiếp với các ngành, địa phương để nắm bắt và giải quyết công việc kịp thời. Những biện pháp giảm họp là nâng cao năng lực và tính quyết đoán của cán bộ lãnh đạo các cấp, các cơ quan được giao chuẩn bị nội dung cuộc họp phải thật chu đáo, tài liệu cuộc họp phải được gửi trước cho những thành viên dự họp nghiên cứu trước thì mới có ý kiến tham gia chất lượng.

4.2.6. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch

Quảng bá du lịch nhằm cung cấp thông tin du lịch của địa phương tới du khách một cách thường xuyên, liên tục, mọi lúc mọi nơi. Muốn vậy, phải tìm hiểu và nghiên cứu kỹ nhu cầu thị trường bên ngoài, các thị hiếu về sản phẩm và dịch vụ du lịch của thị trường các nước trong khu vực và thế giới. Từ đó, có cách quản lý và phục vụ riêng cho phù hợp với từng loại khách.

Tổ chức hội thảo chuyên đề để quảng bá du lịch Hà Giang, có thể thuê các công ty quảng cáo chuyên nghiệp trong và ngoài nước thực hiện. Du lịch Hà Giang cần xúc tiến việc xây dựng các văn phòng đại diện thông tin du lịch của địa phương ở một số thành phố lớn trong nước như: Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và ở nước ngoài như Nhật Bản, Trung Quốc.

Xây dựng hệ thống các trung tâm hướng dẫn và cung cấp thông tin cho

khách du lịch ở những đầu mối giao thông quan trọng như: Điểm đón khách cửa ngõ của tỉnh ở Thị trấn Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang (Quốc lộ 2); đầu đường Quốc lộ 34, Quốc lộ 4C đi các huyện vùng cao.

Thực hiện các chương trình thông tin tuyên truyền, công bố những sự kiện thể thao, văn hóa, lễ hội lớn của tỉnh trên phạm vi toàn quốc; tổ chức các chiến dịch xúc tiến, sự kiện quảng bá, theo chuyên đề, tổ chức và tham gia hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo du lịch ở trong nước và quốc tế để giới thiệu rộng rãi tiềm năng du lịch tỉnh, kích thích nhu cầu du lịch trong nước và quốc tế.

4.2.7. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của tỉnh nhằm hoàn thiện QLNN về du lịch. Cần đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của Chính phủ về tăng cường quản lý công tác trật tự trị an, bảo vệ môi trường tại các điểm tham quan du lịch, tình hình thực hiện quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng công tác thẩm định các cơ sở lưu trú; thực hiện nghiêm túc việc xét, cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch theo đúng quy định của pháp luật; đẩy mạnh việc giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân, khuyến khích mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về du lịch; tổ chức quán triệt và chỉ đạo thực hiện các văn bản pháp luật của các cơ quan nhà nước cấp trên, của tỉnh cho các doanh nghiệp; xây dựng môi trường hoạt động kinh doanh lành mạnh, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực du lịch

Để đạt được những nội dung trên, cần tập trung vào một số công việc chủ yếu như:

Một là, hoạt động thanh tra, kiểm tra nhằm mục đích vừa thúc đẩy các

doanh nghiệp kinh doanh trung thực, minh bạch, vừa giúp Nhà nước phát hiện những sai sót của doanh nghiệp để có những biện pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời, đảm bảo sự tôn nghiêm của pháp luật. Vì vậy, để công tác thanh tra, kiểm tra nói riêng, QLNN về du lịch nói chung có hiệu lực, hiệu quả cũng như đảm bảo quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp kinh doanh du lịch, phải xác định một cách chính xác phạm vi thanh tra, kiểm tra đối với các doanh nghiệp.

Hai là, đổi mới phương thức thanh tra, kiểm tra. Trình tự, thủ tục thanh tra, kiểm tra phải được nghiên cứu và thiết kế lại một cách hết sức khoa học để làm sao vừa đảm bảo được mục đích, yêu cầu thanh tra, kiểm tra, vừa có sự kết hợp, phối hợp với các cơ quan chức năng khác để tiến hành gọn nhẹ, không trùng lặp chồng chéo, giảm bớt thời gian, không gây phiền hà cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

Ba là, đào tạo, lựa chọn một đội ngũ những người làm công tác thanh tra, kiểm tra có đủ năng lực, trình độ, đáp ứng được yêu cầu của công tác thanh tra, kiểm tra trong tình hình mới. Vấn đề này đòi hỏi người lãnh đạo quản lý và những người làm công tác thanh tra, kiểm tra phải thay đổi nhận thức về công tác thanh tra, kiểm tra. Năng lực của người cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra không đơn giản chỉ dừng lại ở kiến thức chuyên môn mà đòi hỏi phải có một sự hiểu biết toàn diện về tình hình phát triển KT-XH và có quan điểm đúng đắn khi tiến hành thanh tra, kiểm tra để có thể đánh giá nhanh chóng, chính xác, khách quan bản chất của vấn đề được thanh tra, kiểm tra, tránh sự khô cứng, máy móc.

4.2.8. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác quản lý nhà nước về du lịch

Để tăng cường công tác QLNN về du lịch ở tỉnh Hà Giang trong thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay thì vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng phải được tăng cường, nội dung và phương thức lãnh đạo phải được đổi mới theo hướng sau:

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức cho đảng viên về vai trò, vị trí của du lịch trước yêu cầu phát triển KT-XH trong giai đoạn hiện nay.

Hai là, đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với chính quyền trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH nói chung và nhiệm vụ phát triển du lịch của tỉnh nói riêng. Cần xây dựng các chương trình chỉ đạo chuyên đề, coi trọng chỉ đạo xây dựng các tập thể chi, đảng bộ trong các cơ quan QLNN về du lịch, trong các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác trong sạch, vững mạnh và tổng kết các phong trào thi đua để từ đó tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng trước yêu cầu mới đặt ra.

Ba là, xây dựng kế hoạch thực hiện và chỉ đạo triển khai đồng bộ các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, nhất là các Chỉ thị, Nghị quyết về tăng cường công tác phòng ngừa sai phạm trong cán bộ đảng viên, công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, về phát triển du lịch trong tình hình mới... Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, các quy định của Nhà nước, nhất là các quy định đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

Bốn là, củng cố và phát triển các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp hoạt động du lịch thuộc mọi thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp ngoài nhà nước; tăng cường vai trò của cấp ủy cơ sở trong việc lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tham gia lao động sản xuất, làm giàu chính đáng, đấu tranh với các biểu hiện sai trái và các tiêu cực trong cơ quan, đơn vị.

Năm là, tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trong các doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh, thật sự là những người lãnh đạo quản lý và kinh doanh giỏi.

KẾT LUẬN

Thời gian qua tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động; trong giai đoạn tới tiếp tục có những biến động, thay đổi đó vừa là cơ hội vừa là thách thức cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Hà Giang nói riêng. Quan hệ và hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng được mở rộng nhất là khi Việt Nam trở thành thành viên WTO càng khẳng định vai trò, vị trí của nước ta trên trường quốc tế. Để thực sự bước vào sân chơi lớn, chúng ta phải biết rõ đâu là thuận lợi, khó khăn thách thức phải đối mặt, như vậy mới khắc phục được những nhược điểm, mà trong đó đặc biệt là quan điểm, nhận thức, tư duy, trình độ quản lý theo cơ chế thị trường còn nhiều hạn chế, hệ thống luật pháp thiếu đồng bộ ... đây chính là những vấn đề mà công tác QLNN phải tìm ra hướng đi phù hợp cho nền kinh tế của đất nước.

Hà Giang là một tỉnh miền núi, xa các trung tâm lớn của cả nước; xuất phát điểm thấp, kinh tế chủ yếu dựa vào nông, lâm nghiệp; đường bộ là hệ thống vận tải duy nhất. Do vậy, để kinh tế phát triển trước hết phải chọn hướng đi đúng, có những giải pháp hữu hiệu và các cấp, các ngành phải quyết liệt tổ chức thực hiện theo hướng đã chọn. Để du lịch Hà Giang thực sự là ngành kinh tế động lực thì còn nhiều vấn đề mà công tác QLNN cần phải thực hiện. Nhiệm vụ của tác giả luận văn là nghiên cứu, tìm ra những giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh. Luận văn đã nghiên cứu, thực hiện những nội dung sau:

Một là, hệ thống hóa và làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận cơ bản về du lịch và QLNN về du lịch của chính quyền cấp tỉnh hiện nay, như: Khái niệm, đặc điểm du lịch, các yếu tố tác động tới du lịch; đặc điểm, vai trò, yêu cầu và các nội dung QLNN về lịch của chính quyền cấp tỉnh.

Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng HDDL và QLNN về du lịch ở

tỉnh Hà Giang giai đoạn 2009-2013, đánh giá về tiềm năng, thế mạnh; những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân.

Ba là, đề xuất phương hướng và các giải pháp nhằm tăng cường công tác QLNN về du lịch ở tỉnh Hà Giang hiện nay, bao gồm: (1) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về du lịch; (2) Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tập trung đầu tư có trọng điểm và thu hút đầu tư phát triển du lịch; (3) Tăng cường hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên quan; (4) Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho HDDL ở tỉnh Hà Giang; (5) củng cố tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch chuyên nghiệp; tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành; cải cách thủ tục hành chính liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch; (6) Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch; (7) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động du lịch; (8) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác QLNN về du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Đảng Cộng Việt Nam, 2013. *Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/9/2013 về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng và Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XV và một số chủ trương phát triển tỉnh Hà Giang đến năm 2020*. Hà Nội.
2. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011. Hà Giang nỗ lực thực hiện chiến lược phát triển ngành Du lịch. <http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30567&cn_id=480772>. [Ngày truy cập: 15 tháng 10 năm 2014].
3. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007. Thị xã Hà Giang đẩy mạnh phát triển Du lịch. <http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=0&cn_id=376394>. [Ngày truy cập: 15 tháng 10 năm 2014].
4. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007. Hà Giang nơi hội tụ sắc màu văn hóa dân tộc. <http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30567&cn_id=86397>. [Ngày truy cập: 15 tháng 9 năm 2014].
5. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007. *Một số danh lam thắng cảnh tiêu biểu ở Hà Giang*. <http://dangcongsan.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30567&cn_id=146800>. [Ngày truy cập: 15 tháng 9 năm 2014].
6. Biện Luận, 2014. Du lịch Hà Giang khởi sắc, *Báo điện tử Hà Giang*, <http://www.baohagiang.vn/?lang=V&func=newsdetail&newsid=28748&CatID=109&MN=30>. [Ngày truy cập: ngày 10 tháng 11 năm 2014].
7. Bộ Nội vụ nước Cộng hòa XHCN Việt nam, 2008. *Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BVHTTDL-BNV, ngày 6/6/2008 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch*

thuộc UBND cấp tỉnh, phòng Văn hóa và thông tin thuộc UBND cấp huyện.
Hà Nội.

8. Đàm Văn Bông, 2013. Thực trạng và định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Giang. *Hội thảo khoa học và diễn đàn đầu tư “Vì Hà Giang phát triển”*. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 4 năm 2011.
9. Chính phủ nước công hòa XHCN Việt Nam, 2007. *Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch*. Hà Nội.
10. Chính phủ nước công hòa XHCN Việt Nam, 2014. *Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014, quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*. Hà Nội.
11. Công thông tin điện tử Hà Giang, 2012. *Giới thiệu tổng quan về Hà Giang*. <<http://www.hagiang.gov.vn/province/pages/information.aspx?ItemID=25>>. [Ngày truy cập: 28 tháng 12 năm 2014].
12. Công thông tin điện tử Hà Giang, 2012. *Những lễ hội đặc sắc của các dân tộc tỉnh Hà Giang* <<http://www.hagiang.gov.vn/province/pages/information.aspx?ItemID=30>>. [Ngày truy cập : 28 tháng 12 năm 2014].
13. Cục Thống kê Hà Giang, 2009. *Niên giám Thống kê 2009*. Hà Giang.
14. Cục Thống kê Hà Giang, 2010. *Niên giám Thống kê 2010*. Hà Giang.
15. Cục Thống kê Hà Giang, 2011. *Niên giám Thống kê 2011*. Hà Giang.
16. Cục Thống kê Hà Giang, 2012. *Niên giám Thống kê 2012*. Hà Giang.
17. Cục Thống kê Hà Giang, 2013. *Niên giám Thống kê 2013*. Hà Giang.
18. Đảng cộng sản Việt Nam, 2006. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
19. Đảng cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.

20. Nguyễn Văn Đính và Trần Thị Minh Hòa, 2006. *Giáo trình Kinh tế Du lịch*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.
21. Trần Sơn Hải, 2010. *Phát triển nguồn nhân lực ngành Du lịch khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên*. Luận án Tiến sĩ kinh tế. Học viện Hành chính.
22. Nguyễn Thị Hoàng, 2011. *Giải pháp phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*. Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Đà Nẵng.
23. Nguyễn Thị Mỹ Linh, 2000. *Định hướng phát triển du lịch sinh thái đồng bằng sông cửu long đến năm 2020*. Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Thiên Long, 2013. Đưa cao nguyên Đồng Văn trở thành trung tâm du lịch Quốc gia, *Trung tâm công nghệ thông tin (CINET) Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Việt Nam*, <<http://cinet.gov.vn/ArticleDetail.aspx?articleid=6393&sitepageid=418#sthash.ofeHNnHt.dpbs>>. [Ngày truy cập: 2 tháng 12 năm 2014].
25. Nguyễn Duy Mậu, 2011. *Phát triển du lịch tây nguyên đến năm 2020 đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*. Luận văn Tiến sĩ kinh tế. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Lê Văn Minh và cộng sự, 2006. *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp đầu tư phát triển khu du lịch*. Đề tài khảo học cấp bộ, Viện nghiên cứu phát triển du lịch.
27. Ngọc Phượng, 2014. Ký kết thỏa thuận thiết lập quan hệ hữu nghị giữa Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và Khu thắng cảnh Thạch Lâm, tỉnh Vân nam, Trung Quốc. *Cổng thông tin Ban quản lý Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn*. <<http://dongvangeopark.com/ky-ket-thoa-thuan-thiet-lap-quan-he-huu-nghi-giua-cong-vien-dia-chat-toan-cau-cao-nguyen-da-dong-van-va-khu-thang-can-1>>. [Ngày truy cập: 4

tháng 01 năm 2015].

28. Quốc hội nước công hòa XHCN Việt Nam, 2003. *Luật Tổ chức HĐND và UBND số 12/2003/QH11 ngày 26/11/2003*. Hà Nội.
29. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt nam, 2005. *Luật Du lịch số 44/2005/QH11*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc Gia.
30. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hà Giang, 2009. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2009*. Hà Giang.
31. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hà Giang, 2010. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2010*. Hà Giang.
32. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hà Giang, 2011. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011*. Hà Giang.
33. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hà Giang, 2012. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012*. Hà Giang.
34. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hà Giang, 2013. *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013*. Hà Giang.
35. Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam, 2011. *Quyết định số 2473/QĐ-TTg, ngày 30/12/2011 phê duyệt "Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"*. Hà Nội.
36. Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam, 2013. *Quyết định số 201/QĐ-TTg, ngày 22/01/2013, phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030"*. Hà Nội.
37. Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam, 2013. *Quyết định số 980/QĐ-TTg, ngày 21/06/2013, phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030*. Hà Nội
38. Thủ tướng Chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam, 2013. *Quyết định số 2151/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 phê duyệt chương trình xúc tiến du lịch Quốc gia giai đoạn 2013-2020*. Hà Nội

39. Thủ tướng chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam, 2013. *Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030*. Hà Nội.
40. Thủ tướng chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam, 2014. *Quyết định 826/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030*. Hà Nội.
41. Tổng cục Du lịch, 2013. *Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*. Hà Nội
42. Tỉnh ủy Hà Giang, 2010. *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV nhiệm kỳ (2010 -2015)*. Hà Giang.
43. Tỉnh ủy Hà Giang, 2010. *Báo cáo Chính trị của ban chấp hành đảng bộ tỉnh khóa XV trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV nhiệm kỳ (2010 -2015)*. Hà Giang.
44. Lê Hoàng Tân, 2011. *Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020*. Luận ăn Thạc sĩ kinh tế. Trường Đại học Đà Nẵng.
45. Nguyễn Xuân Trường và cộng sự, 2012. *Tìm hiểu tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch tỉnh Hà Giang*. Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Thái nguyên.
46. Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, 1999. *Pháp lệnh Du lịch ngày 08/02/1999*. Hà Nội
47. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2003. *Quyết định 2421/QĐ-UBND ngày 11/9/2003 của UBND tỉnh về phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Giang thời kỳ 2002-2010 và định hướng đến năm 2020*. Hà Giang.

48. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, 2014. *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*. Hà Giang.
49. Nguyễn Thanh Vĩnh, 2007. *Phát triển du lịch Lâm Đồng đến năm 2020*. Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
50. Nguyễn Tấn Vinh, 2008. *Hoàn thiện QLNN về du lịch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*. Luận án Tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân.
51. Nguyễn Vũ, 2013. Hỗ trợ, hợp tác phát triển du lịch Hà Giang. *Tạp chí du lịch Việt Nam*. <<http://www.vtr.org.vn/index.php?options=items&code=4392>>. [Ngày truy cập: ngày 15 tháng 11 năm 2014].
52. Bùi Thị Hải Yến, 2009. *Giáo trình Quy hoạch du lịch*. Hà Nội: Nhà xuất bản giáo dục.